

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** Triết học Mác - Lênin
- 2. Mã học phần:** CTRI 004
- 3. Số tín chỉ:** 3 (3, 0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bổ thời gian**
 - Lý thuyết: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 90 tiết
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không.
- 7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduc linh@gmail.com
2.	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
3.	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
4.	ThS. Đỗ Thị Thuý	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com
5.	TS. Phạm Văn Dự	0976.181.949	Phamvandu84@gmail.com
6.	TS. Nguyễn Thị Nhan	0386.620.358	Nguyenthinhan010187@gmail.com
7.	TS. Phùng Thị Lý	0989.407.962	phunglysd@gmail.com
8.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	0384.080136	Honghoa_dhsd@yahoo.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được được khái quát nội dung và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.	2	[1.2.1.1a]
MT1.2	Hiểu được chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.	2	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích được các nguyên lý của triết học Mác - Lênin.	4	[1.2.2.2]
MT2.2	Vận dụng kiến thức triết học Mác - Lênin để đánh giá các vấn đề tự nhiên, xã hội và tư duy và giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm trong công việc.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực làm việc theo nhóm thực hiện các nhiệm vụ chung.	4	

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được khái niệm và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.	2	[2.1.1]
CDR1.2	Diễn giải các nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhân thức. Lấy được ví dụ làm rõ nội dung.	2	
CDR1.3	Diễn giải các nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, nhà nước và dân tộc, giai cấp và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Lấy được ví dụ làm rõ nội dung.	2	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Truyền đạt được các nguyên lý của triết	4	[2.2.4]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	học Mác - Lênin; phản biện với những luận điểm sai trái.		
CDR2.2	Vận dụng kiến thức triết học Mác - Lênin để giải quyết vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy; thích ứng với môi trường học tập và cuộc sống.	3	
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, sáng tạo trong vận dụng các nguyên lý của triết học vào thực tiễn.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng định hướng, lập kế hoạch, đưa ra kết luận, bảo vệ quan điểm cá nhân trong học tập và rèn luyện.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	CHƯƠNG I. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI I. Triết học và những vấn đề cơ bản của triết học II. Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội	x			x		x	
2	CHƯƠNG II. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG I. Vật chất và ý thức II. Phép biện chứng duy vật III. Lý luận nhận thức		x		x	x	x	x
3	CHƯƠNG III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội II. Giai cấp và dân tộc III. Nhà nước và cách mạng xã hội IV. Ý thức xã hội			x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	V. Triết học về con người							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, bài tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần.	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần.	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần.	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: Vấn đáp; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm, tham gia thảo luận trên lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, giáo trình, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2019), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long (2002), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] - Nguyễn Viết Thông (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	CHƯƠNG I. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI Mục tiêu chương: Trình bày được khái lược về triết học, sự ra đời và phát triển, đối tượng, chức năng triết học Mác - Lênin. Liên hệ được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Triết học và những vấn đề cơ bản của triết học 1. Khái lược về triết học a. Nguồn gốc của triết học b. Khái niệm triết học c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan 2. Vấn đề cơ bản của triết học a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm c. Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết 3. Biện chứng và siêu hình a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử II. Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội 1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác -	9 (9LT, 0TH)	Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với thực quan. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương I; [2]: tr. 131 - 164. [3]: tr. 11 - 42 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm.	CĐR1.1 CĐR2.1 CĐR3.1

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Lênin a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển triết học Mác 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin a. Khái niệm triết học Mác - Lênin b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin c. Chức năng của triết học Mác - Lênin 3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay		+ Liên hệ lý luận với ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: Phần c, d (1/I); phần c (2/I); phần c, d (1/II/ chương I).	
2	CHƯƠNG II. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG Mục tiêu chương: Trình bày được mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, nội dung của phép biện chứng gồm 2 nguyên lý, 6 cặp phạm trù và 3 quy luật, rút ra được ý nghĩa phương pháp luận; sinh viên lấy được ví dụ và liên hệ với thực tiễn. Hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng cho bản thân. Nội dung cụ thể: I. Vật chất và ý thức 1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất d. Các hình thức tồn tại của vật chất e. Tính thống nhất vật chất của thế giới 2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức	20 (18LT, 0TH, 02KT)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn.	CĐR1.2 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	a. Nguồn gốc của ý thức b. Bản chất của ý thức c. Kết cấu của ý thức 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng II. Phép biện chứng duy vật 1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan b. Khái niệm phép biện chứng duy vật 2. Nội dung của phép biện chứng duy vật a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật * Cái riêng và cái chung * Nguyên nhân và kết quả * Tất nhiên và ngẫu nhiên * Nội dung và hình thức * Bản chất và hiện tượng * Khả năng và hiện thực c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật * Quy luật về những sự thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại * Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập * Quy luật phủ định của phủ định III. Lý luận nhận thức 1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 5. Tính chất của chân lý		+ Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương II; [2]: tr. 164 - 348. [3]: tr. 42 - 129 + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ lý luận với thực tiễn, với ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: Phần d, e (1/I) phần c (2/I); phạm trù nội dung và hình thức; bản chất và hiện tượng; khả năng và hiện thực, phần c (2/II/ chương II); phần 2, 5 (III). + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
3	CHƯƠNG III. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ Mục tiêu chương: Trình bày và liên hệ thực tiễn để làm rõ các nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Giúp sinh viên tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng các nội dung triết học Mác - Lênin về con người để rèn luyện, hình thành nhân cách của bản thân. Nội dung cụ thể: I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội Kiểm tra giữa học phần 2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất a. Phương thức sản xuất b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng II. Giai cấp và dân tộc 1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp a. Giai cấp b. Đấu tranh giai cấp c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản 2. Dân tộc	16 (16LT, 0TH)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Giao chủ đề thuyết trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương III; [2]: Tr. 349 - 462. [3]: Tr. 130 - 188. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Thuyết trình theo chủ đề giảng viên giao. + Liên hệ lý luận với thực tiễn và ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu	CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay 3. Môi quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại a. Quan hệ giai cấp - dân tộc b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại III. Nhà nước và cách mạng xã hội 1. Nhà nước a. Nguồn gốc của Nhà nước b. Bản chất của Nhà nước c. Đặc trưng cơ bản của Nhà nước d. Chức năng cơ bản của Nhà nước e. Các kiểu và hình thức Nhà nước 2. Cách mạng xã hội a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội b. Bản chất của cách mạng xã hội c. Phương pháp cách mạng d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay IV. Ý thức xã hội 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội a. Khái niệm tồn tại xã hội b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội a. Khái niệm ý thức xã hội b. Kết cấu của ý thức xã hội c. Tính giai cấp của ý thức xã hội d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội e. Các hình thái ý thức xã hội g. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội V. Triết học về con người 1. Khái niệm con người và bản chất con người 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử		dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu [1]: Phần 3/I; phần 3/II; phần e/1/III; phần d/2/III; phần b,e/2; phần e/1/III, phần 2/III; phần c, d/2/IV; phần 3/V.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam			

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Phạm Thị Hồng Hoa

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dành chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** Tư tưởng Hồ Chí Minh
- 2. Mã học phần:** CTRI 005
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 2
- 5. Phân bổ thời gian:**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sau khi học xong học phần: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin.
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	phamxuanducdhds@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	0984794081	kimnguyendhsd1@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	0904.476.146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhadhsd@gmail.com
5	ThS. Đặng Thị Dung	0357.158.987	dungdungdhds@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Tình	0984.327.750	Tinh261086@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư	2	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh.		
MT1.2	Chứng tỏ được phương pháp tư duy khoa học, nâng cao niềm tin, lòng tự hào về chủ tịch Hồ Chí Minh và hệ thống tư tưởng của Người.	2	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh, liên hệ thực tế để làm rõ.	4	[1.2.2.2]
MT2.2	Áp dụng kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với các công việc được phân công.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.	4	

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức được ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	[2.1.1]
CDR1.2	Giải thích được những nội dung, quan điểm cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.	2	
CDR1.3	Tóm tắt được những nội dung, quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Phân tích được các nội dung kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh, liên hệ thực tiễn cách mạng Việt Nam để làm rõ giá trị tư tưởng của Người.	4	[2.2.4]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CĐR2.2	Áp dụng kiến thức tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề thực tiễn và ngành nghề đang theo học	3	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Phân tích, định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	Chương I. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. I. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh II. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh III. Phương pháp nghiên cứu IV. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x		x	
2	Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh		x		x	x	x	x
3	Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội IV. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay		x	x	x	x	x	x
4	Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ			x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
	NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản Việt Nam II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước							
5	Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế III. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay			X	X	X	X	X
6	Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người IV. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh			X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, bài tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập;	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá

	điểm chuyên cần.			
2	Kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: vấn đáp; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 50 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm, tham gia thảo luận trên lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: vở ghi, giáo trình, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần:

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trường Đại học Sao Đỏ (2020), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy và học:

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	Chương I. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. - Củng cố niềm tin khoa học, trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. - Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác.	02 LT	Thuyết trình; nêu vấn đề, thảo luận, dự án - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện dự án về một tấm gương người tốt việc	CĐR1.1 CĐR2.1 CĐR3.1

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	- Củng cố niềm tin khoa học, trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. - Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. Nội dung cụ thể: I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học b. Thống nhất lý luận và thực tiễn c. Quan điểm lịch sử - cụ thể d. Quan điểm toàn diện và hệ thống e. Quan điểm kế thừa và phát triển 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác c. Chủ nghĩa Mác-Lênin 3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh a. Phẩm chất Hồ Chí Minh b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận		tốt trong trường - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] tr 1-8, [2] tr 7 - 56, [3] tr 17 - 52, + SV tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của GV phần I (3) chương II. + SV thực hiện dự án về một tấm gương người tốt việc tốt trong trường. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
2	Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. - Làm rõ được cơ sở khoa học hình thành và các giai đoạn phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay. Nội dung cụ thể: I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ	04 LT	Thuyết trình; Nêu vấn đề; làm việc nhóm - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu	CDR1.2 CDR2.1 CDR2.2 CDR3.1 CDR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn a. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX b. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 2. Cơ sở lý luận a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam b. Tinh hoa văn hoá nhân loại II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới 2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực		[1] tr 9 - 21, [3] tr 54 - 89, [4] tr 44 - 112, + Tìm và sưu tầm tư liệu về hoạt động của Hồ Chí Minh trong các thời kỳ. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo sự hướng dẫn của GV phần II. 2,3.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.			
3	Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Vận dụng sáng tạo để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC - Vấn đề độc lập dân tộc - Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc - Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân - Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để - Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ - Về cách mạng giải phóng dân tộc - Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản - Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo - Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng - Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc - Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM - Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội	06 LT	Thuyết trình; Nêu vấn đề; làm việc nhóm, thảo luận - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Phân tích nội dung + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] tr 22 - 42, [2]tr97-127 [3]tr 90 – 131. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần I.1.d, II.3. + Tìm các câu trích dẫn cho các luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. + SV tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần I.2.	CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.			
4	Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO	6 LT	Thuyết trình; Đàm thoại, nêu vấn đề, thảo luận nhóm	CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của dân, do dân và vì dân. - Có niềm tin vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Tích cực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng Đảng, Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Nội dung cụ thể: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh a. Đảng là đạo đức, là văn minh b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN 1. Nhà nước dân chủ a. Bản chất giai cấp của nhà nước b. Nhà nước của nhân dân c. Nhà nước do nhân dân d. Nhà nước vì nhân dân - Kiểm tra giữa học phần 2. Nhà nước pháp quyền a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp b. Nhà nước thượng tôn pháp luật c. Pháp quyền nhân nghĩa 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh a. Kiểm soát quyền lực nhà nước b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước		- Giảng viên: + Giải thích các định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: Đọc trước tài liệu [1] tr 43-62, [3] tr 132 - 175. + Lấy ví dụ thực tế ngành nghề phần I.2.b.c. + SV tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần I.2. + SV làm bài kiểm tra giữa học phần.	CDR3.1 CDR3.2
5	Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ	06 LT	Thuyết trình; nêu vấn đề, làm việc	CDR1.3 CDR2.1

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. - Tích cực xây dựng khối đại đoàn dân tộc, đoàn kết quốc tế. - Luôn cảnh giác và chống lại âm mưu của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Nội dung cụ thể: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất a. Mặt trận dân tộc thống nhất b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất 5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức a. Các lực lượng cần đoàn kết		nhóm. - Giảng viên: + Giải thích các định nghĩa, tính chất. + Đưa nội dung tranh luận. + Tổ chức thảo luận + Giao bài tập cho cá nhân và các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] tr 63 - 82, [3] tr 176 - 209. + Chuẩn bị thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên phần 2. + SV tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần I.4. + Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề phần 3 và 4 (I).	CDR2.2 CDR3.1 CDR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	b. Hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế			
6	Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI Mục tiêu chương: - Sinh viên hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. - Tích cực học tập và làm theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng. - Rèn luyện con người xã hội chủ nghĩa đáp ứng giai đoạn hiện nay. Nội dung cụ thể: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng b. Văn hóa là một mặt trận c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân 3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền	06 LT	Thuyết trình, nêu vấn đề, làm việc nhóm - Giảng viên: + Giải thích các định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1] tr 83 - 120, [2] tr 234-290, [3]tr 333-409, [4] tr 20 – 27. - Sưu tầm các câu chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Lấy ví dụ liên hệ ngành nghề phần I.2, II.2. - Chuẩn bị nội dung thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng	CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	văn hóa mới II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng a. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng b. Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội 2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng a. Trung với nước, hiếu với dân b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa d. Tinh thần quốc tế trong sáng 3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức b. Xây đi đôi với chống c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Về xây dựng đạo đức cách mạng		viên phần II.2. - SV tự nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên phần II.3.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên


Phạm Thị Hồng Hoa


Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dành chung cho các ngành

- Tên học phần:** Kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Mã học phần:** CTRI 002
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sau khi học xong học phần Triết học Mác - Lênin.
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	0384.080136	Honghoa_dhsd@yahoo.com
2.	ThS. Vũ Văn Đông	0985.412.618	Duydongvu82@gmail.com
3.	ThS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduc linh@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	0904.476.146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
5.	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
6.	TS. Phùng Thị Lý	0989.407.962	phunglysd@gmail.com
7.	ThS. Đỗ Thị Thuỳ	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản khoa học về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của Kinh tế chính trị; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Giúp sinh viên nhận thức được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế diễn ra trong xã hội, tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương pháp luận khoa học cho sinh viên trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị; những nội dung, quan điểm cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.	3	[1.2.1.1a]
MT1.2	Hiểu được các quy luật kinh tế của Chủ nghĩa Mác – Lênin.	4	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích những nội dung cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin, liên hệ thực tế để làm rõ.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng kiến thức kinh tế chính trị Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề đặt ra trong nền kinh tế thị trường hiện nay.	4	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.	4	

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của kinh tế chính trị.	2	[2.1.1]
CDR1.2	Diễn giải những nội dung cơ bản về hàng hóa, thị trường và các chủ thể tham gia thị trường, giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	
CDR1.3	Diễn giải được các nội dung về nền kinh tế thị	4	

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	trường ở Việt Nam. Lấy ví dụ làm rõ.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Truyền đạt được những nội dung cơ bản về kinh tế chính trị Mác - Lênin, liên hệ thực tế để làm rõ.	4	[2.2.5]
CĐR2.2	Có kỹ năng vận dụng được kiến thức kinh tế chính trị Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề đặt ra trong nền kinh tế thị trường hiện nay.	3	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, sáng tạo trong vận dụng các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng định hướng, lập kế hoạch, bảo vệ quan điểm cá nhân trong học tập và rèn luyện.	4	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị học Mác – Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị học Mác – Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị học Mác – Lênin	x			x		x	x
2	Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 2.1. Sản xuất hàng hoá và hàng hoá 2.2. Thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của thị trường 2.3. Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường		x		x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
3	Chương 3. SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ VÀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 3.1. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.2. Quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường		x		x	x	x	x
4	Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 4.1. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường		x		x	x	x	x
5	Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM 5.1. Khái niệm, đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam			x	x	x	x	x
6	Chương 6. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM 6.1. Cách mạng công nghiệp và vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam			x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CĐR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần.	01 điểm	20%	Điểm trung bình các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần.	01 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần.	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm học phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: Vấn đáp; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 50 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm, tham gia thảo luận trên lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, giáo trình, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2019), *Giáo trình Kinh tế chính trị*, in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo.

[2] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] - C. Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập, Tập 25*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN Mục tiêu chương: Trình bày được khái quát sự ra đời và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin, đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Liên hệ được vai trò của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong sản xuất, trao đổi của xã hội và trong quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay. Nội dung cụ thể: 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3. Chức năng kinh tế của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng tư tưởng 1.3.3. Chức năng thực tiễn 1.3.4. Chức năng phương pháp luận	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá phần tự học và liên hệ của sinh viên. - Sinh viên: + Sinh viên đọc tài liệu số [1] tr. 1 - 25. + Đọc tài liệu số: [3], tr 7 – 19; tr 53 – 75. + Đọc tài liệu ở nhà phần 1.1 (chương số 1) + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Thảo luận theo nhóm. + Liên hệ lý luận với ngành nghề đang theo học. + Tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên tài liệu	CĐR1.1 CĐR2.1 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[1]: phần c, d (1/I); phần c (2/I); phần c, d (1/II/ chương I)	
2	Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG Mục tiêu chương: Trình bày được các vấn đề về hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa; tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa; nguồn gốc bản chất của giá trị; tiền tệ, giá cả thị trường và các mối quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hóa trên thị trường thông qua các quy luật kinh tế. Liên hệ được quá trình hình thành và phát triển nền sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện nay và vận dụng quá trình hoạt động thực tiễn của bản thân. Nội dung cụ thể: 2.1. Sản xuất hàng hoá và hàng hoá 2.1.1. Điều kiện ra đời và phát triển của sản xuất hàng hóa 2.1.1.1. Sản xuất hàng hóa và điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa 2.1.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa 2.1.3. Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa 2.1.4. Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa 2.1.4.1. Thước đo lượng giá trị của hàng hóa 2.1.4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa 2.1.5. Một số loại hàng hóa đặc biệt 2.1.5.1. Hàng hóa dịch vụ 2.1.5.2. Tiền tệ 2.1.5.3. Hàng hóa sức lao động 2.1.5.4. Đất đai 2.1.5.5. Cổ phiếu, trái phiếu và các loại giấy tờ	06 (06LT, 0TH)	Thuyết trình; Phương pháp động não; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá phần tự học, thảo luận và liên hệ của sinh viên. - Sinh viên + Đọc tài liệu [4], tr 191 – 225. + Đọc tài liệu số [5], tr 113 - 115. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 2.1 và phần 2.2 + Đọc tài liệu ở nhà phần 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.2.1; 2.2.3; 2.3.1; 2.3.2. 2.1.2;	CĐR1.2 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	có giá khác 2.2. Thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của thị trường 2.2.1. Khái niệm và vai trò của thị trường 2.2.1.1. Khái niệm về thị trường 2.2.1.2. Vai trò của thị trường 2.2.1.3. Các chức năng chủ yếu của thị trường 2.2.2. Phân loại thị trường 2.2.3. Các quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường 2.2.3.1. Quy luật giá trị 2.2.3.2. Quy luật cung cầu 2.2.3.3. Quy luật lưu thông tiền tệ 2.2.3.4. Quy luật cạnh tranh 2.3. Vai trò các chủ thể tham gia thị trường 2.3.1. Người sản xuất 2.3.2. Người tiêu dùng 2.3.3. Thương nhân và các trung gian thương mại 2.3.4. Nhà nước		+ Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của GV phần 2.1.5; 2.2.1; 2.2.2 và 2.3.3; 2.3.4.	
3	Chương 3. SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ VÀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Mục tiêu chương: Trình bày được quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; quan hệ về mặt lợi ích trong nền kinh tế thị trường. Liên hệ quá trình sản xuất giá trị thặng dư và biểu hiện quan hệ lợi ích trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay và vận dụng quá trình hoạt động thực tiễn của bản thân. Nội dung cụ thể: 3.1. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.1.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.2. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa	06 (06LT, 0TH)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Giao chủ đề thuyết	CĐR1.2 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	3.1.2.1. Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối 3.1.2.2. Sản xuất giá trị thặng dư tương đối 3.1.3. Tích lũy và tái sản xuất mở rộng 3.1.3.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.1.3.2. Những nhân tố quyết định quy mô tích lũy 3.1.3.3. Quy luật phổ biến của tích lũy tư bản 3.1.4. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1.4.1. Lợi nhuận, lợi nhuận bình quân 3.1.4.2. Lợi tức 3.1.4.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa 3.2. Quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường 3.2.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 3.2.1.1. Lợi ích kinh tế 3.2.1.2. Các hình thức lợi ích kinh tế 3.2.1.3. Vai trò của lợi ích kinh tế trong phát triển 3.2.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế 3.2.2. Các quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường 3.2.2.1. Quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động 3.2.2.2. Quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động 3.2.2.3. Quan hệ lợi ích giữa những người lao động 3.2.2.4. Quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội 3.2.3. Phương thức thực hiện các quan hệ lợi ích 3.2.3.1. Cơ chế thị trường 3.2.3.2. Tác động của Nhà nước đến quan hệ các lợi ích kinh tế 3.2.4. Vai trò Nhà nước trong bảo đảm hài hòa các lợi ích 3.2.4.1. Tạo lập môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế 3.2.4.2. Tối ưu hóa quan hệ nhà nước và thị trường 3.2.4.3. Hoàn thiện công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô		trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình. + Nhận xét, đánh giá phần tự học, thảo luận và liên hệ của sinh viên. - Sinh viên: + Sinh viên đọc tài liệu số [1] tr. 25 - 57. + Đọc tài liệu số: [2], tr 21 - 28 + Đọc tài liệu số: [3], tr 83 - 121 + Đọc tài liệu số: [4], tr 227 - 259. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 2.3; 3.1 và 3.2. + Sinh viên tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của GV phần 2.3.3; 2.3.4 (2.3); 3.1.4 (3.1); 3.2.1.2; 3.2.1.3 (3.2.1/3.2).	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	3.2.4.4. Thực hiện công bằng xã hội trong quan hệ biện chứng với tăng trưởng kinh tế 3.2.4.5. Chống mọi hình thức thu nhập bất hợp pháp			
4	Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Mục tiêu chương: Trình bày được cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường là một tất yếu khách quan gắn với kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường và vấn đề độc quyền cũng như chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Liên hệ thực tiễn vấn đề cạnh tranh với độc quyền trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay và vận dụng quá trình hoạt động thực tiễn của bản thân. Nội dung cụ thể: 4.1. Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường 4.1.1. Cạnh tranh trong nội bộ ngành và sự hình thành giá trị thị trường 4.1.2. Cạnh tranh giữa các ngành và sự hình thành lợi nhuận bình quân 4.1.3. Tác động của cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường 4.1.3.1. Những tác động tích cực 4.1.3.2. Những tác động tiêu cực 4.2. Độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.1.1. Nguyên nhân hình thành độc quyền 4.2.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền 4.2.1.3. Độc quyền và cạnh tranh, lợi nhuận độc quyền và giá cả độc quyền 4.2.1.4. Tác động của độc quyền trong nền	05 (04LT, 0TH, 01KT)	Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận kết hợp với trực quan hình ảnh. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá phần tự học, thảo luận và liên hệ của sinh viên. - Sinh viên: + Sinh viên đọc tài liệu số [1] tr. 58 - 90. + Đọc tài liệu số: [3], tr 201 – 233. + Đọc tài liệu số: [4], tr 289 – 294. + Đọc tài liệu số: [5], tr 431 – 438. + Lắng nghe, quan sát,	CĐR1.2 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	kinh tế thị trường 4.2.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước 4.2.2.1. Nguyên nhân ra đời và phát triển chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 4.2.2.2. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền 4.2.2.3. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 4.2.2.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản Kiểm tra giữa học phần		ghi chép và giải quyết vấn đề. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 4.1; 4.2 (chương 4) và 5.1 (chương 5). + Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của GV phần 4.1.3; 4.2.1.3; 4.2.1.4; 4.2.2.3; 4.2.2.4. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm, đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vận dụng liên hệ những nội dung, biểu hiện của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Nội dung cụ thể: 5.1. Khái niệm, đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là tất yếu khách quan 5.1.2. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	05 (05LT, 0TH)	Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá phần tự học, thảo luận và liên hệ của sinh viên.	CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	5.2.1. Khái niệm về thể chế, thể chế kinh tế, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 5.2.2. Hoàn thiện thể chế về sở hữu 5.2.3. Hoàn thiện thể chế phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp 5.2.4. Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường 5.2.5. Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng an ninh và thích ứng với biến đổi khí hậu 5.2.6. Hoàn thiện thể chế về hội nhập kinh tế quốc tế 5.2.7. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa		- Sinh viên: + Sinh viên đọc tài liệu [1] tr. 91 - 141. + Đọc tài liệu [2], tr 221 – 237. + Đọc tài liệu [3], tr 327 – 363. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 5.2. + Đọc tài liệu ở nhà phần 5.2.1.; 5.2.2; 5.2.3. + Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của GV phần 5.2.4.; 5.2.5; 5.2.6; 5.2.7.	
6	Chương 6. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM Mục tiêu chương: Trình bày được bản chất, vai trò và những tác động, yêu cầu của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển; vai trò, tính tất yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Vận dụng liên hệ với cuộc cách mạng khoa học công nghệ và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay; liên hệ với bản thân học tập để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập hiện nay.	05 (05LT, 0TH)	Thuyết trình; phương pháp động não; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm.	CDR1.3 CDR2.1 CDR2.2 CDR3.1 CDR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	Nội dung cụ thể: 6.1. Cách mạng công nghiệp và vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển 6.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp 6.1.1.1. Khái niệm “cách mạng công nghiệp” 6.1.1.2. Sơ lược lịch sử các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới 6.1.2. Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của các quốc gia trong điều kiện hiện nay 6.1.2.1. Thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất 6.1.2.2. Thúc đẩy quá trình hoàn thiện quan hệ sản xuất 6.1.2.3. Thúc đẩy quá trình đổi mới phương thức quản trị phát triển 6.1.2.4. Phương thức thích ứng của Việt Nam với cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và các hình thức Hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.1.1. Khái niệm Hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.1.2. Tính tất yếu khách quan của Hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.1.3. Các hình thức Hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của Hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam 6.2.2.1. Tác động tích cực của Hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2.2. Tác động tiêu cực của Hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.3.1. Nhận thức đúng đắn về hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.3.2. Xây dựng chiến lược và lộ trình hội nhập kinh tế phù hợp 6.2.3.3. Tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ		+ Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá phần tự học, thảo luận và liên hệ của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc tài liệu số: [5], tr 457 - 461. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 6.1 và 6.2. + Đọc tài liệu ở nhà phần 6.1.1; 6.1.2; 6.2.1.1; 6.2.1.2; 6.2.2.1; 6.2.2.2. + Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của GV phần 6.2.3.1; 6.2.3.2; 6.2.3.3; 6.2.3.4; 6.2.3.5; 6.2.3.6.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực 6.2.3.4. Hoàn thiện thể chế kinh tế và luật pháp 6.2.3.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của nền kinh tế 6.2.3.6. Đảm bảo lợi ích quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế			

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Phạm Thị Hồng Hoa

TRƯỞNG BỘ MÔN



Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Mã học phần: CTRI 001

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0974.588.423	Nhungkienlinhchi@gmail.com
2.	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
3.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	0384.080136	Honghoa_dhsd@yahoo.com
4.	TS. Nguyễn Thị Nhan	0386.620.358	Nguyenthinhan010187@gmail.com
5.	TS. Phùng Thị Lý	0989.407.962	phunglysd@gmail.com
6.	ThS. Vũ Văn Đông	0985.412.618	Duydongvu82@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp	2	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa.		
MT1.2	Diễn giải được vấn đề giai cấp, dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích những nội dung cơ bản về chủ nghĩa xã hội, liên hệ với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng kiến thức về chủ nghĩa xã hội để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.	4	

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.	2	[2.1.1]
CDR1.2	Diễn giải được các vấn đề về giai cấp, dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	
CDR1.3	Diễn giải được các vấn đề thực tiễn của xã hội Việt Nam hiện nay, lấy ví dụ làm rõ.	3	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Truyền đạt được các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội;	4	[2.2.4]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
	phản biện với những luận điểm sai trái.		
CDR2.2	Có kỹ năng vận dụng được kiến thức về chủ nghĩa xã hội để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, sáng tạo trong vận dụng các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng định hướng, lập kế hoạch, đưa ra kết luận, bảo vệ quan điểm cá nhân trong học tập và rèn luyện.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	Chương 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học	x			x		x	x
2	Chương 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 3. Sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam	x		x	x	x	x	x
3	Chương 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa	x		x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam							
4	Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam		x	x	x	x	x	x
5	Chương 5. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		x	x	x	x	x	x
6	Chương 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		x	x	x	x	x	x
7	Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình		x	x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	2. Những cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Xây dựng gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CDR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, bài tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CDR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần.	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: Vấn đáp; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 50 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm, tham gia thảo luận trên lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: vở ghi, giáo trình, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, in lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

[2] - Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] - C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, Tập 20, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	Chương 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC * Mục tiêu chương: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để sinh viên nghiên cứu các phạm trù tiếp theo của chủ nghĩa xã hội khoa học. * Nội dung cụ thể: 1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học - một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin. 1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội 1.2.2. Tiền đề khoa học và tư tưởng lý luận 1.3. Vai trò của Các Mác và Phrêđrích Ăngghen 1.3.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị 1.3.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và	03 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + SV đọc tài liệu [1], tr. 3 - 18. + Đọc tài liệu số [3], tr 2 - 18. + Đọc tài liệu số [4], tr 11 - 30.	CDR1.1 CDR2.1 CDR3.1 CDR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Ph.Ăngghen 1.3.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học 2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 2.1.1. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871) 2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895 2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga 2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga 2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay 3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học 3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học		+ Đọc tài liệu số [5], tr 393. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + SV nghiên cứu tài liệu theo hướng dẫn của GV: Chuẩn bị nội dung thảo luận phần 3 - Chương 1, tài liệu [1]. + Liên hệ thực tiễn CNXH ở một số quốc gia trên thế giới trong giai đoạn hiện nay. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.	
2	Chương 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN * Mục tiêu chương: Giúp sinh viên nắm vững những nội dung cơ bản của lý luận về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay. Qua đó sinh viên nắm vững phương pháp để chủ động tiếp thu kiến thức, vận dụng phân tích về sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam, nhất là trong điều kiện hiện nay.	05 (5LT, 0TH)	Thuyết trình; phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.	CĐR1.1 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	* Nội dung cụ thể: 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.1. Quan niệm về giai cấp công nhân 1.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử 1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3.2. Nhân tố chủ quan để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử 2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.1. Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng 3.3. Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 3.4. Phê phán một số quan điểm sai trái, xuyên tạc bản chất, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân		+ Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + SV đọc tài liệu [1], tr. 19 - 25. + Đọc tài liệu số [3], tr. 56 - 67. + Đọc tài liệu số: [4], tr. 361 - 378. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV: Phần 2 - chương 2, tài liệu [1]. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 2.1 và 2.2. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Liên hệ những vấn đề thực tiễn về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.	
3	Chương 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI * Mục tiêu chương: Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và quá	04 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng	CĐR1.1 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Giúp sinh viên bước đầu có khả năng vận dụng những nội dung bài học vào phân tích, giải đáp những vấn đề thực tiễn liên quan đến chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. * Nội dung cụ thể: 1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội 1.1. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội 1.2. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.2. Tính tất yếu, nội dung, đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Giao chủ đề thuyết trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + SV đọc tài số [1], tr. 26 - 40. + Đọc tài liệu số [3], tr 68 - 74. + Đọc tài liệu số [4], tr. 397 - 419. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV: Phần 3 - chương 2, tài liệu [1]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Lấy ví dụ liên hệ thực tế ngành nghề phần 3.1 và 3.2. + Liên hệ những vấn đề thực tiễn về thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay.	
4	Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA * Mục tiêu chương: Giúp sinh viên nhận thức đầy đủ và đúng bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	05 (4LT, 0TH, 01KT)	Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan. - Giảng viên:	CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ và Nhà nước xã hội chủ ở Việt Nam hiện nay. Giúp sinh viên có khả năng vận dụng lý luận về dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa vào việc phân tích những hiện tượng, vấn đề liên quan đến dân chủ, xây dựng Nhà nước trong thực tiễn, trước hết là trong công việc, nhiệm vụ của cá nhân. * Nội dung cụ thể: 1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 1.1. Quan niệm về dân chủ 1.2. Quan niệm về dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.1.2. Bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.1.3. Chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 3.3. Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.3.1. Phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay 3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Kiểm tra giữa học phần.		+ Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + SV đọc tài liệu số [1], tr. 40 - 56. + Đọc tài liệu số [2], tr 89 - 91. + Đọc tài liệu số [3], tr 154 - 178. + Đọc tài liệu số [4], tr 429 - 436. + Đọc tài liệu số [5], tr 402 - 530. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV: Phần 3 - chương 3, tài liệu [1]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Liên hệ những vấn đề thực tiễn về nền dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay. + SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV: Phần 2.2- chương 4, tài liệu [1]. + Liên hệ thực tiễn về	CDR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			nền dân chủ XHCN, Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	Chương 5. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI * Mục tiêu chương: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên hiểu rõ vị trí, vai trò của những giai cấp, tầng lớp cơ bản trong quá trình xây dựng đất nước và nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giúp sinh viên có kỹ năng nhận diện những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp và nội dung liên minh giai cấp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. * Nội dung cụ thể: 1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.1. Quan niệm về cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp 1.1.1. Quan niệm và các loại cơ cấu xã hội 1.1.2. Quan niệm về cơ cấu xã hội - giai cấp và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 1.2. Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp	05 (5LT, 0TH)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, tổ chức cho sinh viên tranh luận kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Đưa vấn đề tranh luận. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá - Sinh viên: + SV đọc tài liệu số [1], tr. 57 - 60. + Đọc tài liệu số: [3], tr 179 – 189. + Đọc tài liệu số: [4], tr 388 - 397. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV: Phần 1.2 - chương 5, tài liệu [1].	CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2. Phương hướng cơ bản nhằm phát huy tính tích cực của biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		+ Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Liên hệ thực tiễn về liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay.	
6	Chương 6. VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI * Mục tiêu chương: Trang bị cho sinh viên quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo. Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tư duy và năng lực vận dụng những nội dung trong bài học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. * Nội dung cụ thể: 1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1.1. Dân tộc và các đặc trưng của dân tộc 1.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc 1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.4. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ giai cấp - dân tộc	04 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm, kết hợp với nêu vấn đề và trực quan hình ảnh, clip. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Giao chủ đề thuyết trình, hướng dẫn sinh viên thuyết trình. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + SV đọc tài liệu số [1],	CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo và nguồn gốc, bản chất, tính chất, chức năng của tôn giáo 2.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. Vấn đề dân tộc và vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.1. Khái quát tình hình, đặc điểm dân tộc; quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam 3.2. Tình hình, đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo		tr. 60 - 70. + Đọc tài liệu số: [2], tr 11 – 54. + Đọc tài liệu số: [3], tr 188 – 396. + Đọc tài liệu số: [4], tr 189 – 205. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV: Phần 3.1- chương 5, tài liệu [1]. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Liên hệ thực tiễn về vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.	
7	Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI * Mục tiêu chương: Cung cấp cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay. Sinh viên có kỹ năng, phương pháp khoa học trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề gia đình và xây dựng gia đình, từ đó có những nhận thức mới, độc lập về vấn đề này. * Nội dung cụ thể: 1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 1.1. Khái niệm gia đình và các hình thức gia đình trong lịch sử 1.2. Mối quan hệ giữa gia đình và xã hội 2. Những cơ sở xây dựng gia đình trong	04 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm kết hợp với trực quan. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học. + Liên hệ lý luận với thực tiễn. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + SV đọc tài liệu số [1], tr. 93 - 101.	CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Cơ sở chính trị - xã hội 2.2. Cơ sở kinh tế - xã hội 2.3. Cơ sở văn hóa 2.4. Chế độ hôn nhân tiên bộ 3. Xây dựng gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi của gia đình 3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		+ Đọc tài liệu số: [3], tr 238 – 296. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + SV tự nghiên cứu theo hướng dẫn của GV: Phần 2 - chương 7, tài liệu [1], chuẩn bị thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Liên hệ thực tiễn về xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Phạm Thị Hồng Hoa



Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo : Dùng chung cho các ngành

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
- 2. Mã học phần:** CT003
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2, 0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ hai
- 5. Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sau khi học xong học phần: Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	0984.851.368	nguyenhadhsd@gmail.com
2.	ThS. Đặng Thị Dung	0357.158.987	dungdungdhsd@gmail.com
3.	ThS. Nguyễn Thị Tình	0984.327.750	Tinh261086@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	0904.476.146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
5.	TS. Nguyễn Thị Nhan	0386.620.358	Nguyenthinhnan010187@gmail.com
6.	TS. Phạm Văn Dự	0976.181.949	Phamvandud84@gmail.com
7.	TS. Phùng Thị Lý	0989407962	phunglysd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; đường lối lãnh đạo của Đảng về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng chống thực dân Pháp xâm lược từ 1945 - 1954 và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam thống nhất đất nước từ 1945 - 1975; đường lối Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thông qua các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng giai đoạn 1975 - 1986; lãnh đạo đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế từ năm (1986 - 2020). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng kiến thức đường lối của Đảng vào thực tiễn.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1.1	Trình bày được sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá lãnh đạo của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.	2	[1.2.1.1a]
MT1.2	Hiểu được sự phát hình thành, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.	2	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, và đường lối của Đảng qua các thời kỳ.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng kiến thức Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm trong công việc.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có kỹ năng hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975).	2	[2.1.1]
CDR1.2	Diễn giải về đường lối lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).	2	
CDR1.3	So sánh được sự phát triển đường lối cách mạng của Đảng qua các thời kỳ lãnh đạo.	2	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Truyền đạt được đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	4	[2.2.4]
CDR2.2	Áp dụng đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề trong học tập, công việc, cuộc sống.	3	
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR3.2	Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực chuyên ngành.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1			CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x					x	
2	CHƯƠNG I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) 1.1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (Tháng 2-1930) 1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945)	x		x	x	x	x	x
3	CHƯƠNG II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) 2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng	x		x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)							
4	CHƯƠNG III. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018) 3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) KẾT LUẬN 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng		x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CDR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, bài tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CDR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá chuẩn bị nhiệm vụ về nhà; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần chuẩn bị nhiệm vụ về nhà; chuyên cần: Vắn đáp.

- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 50 phút).

- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 60 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm, tham gia thảo luận trên lớp.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: vở ghi, giáo trình, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần:

- **Tài liệu bắt buộc**

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, in lưu hành nội bộ.

- **Tài liệu tham khảo.**

[2]. Bộ GD&ĐT (2010), *Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. *Văn kiện Đại hội Đảng XI* (2011), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. *Văn kiện Đại hội Đảng XII* (2016), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CDR học phần
1	CHƯƠNG MỞ ĐẦU. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Mục tiêu chương: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Qua đó củng cố niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng. Sinh viên vận dụng vào trong quá trình học tập học phần. Nội dung cụ thể: I. Đối tượng nghiên cứu của môn	01 LT	Thuyết trình; giảng giải, nêu vấn đề - Giảng viên: + Trình bày, giải thích khái niệm, đối tượng nghiên cứu. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu [1], tr 1-2. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	CDR1.1 CDR3.1

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CĐR học phần
	học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 1. Quán triệt phương pháp luận sử họ 2. Các phương pháp cụ thể			
2	CHƯƠNG I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) Mục tiêu chương: - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và nội dung cơ bản giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng. Nội dung cụ thể: 1.1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.1.1. Tình hình thế giới tác động đến cách mạng Việt Nam 1.1.1.2. Tình hình chuyển biến của xã hội Việt Nam từ 1858 đến 1930 1.1.1.3. Các phong trào yêu nước đòi độc lập của nhân dân Việt Nam trước	06 LT	Thuyết trình; phân tích, so sánh. Tổ chức cho sinh viên thảo luận; trực quan; phát vấn - Giảng viên: + Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam + Phân tích, so sánh đường lối lãnh đạo của Đảng từ 1930-1945 + Trực quan + phát vấn sinh viên + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm + So sánh sự giống, khác nhau bản Cương lĩnh tháng 2/1930 và Luận cương tháng 10/1930. + Hướng dẫn sinh viên tự học + Liên hệ với thực tiễn. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1; tr 3-24	CĐR1.1 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CDR học phần
	khí có Đảng 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc và quá trình chuẩn bị thành lập Đảng 1.1.2.1. Cuộc hành trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh 1.1.2.2. Quá trình tích cực chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.3.1. Sự chuyển biến của phong trào yêu nước Việt Nam-các tổ chức cộng sản ra đời 1.1.3.2. Hội nghị thành lập Đảng 1.1.3.3. Nội dung cơ bản và ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 1.2.1.1. Cao trào cách mạng năm 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930) 1.2.1.2. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (3-1935) 1.2.2. Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 1.2.2.1. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng 1.2.2.2. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.3.1. Bối cảnh lịch sử 1.2.3.2. Chủ trương chiến lược mới của Đảng 1.2.3.3. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang		[2]: tr 9-71 + Lắng nghe, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Thảo luận theo nhóm dưới sự hướng dẫn giảng viên + Sinh viên tự học theo sự hướng dẫn giảng viên. tài liệu [1]: 1.1.1.3; 1.1.2.1 1.2.2 + Liên hệ thực tế với bản thân, ngành học	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CĐR học phần
	1.2.3.4. Cao trào kháng Nhật cứu nước và tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 1.2.4.1. Tính chất 1.2.4.2. Ý nghĩa 1.2.4.3. Kinh nghiệm			
3	CHƯƠNG II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) Mục tiêu chương: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lịch sử cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975. Nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Liên hệ thực tế với bản thân trong học tập và cuộc sống. Nội dung cụ thể: 2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ (1945-1946) 2.1.1.1. Bối cảnh lịch sử 2.1.1.2. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng kháng chiến, kiến quốc 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc của Đảng và quá trình thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 2.1.2.1. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến	09 LT	Thuyết trình; nêu vấn đề; phân tích, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; dự án - Giảng viên + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề + Phân tích sự phát triển đường lối của Đảng qua các thời kỳ + Trực quan nội dung, hình ảnh, video về các chiến dịch. + Phát vấn sinh viên nhận xét đường lối của Đảng + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm + Đàm thoại những câu hỏi thắc mắc của sinh viên + Giao bài tập về nhà theo cá nhân, nhóm cho sinh viên: Sinh viên thuyết trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. - Sinh viên + Đọc trước tài liệu [1]. tr 25-60 [2]. tr 72-112	CĐR1.1 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CDR học phần
	của Đảng 2.1.2.2. Lãnh đạo, tổ chức cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950 2.1.3. Lãnh đạo đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954) 2.1.3.1. Đại hội đại biểu lần thứ II và Chính cương của Đảng (2-1951) 2.1.3.2. Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt. 2.1.3.3. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1945-1954 2.1.4.1. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 2.1.4.2. Kinh nghiệm lãnh đạo kháng chiến của Đảng 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 2.2.1.1. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960 2.2.1.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 2.2.2.1. Phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên toàn quốc, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giữ vững chiến lược tiến công ở miền		+ Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm + Đưa ra những câu hỏi thắc mắc + Tự học theo sự hướng dẫn của giảng viên, nội dung 2.1.2.2; 2.1.3.2; 2.1.4; 2.2.3 ở tài liệu [1]. + Liên hệ bản thân phát huy truyền thống yêu nước hiện nay. + Vận dụng kiến thức vào ngành nghề đang học + Làm bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CĐR học phần
	Nam (1965-1968) 2.2.2.2. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1969-1975 2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 2.2.3.1. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi 2.2.3.2. Kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng Kiểm tra giữa học phần			
4	CHƯƠNG III. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018) Mục tiêu chương: Giúp sinh viên nắm được quá trình phát triển đường lối của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay. Rèn luyện cho học viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Nội dung cụ thể: 3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 3.1.1.1. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước 3.1.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng 3.1.1.3. Quá trình xây dựng chủ	14 LT	Thuyết trình; nêu vấn đề; diễn giải, so sánh, thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại; dự án - Giảng viên + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề + Diễn giải nội dung trong các kỳ Đại hội Đảng + So sánh những điểm mới trong mỗi kỳ đại hội Đảng + Hướng dẫn sinh viên thảo luận nhóm + Trao đổi thắc mắc sinh viên + Giao bài tập về nhà theo cá nhân, nhóm cho sinh viên: Sinh viên liên hệ vào ngành nghề đang học. + Đưa nội dung và hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu - Sinh viên + Đọc trước tài liệu [1], tr. 61-114	CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR3.1 CĐR3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CDR học phần
	nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 3.1.2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội 3.1.2.2. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 3.2.1.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và bước đầu thực hiện đổi mới toàn diện (1986-1991) 3.2.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 1991-1996 3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018 3.2.2.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa 1996-2001 3.2.2.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 2001-2006 3.2.2.3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội 2006-2011 3.2.2.4. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, bổ sung, phát triển cương lĩnh 1991 3.2.2.5. Đại hội Đại biểu toàn quốc		[3], tr. 115-160; tr. 226-232; tr. 342-364; tr. 500-539 [4], tr. 227-232 [5], tr. 89-96, 280-298 + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo nhóm, mục 3.1.2.2 + Đưa ra những câu hỏi thảo luận + Tự học nội dung theo sự hướng dẫn giảng viên trong tài liệu [1]. 3.1.1.3 3.1.2.1 3.2.2.2 3.2.2.3 3.2.3.1 + Liên hệ tinh thần yêu nước trong phòng chống covid-19 hiện nay. + Lấy ví dụ thực tiễn ngành nghề đang học.	

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy và học	CDR học phần
	lần thứ XII của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực chủ động, hội nhập quốc tế. 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới 3.2.3.1. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới 3.2.3.2. Các hạn chế và nguyên nhân 3.2.3.3. Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới KẾT LUẬN 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng			

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Phạm Thị Hồng Hoa

TRƯỞNG BỘ MÔN



Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương
2. Mã học phần: KHXH 006
3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất
5. Phân bổ thời gian
 - Lý thuyết: 30 tiết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 tiết
6. Điều kiện tiên quyết: Không
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phạm Xuân Đức	0904.409.139	yenduc linh@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	0904.476.146	Nguyenmanhtuong10@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Hiền	0972.579.236	nguyenhienhp25@gmail.com
4.	ThS. Đỗ Thị Thuỳ	0936.503.703	thuydhsd@gmail.com
5.	ThS. Phạm Thị Mai	0978.370.438	phammaidhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động, Luật phòng chống tham nhũng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Có kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1.2	Nhận thức được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.	2	
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích được nội dung của những ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phân tích được các tình huống pháp luật.	4	[1.2.2.3]
MT2.2	Vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề thực tế.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc. Chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, chịu trách nhiệm trước những hành vi của bản thân.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng.	2	[2.1.1]
CDR1.2	So sánh được các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	2	
CDR1.3	Nhận thức được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.	2	
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Phân tích được nội dung của những ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Lấy ví dụ liên hệ thực tiễn.	4	[2.2.4]
CDR2.2	Vận dụng kiến thức pháp luật để đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn.	3	[2.2.5]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc.	4	[2.3.1]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR3.2	Có khả năng tuyên truyền, hướng dẫn người khác thực hiện pháp luật.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT I. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước II. Những vấn đề cơ bản về pháp luật	x	x	x	x		x	
2	CHƯƠNG II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT I. Quy phạm pháp luật II. Văn bản quy phạm pháp luật III. Quan hệ pháp luật	x			x		x	x
3	CHƯƠNG III. VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ, PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA I. Vi phạm pháp luật II. Trách nhiệm pháp lý III. Pháp chế xã hội chủ nghĩa	x			x		x	x
4	CHƯƠNG IV. LUẬT NHÀ NƯỚC VIỆT NAM I. Khái niệm luật Nhà nước II. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013		x		x	x	x	x
5	CHƯƠNG V. LUẬT HÀNH CHÍNH VIỆT NAM I. Khái niệm Luật hành chính II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính III. Cán bộ, công chức 1. Khái niệm và các nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức 2. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ công chức. 3. Tuyển dụng công chức		x		x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1			CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
	4. Thôi việc đối với công chức 5. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức IV. Toà án hành chính							
6	CHƯƠNG VI. LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ I. Khái niệm Luật hình sự II. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp IV. Luật tố tụng hình sự		X	X	X	X	X	X
7	CHƯƠNG VII. LUẬT DÂN SỰ, LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ I. Khái niệm chung II. Một số chế định cơ bản của Bộ luật dân sự III. Luật Tố tụng dân sự		X		X	X	X	X
8	CHƯƠNG VIII. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH I. Khái niệm chung II. Một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình		X		X	X	X	X
9	CHƯƠNG IX. LUẬT LAO ĐỘNG I. Khái niệm Luật lao động II. Các chế định cơ bản của Luật Lao động		X		X	X	X	X
10	CHƯƠNG X. LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG I. Khái niệm tham nhũng II. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng III. Ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng IV. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng		X		X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.

CĐR2	Kết quả thảo luận trên lớp, thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần.	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2.	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3.	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên: Vấn đáp; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 50 phút).
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 60 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm, tham gia thảo luận trên lớp.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Vở ghi, giáo trình, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ năm (2020), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, in lưu hành nội bộ.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] - Nguyễn Văn Động (2009), *Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3] - Quốc hội (2014), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Sự thật, Hà Nội.

[4] - Quốc hội (2020), *Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017)*, NXB Sự thật, Hà Nội.

[5] - Quốc hội (2020), *Bộ luật Dân sự hiện hành*, NXB Sự thật, Hà Nội.

[6] - Quốc hội (2020), *Bộ luật lao động hiện hành*, NXB Sự thật, Hà Nội.

[7] - Quốc hội (2020), *Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành*, NXB Sự thật, Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT Mục tiêu chương: Trình bày được nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy Nhà nước của Nhà nước và nguồn gốc, bản chất, chức năng, thuộc tính và vai trò của pháp luật. Liên hệ với Nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam. Nội dung cụ thể: I. Những vấn đề cơ bản về nhà nước 1. Nguồn gốc của Nhà nước 2. Bản chất Nhà nước 3. Các kiểu lịch sử của Nhà nước 4. Chức năng của Nhà nước 5. Bộ máy Nhà nước 6. Hình thức của Nhà nước và chế độ chính trị II. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1. Nguồn gốc của pháp luật 2. Bản chất của pháp luật 3. Chức năng của pháp luật 4. Thuộc tính của pháp luật 5. Vai trò của pháp luật xã hội chủ nghĩa 6. Các kiểu lịch sử của pháp luật	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm, chia các nhóm. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. - Sinh viên: + SV tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của GV phần 6/I, 6/II chương I, tài liệu [1]. + Đọc tài liệu [1] từ tr. 4 - 24. + Chuẩn bị nội dung thảo luận theo yêu cầu của GV. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CDR 1.1 CDR 1.2 CDR 1.3 CDR 2.1 CDR 3.1
2	CHƯƠNG II. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT Mục tiêu chương: Trình bày khái niệm quy phạm pháp luật, cấu trúc của quy phạm pháp luật và vận dụng vào thực tiễn các tình huống pháp luật cụ thể.	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, trực quan, sử dụng tình huống, dạy học dựa trên vấn đề. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung + Nêu vấn đề, hướng	CDR 1.1 CDR 2.1 CDR 3.1 CDR 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Nội dung cụ thể: I. Quy phạm pháp luật 1. Khái niệm quy phạm pháp luật 2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật II. Văn bản quy phạm pháp luật 1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 3. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật III. Quan hệ pháp luật 1. Khái niệm quan hệ pháp luật 2. Đặc điểm quan hệ pháp luật 3. Thành phần quan hệ pháp luật		dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Trực quan tình huống trong quan hệ pháp luật. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc và chương II), tài liệu [1]. tr.25-34, [2] tr. 214-249. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn cuộc sống.	
3	CHƯƠNG III. VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ, PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Mục tiêu chương: Trình bày được vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCHN). Liên hệ với thực tế hiện nay ở nước ta trong công tác tăng cường pháp chế XHCHN. Nội dung cụ thể: I. Vi phạm pháp luật 1. Vi phạm pháp luật 2. Cấu thành của vi phạm pháp luật 3. Các loại vi phạm pháp luật II. Trách nhiệm pháp lý 1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý 2. Các loại trách nhiệm pháp lý III. Pháp chế xã hội chủ nghĩa 1. Khái niệm pháp chế XHCHN 2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế XHCHN	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, phương động não, dạy học dựa trên vấn đề. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề đã đặt ra. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tự học của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc và nghiên cứu trước toàn bộ nội dung bài học tài liệu [1] tr. 35-43. [2] tr. 251-258. + Tập kích não về vấn	CĐR 1.1 CĐR 2.1 CĐR 3.1 CĐR 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	3. Vấn đề tăng cường pháp chế XHCN		đề giáo viên đưa ra. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Chuẩn bị nội dung chương IV.	
4	CHƯƠNG IV. LUẬT NHÀ NƯỚC VIỆT NAM Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm luật Nhà nước, một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013. Liên hệ thực tế trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp 2013. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm luật Nhà nước 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Nguồn của luật Nhà nước II. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 1. Chế độ chính trị 2. Chế độ kinh tế. 3. Chính sách văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ 4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 5. Tổ chức bộ máy bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, dạy học dựa trên vấn đề kết hợp với thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm đã phân công. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và thảo luận của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước nội dung bài học phần I, II Chương IV, tài liệu [1]. tr.44-52. [3] tr.3-9. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề, thảo luận. + Ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa học phần.	CĐR 1.2 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2
5	CHƯƠNG V. LUẬT HÀNH CHÍNH VIỆT NAM Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm luật hành chính và các cơ quan hành chính Nhà nước, quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính, Cán bộ, công chức, toà án hành chính. Vận dụng, giải quyết được các tình huống thực	03 (02LT, 0TH, 01KT)	Thuyết trình, nêu vấn đề, trực quan, sử dụng tình huống. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện.	CĐR 1.2 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	tế liên quan đến Luật Hành chính. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm Luật hành chính 1. Khái niệm luật hành chính và cơ quan hành chính Nhà nước 2. Nguồn của luật hành chính Việt Nam II. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính 1. Quan hệ pháp luật hành chính 2. Trách nhiệm hành chính 3. Vi phạm pháp luật hành chính 4. Xử lý vi phạm hành chính III. Cán bộ, công chức 1. Khái niệm và các nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức 2. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ công chức 3. Tuyển dụng công chức 4. Thôi việc đối với công chức 5. Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức IV. Tòa án hành chính Kiểm tra giữa học phần		+ Trực quan tình huống về xử phạt vi phạm hành chính hiện hành. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc tài liệu [1] tr. 54-58, [7] tr. 273-283. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Sinh viên kiểm tra giữa học phần.	
6	CHƯƠNG VI. LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm Luật Hình sự, tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự, hình phạt và các biện pháp tư pháp, luật Tổ tụng hình sự. Liên hệ thực tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm Luật hình sự 1. Khái niệm luật hình sự 2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3. Nguồn của luật hình sự 4. Các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự 5. Vai trò của luật hình sự II. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung. + Trực quan tình huống trong phân loại tội phạm. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Phân tích, lấy ví dụ về làm rõ các nội dung. + Nhận xét, đánh giá giải quyết vấn đề và tình huống của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc tài liệu [1]. tr	CĐR 1.2 CĐR 1.3 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	1. Khái niệm tội phạm 2. Những dấu hiệu cơ bản của tội phạm 3. Phân loại tội phạm 4. Cấu thành tội phạm 5. Trách nhiệm hình sự 6. Các chế định khác về Bộ luật hình sự III. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 1. Khái niệm hình phạt 2. Hệ thống hình phạt 3. Các biện pháp tư pháp 4. Căn cứ quyết định hình phạt IV. Luật tổ tụng hình sự 1. Khái niệm luật tổ tụng hình sự 2. Nhiệm vụ của luật tổ tụng hình sự 3. Các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự		59-70. [4] tr. 5-8. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay. + Lấy ví dụ về các vụ án hình sự hiện nay ở nước ta. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.	
7	CHƯƠNG VII. LUẬT DÂN SỰ, LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ Mục tiêu chương: Trình bày được luật dân sự và luật tố tụng dân sự, một số chế định cơ bản của Bộ luật dân sự, luật tố tụng dân sự. Liên hệ thực tế trong việc tuân thủ về pháp luật dân sự ở nước ta hiện nay. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm chung 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Nguyên tắc cơ bản của luật dân sự II. Một số chế định cơ bản của Bộ luật dân sự 1. Cá nhân 2. Pháp nhân 3. Giao dịch dân sự 4. Đại diện 5. Tài sản và quyền sở hữu 6. Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự 7. Thừa kế III. Luật Tố tụng dân sự 1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh 2. Những nguyên tắc cơ bản	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, phương pháp động não, trực quan kết hợp thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung + Phân tích, lấy ví dụ về số vụ án dân sự hiện nay. + Đưa ra chủ đề hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá thảo luận của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc tài liệu [1] tr.71-100, [5] tr.4- 18. Phần I, II, III. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn hiện nay.	CĐR 1.2 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	3. Thẩm quyền của Tòa án			
8	CHƯƠNG VIII. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm Luật hôn nhân và gia đình, một số chế định cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình. Liên hệ thực tế việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc thực Luật hôn nhân và gia đình. Nội dung cụ thể: I. Khái quát chung 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh 3. Phương pháp điều chỉnh 4. Các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình 5. Nguồn của luật hôn nhân và gia đình 6. Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình II. Một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình 1. Kết hôn 2. Quan hệ giữa vợ và chồng 3. Quan hệ giữa cha mẹ và con 4. Cấp dưỡng 5. Xác định cha mẹ con 6. Con nuôi 7. Ly hôn 8. Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 9. Xử lý vi phạm	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, trực quan, động não, dạy học dựa trên vấn đề. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung. + nêu vấn đề cần giải quyết + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề, tranh luận, phản biện. + Giao bài tập cho các nhóm thực hiện. + Nhận xét, đánh giá việc giải quyết các vấn đề của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc tài liệu [1] tr. 101-114. [5] 13-18. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Chuẩn bị nội dung chương IX.	CĐR 1.2 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2
9	CHƯƠNG IX. LUẬT LAO ĐỘNG Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm Luật lao động, các chế định cơ bản của Luật lao động. Liên hệ thực tế trong việc chấp hành pháp luật Lao động hiện nay ở nước ta. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm Luật lao động 1. Khái niệm 2. Đối tượng điều chỉnh	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung + Trực quan tình huống thảo luận về quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.	CĐR 1.2 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	3. Phương pháp điều chỉnh 4. Các nguyên tắc cơ bản của luật lao động 5. Quan hệ pháp luật lao động II. Các chế định cơ bản của Luật Lao động 1. Việc làm và học nghề 2. Hợp đồng lao động 3. Thỏa ước lao động tập thể 4. Tiền lương 5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất 7. Bảo hộ lao động 8. Bảo hiểm xã hội 9. Địa vị pháp lý của công đoàn 10. Tranh chấp lao động		+ Phân tích, lấy ví dụ về các chế định cơ bản của Luật lao động. + Nhận xét, đánh giá phần thảo luận của sinh viên và thực hiện nhiệm vụ về nhà. - Sinh viên: + Đọc tài liệu [1] tr. 116-145, [5] tr. 68-72. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và phản biện. + Thảo luận tình huống, lấy một số ví dụ liên hệ thực tiễn.	
10	CHƯƠNG X. LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm Luật phòng chống tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng. Liên hệ thực trong việc tuyên truyền pháp luật về phòng chống tham nhũng của công dân. Nội dung cụ thể: I. Khái niệm tham nhũng 1. Khái niệm tham nhũng 2. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng II. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 1. Nguyên nhân của tham nhũng 2. Tác hại của tham nhũng III. Ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng 1. Phòng, chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng Nhà nước pháp quyền 2. Phòng, chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân	03 (03LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề kết hợp với phương pháp động não. - Giảng viên: + Giảng giải các nội dung. + Nếu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho các nhóm + Hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước Chương X, tài liệu [1]tr.146-182, [6]tr.3-10. + Tập kích não về vấn đề giảng viên đưa ra. + Sinh viên tự nghiên cứu theo hướng dẫn của giảng viên phần III. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề giảng viên đã đưa ra.	CĐR 1.2 CĐR 2.1 CĐR 2.2 CĐR 3.1 CĐR 3.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	3. Phòng, chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội 4. Phòng, chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ và pháp luật IV. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng. 1. Trách nhiệm của công dân (bình thường) trong phòng, chống tham nhũng 2. Trách nhiệm của công dân là cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống tham nhũng.			

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Phạm Thị Hồng Hoa

TRƯỞNG BỘ MÔN

Phạm Xuân Đức

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Các ngành

Năm 2020
0

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Các ngành.

1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học

2. Mã học phần: KHXH 007

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Hằng	0984.696.418	TTHang@saodo.edu.vn
2	ThS. Ngô Thị Luyện	0977.336.889	NTLuyen@saodo.edu.vn
3	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	0916.143.388	NTNmai@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Có kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin.	2	[1.2.1.1.a]
MT1.2	Phân tích được phương pháp thu thập và	4	[1.2.1.1.a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	xử lý thông tin; trình bày luận điểm khoa học và tổ chức thực hiện đề tài.		
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Có khả năng xây dựng luận điểm khoa học và cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học.	6	[1.2.2.2]
MT2.2	Có kỹ năng thu thập dữ liệu và lựa chọn phương pháp xử lý thông tin phù hợp.	4	
MT2.3	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp để trình bày luận điểm khoa học và tổ chức thực hiện đề tài.	5	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.	4	[1.2.3.1.]
MT3.2	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối quản lý, hướng dẫn, giám sát các thành viên, đánh giá và đưa ra kết luận trong nghiên cứu khoa học.	4	[1.2.3.2.]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Phân tích được khái niệm, đặc điểm và các loại hình nghiên cứu khoa học.	4	[2.1.6]
CĐR1.2	Phân tích được trình tự của nghiên cứu khoa học.	4	
CĐR1.3	Vận dụng được các phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin.	3	
CĐR1.4	Phân tích được các bố cục trình bày luận điểm khoa học.	4	
CĐR1.5	Lập kế hoạch các bước chuẩn bị đề tài.	4	
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Xác định được loại hình nghiên cứu khoa học, nghiên	3	[2.2.4]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	cứu và xây dựng luận điểm khoa học, cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học.		
CĐR2.2	Áp dụng phương pháp thu thập dữ liệu phù hợp cho đề tài nghiên cứu. Từ đó lựa chọn phương pháp xử lý thông tin định lượng và thông tin định tính phù hợp, hiệu quả.	4	
CĐR2.3	Xác định được các modun của bài báo khoa học. Tổng hợp và lập kế hoạch chi tiết theo trình tự chuẩn bị luận văn khoa học.	5	
CĐR2.4	Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu thực hiện đề tài.	5	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, có ý thức chịu trách nhiệm và tư duy phản biện khoa học.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng lập kế hoạch, nghiên cứu, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong nghiên cứu khoa học.	5	[2.3.2] [2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần										
		CĐR1					CĐR2				CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	Chương 1. Đại cương khoa học và nghiên cứu khoa học 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 1.4. Phân loại nghiên cứu khoa học 1.5. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học	x					x					
2	Chương 2. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học 2.1. Khái niệm chung 2.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài 2.3. Xây dựng luận điểm khoa học 2.4. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học		x				x					
3	Chương 3. Phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin 3.1. Khái niệm 3.2. Đại cương về thu thập thông tin 3.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 3.4. Phương pháp khảo sát thực địa 3.5. Phỏng vấn 3.6. Hội nghị khoa học 3.7. Điều tra bằng bảng hỏi 3.8. Phương pháp thực nghiệm 3.9. Trắc nghiệm xã hội 3.10. Phương pháp xử lý thông tin			x				x				
4	Chương 4. Trình bày luận điểm khoa học 4.1. Bài báo khoa học 4.2. Thông báo và tổng luận khoa học 4.3. Công trình khoa học 4.4. Khóa luận tốt nghiệp 4.5. Thuyết trình khoa học 4.6. Ngôn ngữ khoa học 4.7. Trích dẫn khoa học				x				x		x	
5	Chương 5. Tổ chức thực hiện đề tài 5.1. Khái niệm đề tài 5.2. Các bước tổ chức thực hiện đề tài					x				x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập áp dụng, điểm thường xuyên, thảo luận nhóm.
CĐR2	Bài tập áp dụng, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CĐR3	Bài tập áp dụng, điểm thường xuyên, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức; điểm thái độ thảo luận; điểm chuyên cần,...	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên, được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, thái độ thảo luận, hoạt động nhóm và tinh thần thực hiện nhiệm vụ tự học.

- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút)

- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

- Ý thức, thái độ học tập: Sinh viên đi học đầy đủ, đúng giờ, không bỏ tiết, nghỉ học có phép, có thái độ tích cực trong giờ học, có đóng góp ý kiến xây dựng bài, có tinh thần tự học, hỗ trợ bạn cùng lớp trong học tập, tổ chức học nhóm.

- Về nghiên cứu tài liệu: Sinh viên đọc trước tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên trước khi đến lớp.

- Kiểm tra đánh giá: Sinh viên phải hoàn thành các bài tập được giao, đạt chất lượng theo yêu cầu của giảng viên; tham gia đầy đủ, đạt chất lượng các bài kiểm tra trên lớp và thi kết thúc học phần.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] Trường Đại học Sao Đỏ (2020), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2] Vũ Cao Đàm (2009), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB giáo dục.

[3] Nguyễn Văn Thắng (2019), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	Chương 1. Đại cương khoa học và nghiên cứu khoa học Mục tiêu chương: Trình bày được khái lược về khoa học và nghiên cứu khoa học. Phân tích các đặc điểm nghiên cứu khoa học. Phân biệt được các loại hình nghiên cứu khoa học và chỉ rõ sản phẩm của nghiên cứu khoa học. Nội dung cụ thể: 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học 1.3.1. Tính mới 1.3.2. Tính tin cậy 1.3.3. Tính thông tin 1.3.4. Tính khách quan 1.4. Phân loại nghiên cứu khoa học 1.4.1. Phân loại theo chức năng nghiên cứu 1.4.2. Phân loại theo các giai đoạn của nghiên cứu 1.5. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học 1.5.1. Đặc điểm của sản phẩm nghiên cứu khoa học 1.5.2. Vật mang thông tin 1.5.3. Một số sản phẩm đặc biệt của nghiên cứu khoa học	04 (04LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, đặc điểm và các loại hình nghiên cứu khoa học. + Nêu vấn đề cho cá nhân, nhóm và hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1; [2]: tr12-46. [3]: tr16-20 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	CĐR1.1, CĐR2.1
2	Chương 2. Trình tự logic của nghiên cứu khoa học Mục tiêu chương: Trình bày được trình tự logic và kiểm tra lỗi logic của nghiên cứu khoa học	06 (06LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích làm rõ trình tự	CĐR1.2, CĐR2.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	học. Phân biệt các loại hình nghiên cứu khoa học và chỉ rõ sản phẩm của nghiên cứu khoa học. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài nghiên cứu. Xây dựng luận điểm khoa học và cấu trúc phương pháp luận cho đề tài nghiên cứu đã lựa chọn. Nội dung cụ thể: 2.1. Khái niệm chung 2.1.1. Trình tự logic 2.1.2. Kiểm tra lỗi logic của người nghiên cứu 2.2. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài 2.2.1. Lựa chọn sự kiện khoa học 2.2.2. Nhận dạng nhiệm vụ nghiên cứu 2.2.3. Xác định mục đích, mục tiêu nghiên cứu 2.2.4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu 2.2.5. Đặt tên đề tài 2.2.6. Một số điểm cần tránh khi đặt tên đề tài 2.3. Xây dựng luận điểm khoa học 2.3.1. Bản chất của quan sát 2.3.2. “Vấn đề” nghiên cứu khoa học 2.3.3. Giả thuyết nghiên cứu 2.4. Cấu trúc của phương pháp luận nghiên cứu khoa học 2.4.1. Luận điểm 2.4.2. Luận cứ 2.4.3. Luận chứng		logic của nghiên cứu khoa học. + Nêu vấn đề cho cá nhân, nhóm và hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2; [2]: tr47-66. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	
3	Chương 3. Phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm và đại cương về thu thập thông tin. Xác định và	10 (08LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích làm rõ các	CĐR1.3, CĐR2.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	lựa chọn phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin phù hợp cho đề tài nghiên cứu khoa học. Nội dung cụ thể: 3.1. Khái niệm 3.2. Đại cương về thu thập thông tin 3.2.1. Chọn mẫu khảo sát 3.2.2. Chọn phương pháp tiếp cận khảo sát 3.2.3. Đặt giả thuyết nghiên cứu 3.3. Phương pháp nghiên cứu tài liệu 3.3.1. Mục đích nghiên cứu tài liệu 3.3.2. Phân tích các nguồn tài liệu 3.3.3. Tổng hợp tài liệu 3.4. Phương pháp khảo sát thực địa 3.5. Phỏng vấn 3.6. Hội nghị khoa học 3.6.1. Các loại hội nghị 3.6.2. Kỹ yếu khoa học 3.7. Điều tra bằng bảng hỏi 3.8. Phương pháp thực nghiệm 3.8.1. Khái niệm chung 3.8.2. Phân loại thực nghiệm 3.8.3. Các loại thực nghiệm 3.9. Trắc nghiệm xã hội 3.10. Phương pháp xử lý thông tin 3.10.1. Xử lý thông tin định lượng 3.10.2. Xử lý các thông tin định tính 3.10.3. Sai số quan sát 3.10.4. Phương pháp trình bày độ chính xác của số liệu 3.10.5. Biện luận kết quả nghiên cứu		phương pháp thu thập số liệu và xử lý thông tin. + Nêu vấn đề cho cá nhân, nhóm và hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3; [2]: tr67-85; [3]: tr99-106. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	
4	Chương 4. Trình bày luận điểm khoa học	10 (10LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức	CĐR1.4, CĐR2.3

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm bài báo khoa học. Phân tích được nội dung chỉ yếu của thông báo khoa học, tổng luận khoa học, công trình khoa học. Phân tích được bố cục của khóa luận tốt nghiệp và cách thức trình bày thuyết trình khoa học, ngôn ngữ khoa học và trích dẫn khoa học trong khóa luận tốt nghiệp. Nội dung cụ thể: 4.1. Bài báo khoa học 4.2. Thông báo và tổng luận khoa học 4.2.1. Thông báo khoa học 4.2.2. Tổng luận khoa học 4.3. Công trình khoa học 4.3.1. Chuyên khảo khoa học 4.3.2. Tác phẩm khoa học 4.4. Khóa luận tốt nghiệp 4.4.1. Bố cục chung của khóa luận 4.4.2. Cách đánh số chương, mục của khóa luận 4.5. Thuyết trình khoa học 4.5.1. Vấn đề thuyết trình 4.5.2. Luận điểm thuyết trình 4.5.3. Luận cứ của thuyết trình 4.5.4. Phương pháp thuyết trình 4.6. Ngôn ngữ khoa học 4.6.1. Văn phong khoa học 4.6.2. Ngôn ngữ toán học 4.6.3. Sơ đồ 4.6.4. Hình vẽ và ảnh 4.7. Trích dẫn khoa học 4.7.1. Công dụng của trích dẫn 4.7.2. Nguyên tắc trích dẫn 4.7.3. Ý nghĩa của trích dẫn 4.7.4. Nơi trích dẫn 4.7.5. Mẫu ghi trích dẫn 4.7.6. Vài điểm lưu ý khi ghi trích dẫn		học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích làm rõ các khái niệm. + Nêu vấn đề cho cá nhân, nhóm và hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4; [2]: tr106-124; [3]: tr221-237. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	CĐR3.1

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
5	Chương 5. Tổ chức thực hiện đề tài Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm đề tài. Phân tích được nội dung các bước tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Nội dung cụ thể: 5.1. Khái niệm đề tài 5.2. Các bước tổ chức thực hiện đề tài 5.2.1. Lựa chọn đề tài 5.2.2. Xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu 5.2.3. Tổ chức nhóm nghiên cứu 5.2.4. Thu thập và xử lý thông tin 5.2.5. Viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu 5.2.6. Đánh giá và nghiệm thu đề tài 5.2.7. Công bố kết quả nghiên cứu	02 (02LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích làm rõ các khái niệm. + Nêu vấn đề cho cá nhân, nhóm và hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Tổ chức lớp học theo nhóm và giao nhóm chuẩn bị nhiệm vụ học tập. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5; [2]: tr127-132. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.	CĐR1.5, CĐR2.4 CĐR3.1 CĐR3.2

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Minh Tuấn



Nguyễn Thị Ngọc Mai

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRUYỀN THÔNG GIAO TIẾP

Số tín chỉ: 2

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

- 1. Tên học phần:** Truyền thông giao tiếp
- 2. Mã học phần:** KHXH 013
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.
 - Tự học: 60 giờ.
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không.
- 7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Hoàng Thị An	0984420897	anhoangthi87@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	0985547630	nguyenbichngoc1990@gmail.com
3	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	0969803788	hoangdiepdth@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Truyền thông giao tiếp là học phần trình bày những phương tiện giao tiếp: Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, những kỹ thuật giao tiếp cơ bản trong các lĩnh vực: Giao tiếp trực tiếp, giao tiếp qua điện thoại, thương lượng, giao tiếp qua thư tín...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản nhất về giao tiếp, ứng xử theo truyền thống dân tộc và theo thông lệ quốc tế phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.	2	[1.2.1.1a]
MT1.2	Hiểu được tầm quan trọng, tính ứng dụng của các kiến thức cơ bản về giao tiếp.	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích, đánh giá các quan hệ giao tiếp một cách hợp lý, trên cơ sở đó hoàn thiện hoạt động giao tiếp của bản thân.	4	[1.2.2.2]
MT2.2	Vận dụng kiến thức để củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống, trong học tập và trong tương lai. Vận dụng có hiệu quả các phương tiện giao tiếp bao gồm phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.	3	[1.2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có thái độ làm việc tích cực khi làm việc độc lập và kết hợp nhóm, có sự cẩn thận và thẩm mỹ.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có ý thức trách nhiệm, ý thức tự học, tư duy, sáng tạo, nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu.	4	[1.2.3.1]
MT3.3	Có ý thức vươn lên, tự hoàn thiện, tự định hướng, thích nghi với các yêu cầu khác nhau đặt ra trong thực tế. Luôn tư duy sáng tạo tìm phương pháp ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về giao tiếp để phục vụ cuộc sống, hoàn thiện bản thân theo hướng tích cực. Truyền đạt kinh nghiệm của bản thân đến với mọi người giúp cuộc sống ngày càng tốt đẹp, văn minh.	3	[2.1.2]
CDR1.2	Nhớ các chú ý quan trọng trong giao tiếp. Tránh mắc phải những sai lầm trong giao tiếp.	1	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Phân tích, đánh giá các quan hệ giao tiếp một cách hợp lý, trên cơ sở đó hoàn thiện hoạt động giao tiếp của bản thân.	4	[2.2.4]
CDR2.2	Vận dụng có hiệu quả các phương tiện giao tiếp bao gồm phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.	3	[2.2.4]
CDR2.3	Đánh giá, phát triển và củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống, học tập và trong tương lai.	5	[2.2.4]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Đánh giá bài toán thực tế, áp dụng công nghệ thông tin vào giải quyết.	4	[2.3.2]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2			CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 3.1	CDR 3.2
1	Chương I. Khái quát chung về giao tiếp 1.1. Khái niệm giao tiếp 1.2. Chức năng của giao tiếp 1.3. Phân loại giao tiếp		x			x	x	
2	Chương II. Cấu trúc của giao tiếp 2.1. Truyền thông trong giao tiếp 2.2. Nhận thức trong giao tiếp 2.3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp		x		x		x	
3	Chương III. Các phương tiện giao tiếp 3.1. Ngôn ngữ 3.2. Các phương tiện giao tiếp phi	x		x			x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2			CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 3.1	CDR 3.2
	ngôn ngữ							
4	Chương IV. Phong Cách giao tiếp 4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 4.2. Các loại phong cách giao tiếp	x		x			x	
5	Chương V. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản 5.1. Kỹ năng lắng nghe 5.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 5.3. Kỹ năng thuyết phục 5.4. Kỹ năng thuyết trình 5.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 5.6. Kỹ năng viết	x			x	x	x	x
6	Chương VI. Giao tiếp trực tiếp 6.1. Chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, trao danh thiếp 6.2. Khen, phê bình, từ chối 6.3. Trò chuyện, kể chuyện 6.4. Tiếp khách, yến tiệc	x	x	x	x		x	
7	Chương VII. Thương lượng 7.1. Khái niệm về thương lượng 7.2. Đặc điểm và vấn đề đánh giá thương lượng 7.3. Các kiểu thương lượng 7.4. Quá trình thương lượng	x	x		x	x	x	
8	Chương VIII. Giao tiếp qua điện thoại 8.1. Tầm quan trọng của điện thoại 8.2. Sử dụng điện thoại	x	x		x			x
9	Chương IX. Giao tiếp qua thư tín 9.1. Khái niệm, phân loại và kết cấu của thư tín 9.2. Nguyên tắc và cách viết thư tín 9.3. Viết một số loại thư cụ thể	x			x	x		x
10	Chương X. Giao tiếp văn phòng 10.1. Các loại hình giao tiếp văn phòng 10.2. Nguyên tắc giao tiếp văn phòng	x	x	x	x		x	
11	Chương XI. Văn hóa giao tiếp với người nước ngoài	x	x	x	x	x	x	

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2			CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 3.1	CDR 3.2
	11.1. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam 11.2. Văn hóa giao tiếp của người nước ngoài							

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần.
CDR2	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ về nhà, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
CDR3	Kiểm tra thường xuyên, kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và theo nhóm, thi kết thúc học phần.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên; điểm chuyên cần; điểm thực hành;...	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá chuyên cần: Phát vấn, tỷ lệ hiện diện trên lớp, làm bài tập.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (90 phút).

12. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc các tài liệu về truyền thông giao tiếp.
- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập được giao.
- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Ghi chép và tích cực làm bài tập lớn và các chủ đề tự học, tự nghiên cứu.
- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự tối thiểu 80% thời lượng của học phần.
- Yêu cầu về kiểm tra giữa học phần và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo kế hoạch tiến độ, quy chế.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình Truyền thông giao tiếp*.

- Tài liệu tham khảo

[2] - Larry King (2003), *Những bí quyết giao tiếp tốt*, NXB trẻ.

[3] - Trác nhã (2020), *Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ*, NXB Văn Học.

[4] - Larry King (2003), *Những bí quyết giao tiếp tốt*, NXB trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	Chương I. Khái quát chung về giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong giao tiếp. Nêu được vai trò của giao tiếp trong cuộc sống. - Trình bày được chức năng xã hội và chức năng tâm lý của giao tiếp. - Nhận biết, phân biệt các loại giao tiếp theo tính chất, quy cách, vị thế, số lượng. Nội dung cụ thể: 1.1. Khái niệm giao tiếp 1.2. Chức năng của giao tiếp 1.3. Phân loại giao tiếp	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương I. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn, nhận xét, đánh giá sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương I. [2][4]: Đọc cả tài liệu. [3]: Chương 1-2. + Lắng nghe, quan sát ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương I.	CĐR1.2, CĐR2.3, CĐR3.1.
2	Chương II. Cấu trúc của giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được khái niệm truyền thông. Quá trình truyền thông giữa hai cá nhân và quá trình truyền thông trong tổ chức. - Trình bày được các kiến thức thực tế giúp người học tăng cường nhận thức, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong giao tiếp. - Nhận biết ảnh hưởng tác động qua lại của lây lan cảm xúc, ám thị, áp lực nhóm, bắt trước trong giao tiếp. Nội dung cụ thể:	4 (4LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương II. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn, nhận xét, đánh giá sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu:	CĐR1.2, CĐR2.2, CĐR3.1.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	2.1. Truyền thông trong giao tiếp 2.2. Nhận thức trong giao tiếp 2.3. Ảnh hưởng tác động qua lại trong giao tiếp		[1]: Chương II. [2][4]: Đọc cả tài liệu. [3]: Chương 3-4. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương II.	
3	Chương III. Các phương tiện giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản của ngôn ngữ trong giao tiếp. Nêu được vai trò của phát âm, giọng nói, tốc độ nói và phong cách ngôn ngữ. - Trình bày được tầm quan trọng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Nêu rõ các chú ý quan trọng trong giao tiếp khi sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Nội dung cụ thể: 3.1. Ngôn ngữ 3.2. Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương III. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn, nhận xét, đánh giá sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương III. [2][4]: Đọc cả tài liệu. [3]: Chương 6. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương III.	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR3.1, CĐR3.2.
4	Chương IV. Phong cách giao tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được khái niệm phong cách giao tiếp. Các đặc trưng của từng phong cách giao tiếp. - Nhận biết, phân loại các loại phong cách giao tiếp như giao tiếp dân chủ, độc đoán, tự do. Nội dung cụ thể: 4.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 4.2. Các loại phong cách giao tiếp	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương IV. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn, nhận xét,	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR3.1.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			đánh giá sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương IV. [2][4]: Đọc cả tài liệu. [3]: Chương 7-8. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương VI.	
5	Chương V. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ năng lắng nghe, đặt câu hỏi, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản, kỹ năng viết. Nội dung cụ thể: 5.1. Kỹ năng lắng nghe 5.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 5.3. Kỹ năng thuyết phục 5.4. Kỹ năng thuyết trình 5.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 5.6. Kỹ năng viết	6 (5LT, 0TH, 1KT)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương V. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn, nhận xét, đánh giá sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương V. [2][4]: Đọc cả tài liệu. [3]: Chương 12, 16, 17, 19, 20. + Lắng nghe, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương V.	CĐR1.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2.
6	Chương VI. Giao tiếp trực tiếp Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản, các lưu ý trong chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, trao danh thiếp. - Trình bày được các kiến thức, các lưu ý khi khen, phê bình, từ chối trong giao tiếp.	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương VI.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	- Trình bày được các kiến thức, các lưu ý khi trò chuyện, kể chuyện, tiếp khách, yến tiệc. Nội dung cụ thể: 6.1. Chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, trao danh thiếp 6.2. Khen, phê bình, từ chối 6.3. Trò chuyện, kể chuyện 6.4. Tiếp khách, yến tiệc		+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương VI. [2][4]: Đọc cả tài liệu. [3]: Chương 5, 6, 8, 15. + Lắng nghe, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương VI.	
7	Chương VII. Thương lượng Mục tiêu chương: - Trình bày được khái niệm thương lượng, nguyên nhân xảy ra thương lượng và các loại thương lượng cơ bản trong giao tiếp. - Trình bày được các đặc điểm và vấn đề đánh giá thương lượng. - Nhận biết, phân biệt các kiểu thương lượng trong giao tiếp. Quá trình giúp có được một cuộc thương lượng thành công. Nội dung cụ thể: 7.1. Khái niệm về thương lượng 7.2. Đặc điểm và vấn đề đánh giá thương lượng 7.3. Các kiểu thương lượng 7.4. Quá trình thương lượng	4 (4LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương VII. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương I. [3]: Chương 10. + Lắng nghe, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương VII.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1.
8	Chương VIII. Giao tiếp qua điện thoại Mục tiêu chương: - Trình bày được tầm quan trọng của điện thoại trong cuộc sống. - Trình bày được các kiến thức khi gọi điện và nhận điện thoại. Những chú ý khi sử dụng điện thoại. Nội dung cụ thể: 8.1. Tầm quan trọng của điện thoại	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương VIII. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.2, CĐR3.2.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	8.2. Sử dụng điện thoại		+ Hướng dẫn sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương VIII; [2]: Đọc cả tài liệu + Lắng nghe, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương VIII.	
9	Chương IX. Giao tiếp qua thư tín Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong kỹ năng viết thư tín, cụ thể là viết thư đặt hàng, khiếu nại, thư từ xã giao. - Trình bày được nguyên tắc cơ bản khi viết thư tín. Nội dung cụ thể: 9.1. Khái niệm, phân loại và kết cấu của thư tín 9.2. Nguyên tắc và cách viết thư tín 9.3. Viết một số loại thư cụ thể	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương IX. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương IX; [2]: Đọc cả tài liệu + Lắng nghe, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương IX.	CĐR1.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.2.
10	Chương X. Giao tiếp văn phòng Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong giao tiếp văn phòng, các nguyên tắc trong giao tiếp văn phòng. Nội dung cụ thể: 10.1. Các loại hình giao tiếp văn phòng 10.2. Nguyên tắc giao tiếp văn phòng	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương X. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			[1]: Chương X. [2][4]: Đọc cả tài liệu. [3]: Chương 8,9. + Lắng nghe, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương X.	
11	Chương XI. Văn hóa giao tiếp với người nước ngoài Mục tiêu chương: - Trình bày được các kiến thức cơ bản trong văn hoá giao tiếp của người Việt Nam và một số nước trong khu vực. Nội dung cụ thể: 11.1. Văn hóa giao tiếp của người Việt Nam 11.2. Văn hóa giao tiếp của người nước ngoài 11.3. Nâng cao kỹ năng giao tiếp với người nước ngoài	2 (2LT, 0TH)	Trình chiếu, thuyết trình, giảng giải, thị phạm mẫu, đàm thoại. Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày nội dung chương XI. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương XI; [2]: Đọc cả tài liệu + Lắng nghe, ghi chép. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương XI.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1.

Hải Dương, ngày 24 tháng 09 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



Phạm Văn Kiên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Phạm Văn Kiên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KHỞI NGHIỆP KINH DOANH

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Dùng chung cho các ngành

- 1. Tên học phần:** Khởi nghiệp kinh doanh
- 2. Mã học phần:** KHXH 002
- 3. Số tín chỉ:** 2(2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bố thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Không có
- 7. Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Huế	0984152429	nguyenthihue85dhsd@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Hương	0977244097	huongvudhsd20102014@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Thủy	0978936919	Nguyenthuy1216@gmail.com
4	ThS. Trần Thị Hằng	0984696418	tranhang.k48neu@gmail.com
5	ThS. Ngô Thị Luyện	0977336889	ngoithiluyendhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về	1	[1.2.1.1a]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	khởi nghiệp kinh doanh, vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công.		
MT1.2	Hiểu được phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh, những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.	2	[1.2.1.1a]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Phân tích được môi trường kinh doanh, tư duy, suy luận logic, hợp lý và khoa học để chỉ ra những rủi ro có thể xảy ra trong kinh doanh. Có tư duy và khát vọng của doanh nhân và có định hướng nghề nghiệp trong tương lai.	4	[1.2.2.2]
MT2.2	Vận dụng được lý thuyết để xử lý và giải quyết bài tập tình huống gặp phải trong kinh doanh.	3	
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Vận dụng được các kiến thức đã học về khởi nghiệp kinh doanh để có thể làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và có ý thức chịu trách nhiệm trong công việc.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Phân tích mọi vấn đề xoay quanh doanh nghiệp để định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận cho các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp một cách chính xác, minh bạch.	4	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
---------------------	--------------	-----------------------	--

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được đặc trưng của nghề kinh doanh, những vấn đề cơ bản về doanh nhân và chuẩn bị để trở thành chủ doanh nghiệp.	1	[2.1.4]
CĐR1.2	Phân biệt được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, xác định được cầu thị trường, xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, mô tả bước đầu hoạt động kinh doanh.	2	
CĐR1.3	Trình bày được những vấn đề cơ bản về kế hoạch kinh doanh, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh và một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh.	1	[2.1.4]
CĐR1.4	Trình bày được nội dung tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh.	1	
CĐR1.5	Trình bày được nội dung tái lập doanh nghiệp và phân tích các kỹ năng tái lập doanh nghiệp.	1	
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, cầu thị trường và ý tưởng kinh doanh.	4	[2.2.5]
CĐR2.2	Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng được nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh và hình thành kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh.	3	
CĐR2.3	Phân tích được nội dung tạo lập doanh nghiệp và tiến hành triển khai hoạt động kinh doanh.	4	
CĐR2.4	Phân tích được nội dung tái lập doanh nghiệp và triển khai kỹ năng tái lập doanh nghiệp.	4	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Vận dụng kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp kinh doanh đã học để làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.	3	[2.3.1] [2.3.2] [2.3.3]
CĐR3.2	Phân tích nội dung công việc trong kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh để hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.	4	
CĐR3.3	Phân tích định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ ý	4	

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	tưởng khởi nghiệp kinh doanh.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần											
		CDR1					CDR2				CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Chương 1: Nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường 1.1. Đặc trưng của nghề kinh doanh 1.2. Những vấn đề cơ bản về doanh nhân 1.3. Chuẩn bị trở thành chủ doanh nghiệp	x									x	x	x
2	Chương 2: Hình thành ý tưởng kinh doanh 2.1. Đánh giá mạnh, yếu của bản thân 2.2. Xác định cầu thị trường 2.3. Xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh 2.4. Mô tả bước đầu hoạt động kinh doanh		x				x			x	x	x	x
3	Chương 3: Soạn thảo kế hoạch kinh doanh 3.1. Những vấn đề cơ bản 3.2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh 3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh			x				x		x	x	x	x
4	Chương 4: Phát triển hoạt động kinh doanh 4.1. Tạo lập doanh nghiệp 4.2. Triển khai hoạt động kinh doanh				x				x		x	x	x
5	Chương 5: Kỹ năng cơ bản tái lập doanh nghiệp 5.1. Vì sao cần tái lập doanh nghiệp 5.2. Từ thay đổi từng phần đến tái lập doanh nghiệp 5.3. Các kỹ năng cần thiết khi tái lập doanh nghiệp					x				x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ, chuyên cần của sinh viên.	01 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức; điểm thái độ; điểm chuyên cần được đánh giá theo phương pháp quan sát.

- Kiểm tra giữa học phần được thực hiện sau khi học xong nội dung 3.2 chương 3, được đánh giá theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

- Thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận:

- + Thời gian làm bài: 90 phút
- + Sinh viên không sử dụng tài liệu

12. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc các tài liệu về Khởi nghiệp kinh doanh.
- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập áp dụng và các chủ đề tự học theo nhóm.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Ghi chép và tích cực làm các chủ đề tự học, tự nghiên cứu.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự tối thiểu 80% thời lượng của học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần: Sinh viên thực hiện theo kế hoạch tiến độ, quy chế.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]- *Giáo trình Khởi nghiệp kinh doanh*, Đại học Sao Đỏ, 2020.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, TS. Ngô Thị Việt Nga, *Giáo trình Khởi sự*

kinh doanh (2020), NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3]- Đinh Việt Hòa, *Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh* (2012), NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

14. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	Chương 1: Nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường Mục tiêu chương: Trình bày được đặc trưng của nghề kinh doanh, những vấn đề cơ bản về doanh nhân, các điều kiện chuẩn bị để trở thành chủ doanh nghiệp. Nội dung cụ thể: 1.1. Đặc trưng của nghề kinh doanh 1.1.1. Nghề kinh doanh – một nghề cần trí tuệ 1.1.2. Nghề kinh doanh – một nghề cần nghệ thuật 1.1.3. Nghề kinh doanh – một nghề cần có một chút “may mắn” 1.2. Những vấn đề cơ bản về doanh nhân 1.2.1. Tư chất của một nhà kinh doanh sẽ thành đạt 1.2.2. Những vấn đề cơ bản về doanh nhân 1.3. Chuẩn bị trở thành chủ doanh nghiệp 1.3.1. Chuẩn bị các tố chất cần thiết 1.3.2. Chuẩn bị các kiến thức cần thiết	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích những vấn đề nghề kinh doanh và doanh nhân trong nền kinh tế thị trường. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1; [2] chương 3, trang 165-214; [3] chương 1, trang 20-32; + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương 1, câu hỏi ôn tập chương.	CĐR1.1, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
2	Chương 2: Hình thành ý tưởng kinh doanh Mục tiêu chương: Trình bày được điểm mạnh, yếu của bản thân, xác định và lựa chọn các ý tưởng kinh doanh và mô tả được bước đầu hoạt động kinh doanh. Nội dung cụ thể: 2.1. Đánh giá mạnh, yếu của bản thân 2.1.1. Nội dung cần đánh giá 2.1.2. Phương pháp tiến hành 2.2. Xác định cầu thị trường 2.2.1. Cách làm	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích những vấn đề về hình thành ý tưởng kinh doanh. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	2.2.2. Nội dung chủ yếu 2.3. Xác định và lựa chọn ý tưởng kinh doanh 2.3.1. Viễn cảnh tương lai cuộc sống bản thân 2.3.2. Mô tả ý tưởng kinh doanh 2.4. Mô tả bước đầu hoạt động kinh doanh 2.4.1. Ngành kinh doanh 2.4.2. Công ty		Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2; [2]: Chương 4, trang 225-262; + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương 2, câu hỏi ôn tập chương.	
3	Chương 3: Soạn thảo kế hoạch kinh doanh Mục tiêu chương: Trình bày được khái niệm, mục đích và kết cấu điển hình của một bản kế hoạch kinh doanh. Xác định được nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh, một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh. Nội dung cụ thể: 3.1. Những vấn đề cơ bản 3.1.1. Khái niệm và phân loại kế hoạch kinh doanh 3.1.2. Mục đích của việc soạn thảo kế hoạch kinh doanh 3.1.3. Kết cấu điển hình của một bản kế hoạch kinh doanh 3.2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh 3.2.1. Trang bìa ngoài 3.2.2. Mục lục 3.2.3. Tóm tắt 3.2.4. Quy trình kế hoạch hóa doanh nghiệp và các bước soạn lập kế hoạch 3.2.5. Phân tích ngành, khách hàng và đối thủ cạnh tranh 3.2.6. Mô tả công ty và sản phẩm 3.2.7. Kế hoạch marketing 3.2.8. Kế hoạch sản xuất/ tác nghiệp 3.2.9. Kế hoạch phát triển doanh nghiệp 3.2.10. Nhóm đồng sáng lập và điều	11 (11LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích nội dung liên quan đến soạn thảo kế hoạch kinh doanh. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3; [2]: Chương 5, trang 267-333. [3] chương 4, trang 172-206; + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương 3, câu hỏi ôn tập chương.	CĐR1.3, CĐR2.2, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	hành doanh nghiệp 3.2.11. Các rủi ro chủ yếu và biện pháp đối phó 3.2.12. Kế hoạch nhân sự 3.2.13. Kế hoạch tài chính 3.2.14. Các phụ lục 3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh 3.3.1. Lưu ý về nội dung kế hoạch kinh doanh 3.3.2. Lưu ý về hình thức trình bày văn bản kế hoạch kinh doanh 3.3.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh			
4	Chương 4: Phát triển hoạt động kinh doanh Mục tiêu chương: Trình bày được cách thức tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh. Nội dung cụ thể: 4.1. Tạo lập doanh nghiệp 4.1.1. Lập kế hoạch hành động tạo lập doanh nghiệp 4.1.2. Lựa chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp 4.1.3. Tạo lập doanh nghiệp theo hình thức lựa chọn 4.1.4. Mua lại công ty đang hoạt động 4.1.5. Nhượng quyền kinh doanh 4.2. Triển khai hoạt động kinh doanh 4.2.1. Tổ chức bộ máy quản trị nhân sự 4.2.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị văn phòng 4.2.3. Thiết lập các mối quan hệ bạn hàng 4.2.4. Quản trị hoạt động kế toán và chi phí	6 (6LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích những vấn đề liên quan đến phát triển hoạt động kinh doanh. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4; [2]: Chương 6, trang 339-361 ; + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương 4, câu hỏi ôn tập chương.	CĐR1.4, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
5	Chương 5: Kỹ năng cơ bản tái lập doanh nghiệp Mục tiêu chương: Trình bày được lý do cần tái lập doanh nghiệp. Xác định được	6 (6LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên:	CĐR1.5, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	các kỹ năng cần thiết khi tái lập doanh nghiệp. Nội dung cụ thể: 5.1. Vì sao cần tái lập doanh nghiệp 5.2. Từ thay đổi từng phần đến tái lập doanh nghiệp 5.2.1. Thay đổi từng phần hoạt động ở các doanh nghiệp 5.2.2. Các đặc trưng cơ bản của tái lập doanh nghiệp 5.3. Các kỹ năng cần thiết khi tái lập doanh nghiệp 5.3.1. Xác định trường hợp tái lập doanh nghiệp 5.3.2. Biết tránh sai lầm để đưa tái lập tới thành công 5.3.3. Xác định, lựa chọn những người có trách nhiệm tái lập		+ Giải thích những vấn đề liên quan đến kỹ năng tái lập doanh nghiệp. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5; + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Chương 5, câu hỏi ôn tập chương.	CĐR3.3.

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Minh Tuấn



Nguyễn Thị Ngọc Mai

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

- 1. Tên học phần:** Tiếng Anh 1
- 2. Mã học phần:** TANH 001
- 3. Số tín chỉ:** 02 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã học tiếng Anh ở bậc trung học phổ thông.
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	<u>Trang.phamhuyen88@gmail.com</u>
5	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp kiến thức về: thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, động từ tobe, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định, sở hữu cách.

Từ vựng: Các nhóm danh từ chỉ nghề nghiệp, gia đình, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày các kiến thức về các nội dung sau: - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Cấu trúc have got/ has got, cấu trúc like/ love/ hate + Ving, there is/ there are, cách dùng động từ khuyết thiếu, thì hiện tại đơn với động từ tobe, động từ thường, thì hiện tại tiếp diễn. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản trong đời sống, học đường, mua bán.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	- Kỹ năng nghe, đọc, nói, viết về các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về bản thân và người khác, miêu tả các thói quen hàng ngày, các hoạt động giải trí, hỏi đáp về thời gian, món ăn, sở thích mua sắm.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.1	Trình bày được từ vựng diễn đạt các hoạt động giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, làm quen, hỏi giờ, giới thiệu về con người, các hoạt động hàng ngày, giới thiệu về gia đình, đồ vật, địa điểm, nghề nghiệp, công việc thường ngày, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo.	2	[2.1.2]
CĐR1.2	Trình bày được các cấu trúc câu tiếng Anh: Cách dùng động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ sở hữu, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định, cấu trúc there is/ there are, các thì trong tiếng Anh: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, cấu trúc động từ khuyết thiếu		
CĐR 1.3	Phân biệt được cấu trúc V + to infinitive với V + Ving.		
CĐR 1.4	Phân biệt được thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn		
CĐR2	Kĩ năng	3	[2.2.6]
CĐR2.1	Phát âm chuẩn các từ vựng theo chủ đề bài học.		
CĐR2.2	Đặt câu, sử dụng đúng cấu trúc: have got/ has got, like/ love + Ving, can, may, các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn.		
CĐR2.3	Giới thiệu bản thân và những người khác, hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu,		
CĐR2.4	Đọc hiểu các đoạn văn về chủ đề gia đình, hoạt động hàng ngày, mua sắm, các môn thể thao, món ăn		
CĐR2.5	Nghe hiểu các bài thuyết trình, đoạn hội thoại về gặp gỡ, chào hỏi, các hoạt động giải trí, cuộc sống ở thành thị, cách chỉ đường, môn thể thao ưa thích, món ăn.		
CĐR2.6	Viết các đoạn văn khoảng 100- 150 từ về các chủ đề gia đình, sở thích cá nhân, thể thao và món ăn ưa thích		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.		
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		
CDR3.4	Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ được giao		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1				CDR2						CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Starter 1	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Starter 2	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 1: It's my life	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Unit 2: Your day	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 3: Urban life	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CĐR1				CĐR2						CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
6	Unit 4: Keep fit	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Unit 5: Eat well	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Unit 6: My time	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp

- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học tập:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Marty Hobbs Julia Starr Keddle, *Real life – Elementary – Students' book*, Pearson Longman.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

14. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương Pháp dạy - học	CDR học phần
1	Starter 1 Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ quốc gia, các tháng trong năm, bảng chữ cái - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, tính từ sở hữu và các đại từ nhân xưng. - Hội thoại giới thiệu bản thân. Nội dung cụ thể: 1. Grammar: to be; Possessive Adjectives; Subject pronouns 2. Vocabulary: The	2 (2 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích nghĩa của từ vựng - Luyện phát âm cho sinh viên - Trình bày cách sử dụng động từ to be, tính từ sở hữu, đại từ nhân xưng. - Giao bài tập cho sinh viên Sinh viên: - Đọc trước tài liệu [1] Starter 1 trang 5 [2] Unit 2 trang 6 - Theo nhóm liệt kê tên gọi	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương Pháp dạy - học	CĐR học phần
	Alphabets; nationalities; months		của các quốc gia trên thế giới. - Lắng nghe, ghi chép, luyện phát âm - Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 1-3 Unit 1 phần bài tập tài liệu [1] trang	
2	Starter 2 Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các dụng cụ học tập, số đếm và cách nói thời gian - Hiểu và biến đổi các danh từ và đại từ bất định. - Hội thoại giới thiệu bản thân và người khác. Nội dung cụ thể: 1. Grammar: Nouns; this, that, these, those 2. Vocabulary: School equipment; Number; Telling the time	2 (2 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích nghĩa của từ vựng - Luyện phát âm cho sinh viên - Hướng dẫn sinh viên sử dụng các đại từ bất định lượng. - Giao bài tập cho sinh viên. Sinh viên: - Đọc trước tài liệu [1] starter 2 trang 6,7 - Liệt kê được các từ vựng chỉ dụng cụ học tập theo nhóm. - Ghi chép, luyện phát âm - Hoàn thành bài tập trang 4 -5 phần bài tập tài liệu [1] trang - Lập hội thoại hỏi giờ theo cặp	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
3	Unit 1: It's my life Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng cá nhân, từ chỉ các thành viên trong gia đình. - Hiểu và cấu tạo động từ Have got và sở hữu cách.	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề Giảng viên: - Giải thích nghĩa của từ vựng. - Giải thích cách sử dụng cấu trúc have got/ has got, there is/are và đại từ sở hữu.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương Pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Hội thoại giới thiệu về gia đình. Nội dung cụ thể: 1.1. Vocabulary & Grammar: my things 1.2. Grammar focus: have got 1.3. Vocabulary & Listening: my family 1.4. Grammar focus: possessive 's 1.5. Grammar focus: There is/are; possessive pronouns 1.6. Listening & Writing 1.7. Real time		- Tổ chức hoạt động nhóm cho sinh viên. Sinh viên: - Đọc trước tài liệu: [1] Unit 1 trang 8-13 - Lập hội thoại hỏi đáp về các thành viên trong gia đình theo cặp. - Lắng nghe, ghi chép, luyện phát âm. - Hoàn thành bài tập trang 6-9 phần bài tập tài liệu [1]	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
4	Unit 2: Your day Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các môn học ở trường, từ vựng chỉ thói quen hàng ngày. - Hiểu cấu tạo động từ ở thì hiện tại đơn và các cụm từ diễn đạt thời gian. - Nói về 1 ngày của mình. - Trình bày các từ vựng chỉ các hoạt động giải trí. - Hiểu và đặt câu hỏi với thì hiện tại đơn. - Hội thoại nói về các hoạt động rảnh rỗi trong ngày. Nội dung cụ thể: 2.1. Vocabulary & Reading: School life 2.2. Grammar focus: present simple affirmative; time	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề Giảng viên: - Hướng dẫn phát âm các từ vựng về thói quen hàng ngày. - Hướng dẫn trình bày bài nói về các hoạt động hàng ngày - Xây dựng cấu trúc, giải thích cách dùng của thời hiện tại đơn giản. Sinh viên - Đọc trước tài liệu [1] Unit 2 trang 16-21 [2] Unit 5 trang 18 - Ghi chép, luyện phát âm. - Hoàn thành bài tập trang 14-17 phần bài tập tài liệu [1] - Hoàn thành bài tập trang 18-21 phần workbook tài	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương Pháp dạy - học	CĐR học phần
	expressions 2.3.Vocabulary & Reading: Routines 2.4.Grammar focus: Present simple negative; object pronouns 2.5.Grammar focus: present simple questions 2.6.Vocabulary & Speaking: free time 2.7. Active study 1		liệu [1] - Viết được đoạn văn mô tả hoạt động hàng ngày.	
5	Unit 3: Urban life Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng thường mua sắm và các đồ đạc trong gia đình. - Hiểu và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được. - Hội thoại miêu tả các phòng trong gia đình. Nội dung cụ thể: 3.1.Vocabulary & Listening: Shopping 3.2.Grammar focus: Countable & uncountable nouns; some/any 3.3.Vocabulary & Listening: My home 3.4.Grammar focus: Much/ many/ a lot of 3.5.Reading & Vocabulary 3.6.Vocabulary & Listening: in town 3.7. Speaking & Writing 3.8. Real time	6 (4 LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn Giảng viên: - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được. - Phân biệt cách sử dụng các lượng từ: many/much. - Hướng dẫn sinh viên thành lập đoạn hội thoại mua bán. Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1] Unit 3 trang 24-25. [2] Unit 66, 67 trang 140 - Hoàn thành bài tập trang 22-25 phần workbook tài liệu [1] - Nghe, ghi chép bài đầy đủ, thảo luận nhóm. - Ôn tập các nội dung đã học - Làm bài kiểm tra GHP	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương Pháp dạy - học	CĐR học phần
	Kiểm tra GHP			
6	Unit 4: Keep fit Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về thể thao, sức khỏe. - Hiểu và sử dụng động từ Can và mệnh lệnh thức. - Hội thoại về các hoạt động thể thao. - Trình bày các từ vựng chỉ các môn thể thao mạo hiểm - Đọc hiểu và nói về các môn thể thao yêu thích. Nội dung cụ thể: 4.1.Vocabulary & Speaking: Sport 4.2.Grammar focus: Can 4.3.Vocabulary & Reading: Health 4.4.Grammar focus: Adverbs; Imperatives 4.5.Vocabulary & Reading: Extreme Sport 4.6.Listening & Speaking 4.7. Active Study 2	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Hướng dẫn sinh viên cách phát âm từ vựng các môn thể thao - Giải thích cách sử dụng của động từ khuyết thiếu - Hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên: Đọc trước tài liệu [1] Unit 4 trang 32-35 [2] Unit 26, 27, 28 Trang 52-58 - Ghi chép, luyện phát âm, hoàn thành các nhiệm vụ được giao. - Làm việc theo nhóm, thiết lập đoạn hội thoại đưa ra lời khuyên. - Hoàn thành bài tập trang 30-33 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập phần Activestudy trang 38-39 tài liệu [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
7	Unit 5: Eat well Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các món ăn. - Hiểu và cấu tạo động từ Like/love/hate và các mạo từ - Trình bày cách nấu 1	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Hướng dẫn sinh viên phát âm từ mới - Giải thích cách sử dụng động từ like/ love/ hate +	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương Pháp dạy - học	CĐR học phần
	món ăn. - Trình bày các từ vựng món ăn. - Đọc hiểu và hội thoại gọi đồ ăn khi vào nhà hàng. Nội dung cụ thể: 5.1.Vocabulary & Listening: Food 5.2.Grammar focus: Like/ love/ hate + ing 5.3.Grammar focus: articles 5.4.Vocabulary & Writing: cooking 5.5.Speaking & Vocabulary 5.6. Reading & Listening 5.7. Real time		Ving Sinh viên: Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 5 trang 40-45. [2] Unit 53 trang 106 - Ghi chép luyện phát âm, hoàn thành các nhiệm vụ được giao - Liệt kê các từ vựng về chủ đề thức ăn theo nhóm. - Hoàn thành các bài tập trang 40-43 phần workbook tài liệu [1].	CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
8	Unit 6: My time Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ trang phục. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại tiếp diễn. - Hội thoại giới thiệu phong cách thời trang các nhân. - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Miêu tả 1 bức tranh. Nội dung cụ thể: 6.1.Grammar focus: present continuous 6.2.Listening & Speaking 6.3.Vocabulary &	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề Giảng viên: - Phân biệt thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn - Hướng dẫn cách đặt câu mô tả trang phục - Giao bài tập nhóm cho sinh viên, mô tả trang phục các bạn trong lớp. Sinh viên: Đọc trước tài liệu [1] Unit 6 trang 48-52 [2] Unit 1,2 trang 2,3 - Phân biệt được thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Làm việc theo nhóm liệt	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương Pháp dạy - học	CĐR học phần
	Reading: Clothes 6.4. Reading & Speaking 6.5. Listening & Speaking 6.6. Active study 3		kê các từ vựng chỉ trang phục. - Hoàn thành các bài tập trang 48-51 phần workbook tài liệu [1]. - Viết 1 đoạn văn miêu tả 1 bức tranh. - Ghi chép, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.	

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 2

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 2

2. Mã học phần: TANH 002

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 1

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ...

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ điểm khác nhau: Lễ hội, du lịch, văn hóa, môi trường, thể dục thể thao...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hàng ngày, giao tiếp, ứng xử...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Thì quá khứ đơn với tobe và động từ thường, tương lai, hiện tại hoàn thành, các cấu trúc ngữ pháp với câu so sánh, câu mệnh lệnh, câu điều kiện. - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong cuộc sống, giao tiếp, công việc hàng ngày về các chủ đề: Lễ hội, du lịch, văn hóa, khoa học môi trường, công việc.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được ở mức độ cơ bản về các chủ đề trong học phần như lễ hội, văn hóa, khoa học, môi trường, công việc.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Lễ hội, công nghệ, phát minh, môi trường, công việc.	1	[2.1.2]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.2	Trình bày công thức, cách sử dụng các nội dung ngữ pháp như thì quá khứ đơn với tobe, với động từ thường, thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai đơn, cấu trúc câu so sánh, câu mệnh lệnh.		
CĐR1.3	Phân biệt được các cấu trúc câu đã học: Thì quá khứ đơn với với hiện tại hoàn thành		
CĐR1.4	Phân biệt được câu mệnh lệnh, câu so sánh, câu điều kiện		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Phát âm đúng các từ vựng về các chủ đề lễ hội, khoa học, môi trường, công việc	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Đọc hiểu các bài đọc thuộc các lĩnh vực như khoa học, công nghệ, lễ hội, môi trường, công việc		
CĐR2.3	Nghe hiểu các bài thuyết trình, đoạn hội thoại về các chủ đề trong học phần như lễ hội, phát minh, khoa học, môi trường, công việc		
CĐR2.4	Nói về các chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày: Lễ hội, môi trường, công nghệ, phát minh, công việc.		
CĐR2.5	Viết được các đoạn 150-200 từ về các chủ điểm như lễ hội, phát minh, công nghệ, môi trường, công việc		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CĐR1				CĐR2					CĐR3				
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4	
1	Unit 7: Festival fever	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
2	Unit 8: Weird science	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
3	Active study 4	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	Unit 9: Go green	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	
5	Unit 10: Getting away	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
6	Active study 5	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	Unit 11: Nice work?	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
8	Unit 12: Our world Active study 6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Marty Hobbs Julia Starr Keddle, *Real life – Elementary – Students' book*, Pearson Longman.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	Unit 7- Festival fever Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng lễ hội - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá khứ đơn (thể khẳng định) - Hội thoại về những việc đã làm trong lễ hội. - Nhắc lại các từ vựng lễ hội - Đọc hiểu và nói lại thành thạo những gì đã xảy ra trong quá khứ sử dụng động từ thường chia ở thì quá khứ đơn - Nghe hiểu về những việc đã làm trong lễ hội. Nội dung cụ thể: 7.1. Vocabulary: Reading: music 7.2. Grammar: Past simple: to be 7.3. Vocabulary: Reading: festivals 7.4. Grammar focus: Past simple affirmative 7.5. Reading and speaking 7.6. Listening 7.7. Real time	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Phát vấn - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc và cách sử dụng thì quá khứ đơn đối với động từ to be và động từ thường + Nêu các từ vựng về chủ đề âm nhạc, lễ hội + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: - Tìm hiểu cách chia động từ to be ở quá khứ tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 56-57 phần bài tập tài liệu [1] - Liệt kê các từ vựng có liên quan đến âm nhạc. - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến lễ hội. - Tìm hiểu cách sử dụng động từ thường ở thời quá khứ đơn trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 58-63 phần bài tập tài liệu [1].	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,
2	Unit 8- Weird science Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến công nghệ và sáng	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, và từ vựng về	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	tạo - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá khứ đơn (thể phủ định và nghi vấn) - Hội thoại về những việc đã làm trong quá khứ - Nhắc lại các từ vựng về công nghệ, phát minh - Nghe hiểu và nhắc lại các động từ thường chia ở thì quá khứ đơn - Hội thoại về những phát minh, công nghệ trong quá khứ. Nội dung cụ thể: 8.1. Vocabulary & Reading: everyday technology 8.2. Grammar focus: past simple negative and questions 8.3. Vocabulary & Reading: modern science 8.4. Grammar focus: past simple and question words 8.5. Listening and speaking 8.6. Vocabulary & Reading: inventions 8.7. Listening and speaking		chủ đề công nghệ, phát minh + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. Sinh viên: - Liệt kê các từ vựng liên quan đến công nghệ và khoa học. - Tìm hiểu cách thành lập câu hỏi với thì quá khứ đơn trong tài liệu [2]. - Lập hội thoại hỏi đáp về các hoạt động cuối tuần. - Hoàn thành bài tập trang 64-67 phần bài tập tài liệu [1]- Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 7-Unit 8 - Hoàn thành bài tập trang 70-71 tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading trang 71 tài liệu [1].	CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,
3	Active study 4 Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng về lễ hội, công nghệ, phát minh - Trình bày được cấu trúc động từ ở thì quá khứ đơn	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan, giảng giải nội dung bài ôn tập Giảng viên: + Phát âm mẫu các từ vựng + Nhắc lại cấu trúc ngữ	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	- Hội thoại về lễ hội, phát minh, công nghệ trong quá khứ. Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills		pháp, hướng dẫn sinh viên làm bài ôn tập - Sinh viên: - Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 7-Unit 8 - Hoàn thành bài tập trang 70-71 tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading trang 71 tài liệu [1].	CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,
4	Unit 9 – Go green Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết - Hội thoại về thời tiết - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường - Nghe và nhắc lại về chủ đề môi trường - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai Nội dung cụ thể: 9.1. Vocabulary & listening: green lifestyle 9.2. Grammar focus: comparative Adjectives 9.3. Vocabulary & reading: our planet 9.4. Grammar focus: will for	6 (6LT,2KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Trực quan kết hợp với phát vấn, Tổ chức kiểm tra giữa kì bằng hình thức vấn đáp - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, nhóm. - Sinh viên: - Tìm hiểu cấu trúc so sánh hơn của tính từ, cách dùng Will chỉ sự phỏng đoán trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 74-77 phần workbook tài liệu [1] - Thiết lập đoạn hội thoại về thời tiết. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến phong cách, thời	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	predictions 9.5. Vocabulary & listening: weather 9.6. Reading and Speaking 9.7. Listening and writing 9.8. Real time Kiểm tra giữa học phần		tiết. - Tra từ mới phần bài đọc trang 76 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập tr.78-81 phần workbook tài liệu [1] - Thiết lập đoạn hội thoại mua sắm quần áo trong cửa hàng. SV bốc thăm chủ đề, thực hiện kiểm tra nói giữa kì	
5	Unit 10 – Getting away Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè - Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai - Trình bày từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải - Trình bày cấu trúc nói về kế hoạch trong tương lai - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề giao thông Nội dung cụ thể: 10.1. Grammar focus: superlative Adjectives 10.2. Reading and speaking 10.3. Vocabulary and speaking: summer holidays 10.4. Grammar focus: be going to	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng giải nội dung bài học - Giảng viên: + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giải thích các cấu trúc, các sử dụng thì tương lai. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: - Tìm hiểu cách dùng cấu trúc câu so sánh nhất trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè. - Hoàn thành các bài tập trang 82-85 phần workbook tài liệu [1].- Liệt kê các từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải. - Tra từ mới phần bài đọc trang 84 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	10.5. Vocabulary and reading: transport 10.6. Listening and speaking		86-87 phần workbook tài liệu [1].	
6	Active study 5 Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến môi trường, giao thông - Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ, nói về kế hoạch tương lai, phỏng đoán... - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng giải, chữa bài - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ, nói về kế hoạch tương lai, phỏng đoán... + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: - Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 9-Unit 10 - Hoàn thành bài tập trang 88-89 tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading trang 87 tài liệu [1].	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,
7	Unit 11 – Nice work? Mục tiêu: - Nhớ được các từ vựng liên quan đến công việc - Trình bày cấu trúc nói về trách nhiệm, sử dụng được đúng các giới từ cơ bản - Trình bày quan điểm của bản thân về phẩm chất của con người - Nhắc lại các từ vựng liên	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Phát vấn kết hợp với trực quan giảng giải nội dung bài - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc câu với các giới từ cơ bản, các từ vựng về chủ đề công việc + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân,	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	quan đến công việc - Trình bày và lấy ví dụ với cấu trúc chỉ trách nhiệm, với các giới từ - Đọc hiểu và đưa ra quan điểm của bản thân về vấn đề công việc hiện nay Nội dung cụ thể: 11.1. Vocabulary & Reading: jobs 11.2. Grammar focus: have to 11.3. Listening & Reading 11.4. Grammar focus: prepositions 11.5. Vocabulary & speaking: personal qualities 11.6. Vocabulary & Reading: jobs 11.7. Listening & Reading 11.8. Real time		các nhóm. Sinh viên: - Liệt kê các từ vựng về chủ đề công việc. - Tìm hiểu cách dùng động từ have to trong tài liệu [2]. - Hoàn thành các bài tập trang 90-93 phần workbook tài liệu [1]. - Đọc, tra từ điển bài đọc trang 92 tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại phỏng vấn xin việc. - Hoàn thành các bài tập trang 94-97 phần workbook tài liệu [1]	
8	Unit 12 – Our world Active Study 6 Mục tiêu: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị - Trình bày cấu mệnh lệnh thức, hiện tại hoàn thành - Thực hành nói về chủ đề chính trị - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị - Trình bày cấu trúc, lấy ví dụ cho thì hiện tại hoàn thành và mệnh lệnh thức	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải bài tập ôn tập - Giảng viên: + Giải thích các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị + Trình bày cấu mệnh lệnh thức, hiện tại hoàn thành + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. Sinh viên: - Đọc tìm hiểu về mệnh lệnh	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	- Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề chính trị của một nước Đông Nam Á Nội dung cụ thể: 12.1. Reading & Speaking 12.2. Grammar focus: If - imperative 12.3. Vocabulary & Reading: politics 12.4. Grammar focus: Present perfect 12.5. Reading & Vocabulary 12.6. Listening & Speaking Active study 6		thức với If trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến chính trị. - Tìm hiểu cấu trúc, cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành. - Hoàn thành các bài tập trang 98-101 phần workbook tài liệu [1]. - Tra từ mới phần bài đọc trang 100 tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập trang 102-105 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập trang 102-109 tài liệu [1].	

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Đăng Tiến



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 3

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 3

2. Mã học phần: TANH 003

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản về các thì của động từ, từ loại, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, các mệnh đề, so sánh. - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong cuộc sống, công việc hàng ngày về biểu cảm, giao dịch, giải trí, thể thao, ăn uống, công việc, giao tiếp.	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản về bản thân, gia đình, bạn bè, giải trí, thể thao, ăn uống, học tập, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống, công việc hàng ngày.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Biểu cảm, giao dịch, giải trí, thể thao, ăn uống, công việc.	3	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày được các trường hợp trong sự hòa hợp		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	giữa chủ ngữ và động từ.		
CDR1.3	Nêu được cấu tạo, cách sử dụng các từ loại trong tiếng Anh: Động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, tính từ, danh từ, đại từ...		
CDR1.4	Phân biệt được các thì của động từ trong tiếng Anh. Trình bày được cấu trúc, cách dùng, dấu hiệu nhận biết của từng thì.		
CDR1.5	Xác định đúng các loại câu điều kiện, câu giả định, các trợ động từ, động từ khuyết thiếu...		
CDR1.6	Phân biệt được các loại mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ.		
CDR1.7	Phân biệt được các cặp từ, nhóm từ dễ nhầm lẫn trong tiếng Anh.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Nghe, tìm từ khóa với dạng bài miêu tả tranh bằng cách trả lời các câu hỏi: Ai? Ở đâu? Cái gì? Thế nào? Bao nhiêu? ...		
CDR2.2	Nghe hiểu dạng bài hỏi-đáp, hội thoại để nhận biết về thời gian, ý kiến, thái độ, thông tin để xác định được sự lựa chọn, lời gợi ý, lý do hoặc nơi chốn.		
CDR2.3	Đọc hiểu thông tin trong các văn bản sử dụng trong giao dịch, bản tin quảng cáo, thư từ, biểu đồ, báo cáo, bài báo về các chủ điểm trong cuộc sống, sinh hoạt, giao tiếp và trong công việc hàng ngày.	3	[2.2.6]
CDR2.4	Giới thiệu bản thân với các thông tin cơ bản, quê quán, gia đình, sở thích, diện mạo, khả năng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch.		
CDR2.5	Thuyết trình về các chủ điểm trong cuộc sống hàng ngày: Bạn bè, thể thao, ăn uống, du lịch, học tập, gia đình.		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR2.6	Trả lời phỏng vấn các thông tin cá nhân, học tập, công việc.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương / bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																
		CDR1							CDR2						CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Unit 1 - Present tense	x			x			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
2	Unit 2 - Past tense	x			x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
3	Unit 3 - Gerunds/ Infinitives	x		x				x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
4	Unit 4 – Subject - Verb Agreement	x	x					x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
5	Unit 5- Auxiliaries	x				x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
6	Unit 6 - Relative Pronouns	x		x			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	Unit 7 – Nouns /	x		x				x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

Chương / bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																
		CĐR1							CĐR2						CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	Pronouns																	

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 60 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1] Anne Taylor Garrett Byrne (2007), *Very Easy TOEIC, second edition*, Compass Publishing

Tài liệu tham khảo:

[2] Kim Soyeong - Park Won (2008), *Big Step TOEIC 1*, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	Unit 1 - Present tense Mục tiêu bài: - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành. - Hiểu được cách sử dụng giới từ “at” - Làm được bài tập ngữ pháp về các thì. - Biết cách làm bài tập nghe. - Hiểu cách làm bài tập đọc dạng hoàn thành câu, hoàn thành đoạn và bài tập đọc hiểu. - Trình bày được bài nói giới thiệu bản thân. Nội dung cụ thể: 1.1. Grammar focus: 1.1.1. Present tense 1.1.2. Preposition: At 1.1.3. Grammar exercise 1.2. Listening: 1.2.1. Part 1 Picture description 1.2.2. Part 2 Questions and Response 1.2.3. Part 3 Short conversation 1.3. Reading: 1.3.1. Part 5 Incomplete sentences 1.3.2. Part 6 Incomplete texts	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc và cách sử dụng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành. + Nêu cách sử dụng giới từ “at”, hướng dẫn sinh viên phân biệt nghĩa của từ trong các hoàn cảnh khác nhau. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 1 trang 15-16; [2]: Mục 3 trang 178 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 1, Part 5, 6, 7 trang 22-28.	CĐR1.1, CĐR1.4, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	1.3.3. Part 7 Reading comprehension 1.4. Speaking: Introduce yourself.			
2	Unit 2 - Past tense Mục tiêu: - Trình bày được cấu trúc và cách sử dụng thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và quá khứ hoàn thành. - Làm được các bài tập thực hành ngữ pháp. - Nghe và làm được các bài tập nghe. - Hiểu và làm được bài tập đọc hiểu. - Thuyết trình về kỳ nghỉ gần đây. Nội dung cụ thể 2.1. Grammar focus: 2.1.1. Vocabulary 2.1.2. Past tense 2.1.3. Grammar exercise 2.2. Listening: 2.2.1. Part 1 Picture description 2.2.2. Part 2 Questions and Response 2.2.3. Part 3 Short conversation 2.3. Reading: 2.3.1. Part 5 Incomplete sentences 2.3.2. Part 6 Incomplete texts 2.3.3. Part 7 Reading comprehension 2.4. Speaking: Talk about	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Đặt vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 2 trang 29, 30 [2]: Mục 1 trang 172 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 2, part 3,4,5,6,7 trang 32-44	CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	your last holiday			
3	Unit 3 - Gerunds/Infinitives Mục tiêu: - Trình bày sự khác nhau trong cách sử dụng giữa động từ nguyên thể và danh động từ. - Làm được các bài tập thực hành. - Nghe và làm các bài tập nghe - Hiểu và làm các bài tập đọc hiểu. - Trình bày được bài nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi. Nội dung cụ thể: 3.1. Grammar focus: 3.1.1. Vocabulary 3.1.2. Gerunds / Infinitives 3.1.3. Grammar exercise 3.2. Listening: 3.2.1. Part 1 Picture description 3.2.2. Part 2 Questions and Response 3.2.3. Part 3 Short conversation 3.2. Listening: 3.2.1. Part 1 Picture description 3.2.2. Part 2 Questions and Response 3.2.3. Part 3 Short conversation 3.3.1. Part 5 Incomplete sentences 3.3.2. Part 6 Incomplete texts	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức thảo luận nhóm; - Giảng viên: + Phân biệt cách sử dụng động từ nguyên thể và danh động từ. + Thuyết trình hướng dẫn cách trình bày bài nói về các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi. + Tổ chức hoạt động nhóm cho SV. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 3 trang 43, 44 [2]: Mục 1, 2 trang 118-124 + Luyện nghe, đọc trang 46-56.	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	3.3.3. Part 7 Reading comprehension 3.4. Speaking: Talk about your free time activities			
4	Unit 4 – Subject - Verb Agreement Mục tiêu: - Trình bày được các quy tắc phối hợp giữa chủ ngữ và động từ. - Hiểu được sự khác nhau giữa danh động từ và động từ nguyên thể. - Hiểu yêu cầu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Nói được về chủ đề cuộc sống ở thành phố. Nội dung cụ thể: 4.1. Grammar focus: 4.1.1. Vocabulary 4.1.2. Gerunds / Infinitives 4.1.3. Grammar exercise 4.2. Listening: 4.2.1. Part 1 Picture description 4.2.2. Part 2 Questions and Response 4.2.3. Part 3 Short conversation 4.3. Reading: 4.3.1. Part 5 Incomplete sentences 4.3.2. Part 6 Incomplete texts 4.3.3. Part 7 Reading comprehension 4.4. Speaking: Talk about the life in the city	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các trường hợp về sự hòa hợp chủ ngữ-động từ. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 4 trang 57, 58 [2]: Mục 1,2 trang 162-163 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 4 part 1-7 trang 60-70	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
5	Unit 5 – Auxiliaries Mục tiêu: - Trình bày nghĩa của các từ vựng. - Trình bày được cách sử dụng của động từ khuyết thiếu. - Hiểu và làm được các bài tập nghe. - Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Nói được về chủ đề dự định trong tương lai của bạn. Nội dung cụ thể: 5.1. Grammar focus: 5.1.1. Vocabulary 5.1.2. Auxiliaries 5.1.3. Grammar exercise 5.2. Listening: 5.2.1. Part 1 Picture description 5.2.2. Part 2 Questions and Response 5.2.3. Part 3 Short conversation 5.3. Reading: 5.3.1. Part 5 Incomplete sentences 5.3.2. Part 6 Incomplete texts 5.3.3. Part 7 Reading comprehension 5.4. Speaking: - Talk about your plan for the future	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức học theo nhóm, cặp - Giảng viên: + Giải thích cách sử dụng của trợ động từ. + Đưa nội dung tranh luận. + Tổ chức thảo luận + Giao bài tập cho cá nhân và các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 5 trang 71, 72 [2]: Mục 1,2 trang 126, 127 + Lắng nghe, ghi chép, thảo luận, tranh luận và phản biện. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 5, trang 73-84	CĐR1.1, CĐR1.5, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
6	Unit 6 – Relative Pronouns Mục tiêu: - Trình bày được cách sử dụng của mệnh đề quan hệ.	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên:	CĐR1.1, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	- Hiểu được các mệnh đề quan hệ khác nhau. - Làm được các bài tập nghe. - Hiểu và làm được các bài tập đọc hiểu. - Trình bày được bài nói về chủ đề: Tầm quan trọng của Tiếng Anh. Nội dung cụ thể: 6.1. Grammar focus: 6.1.1. Vocabulary 6.1.2. Relative pronouns 6.1.3. Grammar exercise 6.2. Listening: 6.2.1. Part 1 Picture description 6.2.2. Part 2 Questions and Response 6.2.3. Part 3 Short conversation 6.3. Reading: 6.3.1. Part 5 Incomplete sentences 6.3.2. Part 6 Incomplete texts 6.3.3. Part 7 Reading comprehension 6.4. Speaking: Talk about the importance of learning English		+ Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giải thích các cấu trúc, các sử dụng đại từ quan hệ. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 6 trang 85, 86 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 6, Part 1-7 trang 88-98	CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
	Unit 7 – Nouns / Pronouns Mục tiêu: - Trình bày được sự khác nhau giữa danh từ và đại từ. - Làm được các bài tập thực hành. - Hiểu và làm được các bài tập nghe.	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích cấu tạo từ và vai trò của danh từ, đại từ trong câu. + Nêu vấn đề qua các ví dụ,	CDR1.1, CDR1.3, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR2.6,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	- Làm được các bài tập đọc hiểu - Nói được về chủ đề môn thể thao mà bạn yêu thích nhất. Nội dung cụ thể: 7.1. Grammar focus: 7.1.1. Vocabulary 7.1.2. Nouns / Pronouns 7.1.3. Grammar exercise 7.2. Listening: 7.2.1. Part 1 Picture description 7.2.2. Part 2 Questions and Response 7.2.3. Part 3 Short conversation 7.3. Reading: 7.3.1. Part 5 Incomplete sentences 7.3.2. Part 6 Incomplete texts 7.3.3. Part 7 Reading comprehension 7.4. Speaking: Talk about your favorite sport		hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 7 trang 99, 100 [2]: Mục 1, 2 trang 150-151 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 7, Part 1-7 trang 102-112.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên



Nguyễn Đăng Tiên



Trịnh Thị Chuyên

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 4**

**Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên**

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 4
2. Mã học phần: TANH 004
3. Số tín chỉ: 02 (2,0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba
5. Phân bố thời gian:
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 3.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Tiếng Anh 4 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau :

- Từ vựng : Học phần cung cấp hệ thống từ vựng về các chủ điểm: Nhà cửa, kinh doanh, cuộc sống thường ngày, công việc, nơi làm việc, du lịch, mua sắm...
- Ngữ pháp: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về thì của động từ, đại từ nhân xưng; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể bị động, từ nối và giới từ, cấu trúc so sánh, mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ, cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể, phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ, ...
- Kỹ năng : Luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nói tập trung vào các chủ đề thường gặp trong cuộc sống thường ngày, kỹ năng hội thoại, trả lời phỏng vấn. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi - đáp, nghe đoạn hội thoại ngắn và đoạn độc thoại.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau : - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: các thì trong Tiếng Anh, câu bị động, so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ, động từ nguyên thể, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, mệnh đề quan hệ. - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong cuộc sống, giao tiếp, công việc hàng ngày.	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống, công việc hàng ngày.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo :

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Biểu cảm, giao dịch, giải trí, thể thao, ăn uống, công việc.	3	[2.1.2]
CDR1.2	Phân biệt được cách sử dụng các thì của động từ, mệnh đề quan hệ sử dụng đại từ quan hệ và trạng từ quan hệ. Phân biệt được các đại từ như đại từ nhân xưng làm chủ ngữ, tân ngữ, tính từ sở hữu và cách sử dụng các		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	đại từ đó		
CĐR1.3	Trình bày được cấu trúc so sánh hơn, so sánh hơn nhất, cách biến đổi tính từ trang từ trong cấu trúc so sánh.		
CĐR1.4	Trình bày được cấu trúc câu bị động của các thì và cách biến đổi câu chủ động sang câu bị động và ngược lại.		
CĐR1.5	Trình bày được các trường hợp trong sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ.		
CĐR1.6	Phân biệt được danh động từ và động từ nguyên thể,		
CĐR1.7	Phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ.		
CĐR1.8	Phân biệt được cách sử dụng của tính từ và trạng từ chỉ cách thức.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Nghe hiểu các câu hỏi, tìm từ khóa với dạng bài mô tả tranh bằng cách trả lời câu hỏi: Ai? Ở đâu? Cái gì? Tại sao? Thế nào?		
CĐR2.2	Nghe hiểu dạng bài hỏi-đáp, hội thoại để nhận biết về thời gian, ý kiến, thái độ, thông tin để xác định được sự lựa chọn, lời gợi ý, lý do hoặc nơi chốn.		
CĐR2.3	Nghe hiểu nội dung các đoạn hội thoại, đọc thoại ngắn để nhận biết về thời gian, ý kiến, thái độ, thông tin để xác định được sự lựa chọn, lời gợi ý, lý do hoặc nơi chốn.	3	[2.2.6]
CĐR2.4	Đọc hiểu các loại văn bản thường xuất hiện trong cuộc sống thường ngày, sinh hoạt, giao tiếp.		
CĐR2.5	Đọc hiểu những bản tin quảng cáo, lá thư giao dịch, biểu đồ, thông báo, báo cáo, bài báo.		
CĐR2.6	Nói, hội thoại theo đúng cấu trúc ngữ pháp, ngữ điệu, có khả năng hỏi và đáp phát triển hội thoại theo các chủ đề thường gặp trong cuộc sống và trong công việc.		
CĐR2.7	Trả lời các câu hỏi tìm ý chính, tìm thông tin chi tiết, tìm thông tin có liên quan		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR2.8	Giới thiệu bản thân với các thông tin cơ bản, quê quán, gia đình, sở thích, diện mạo, khả năng, điểm mạnh, điểm yếu, kế hoạch.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương / bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Part 1: Photographs	x								x					x			x	x	x	x
2	Part 2: Questions and Responses	x									x						x	x	x	x	x
3	Part 3: Short conversations	x										x			x			x	x	x	x
4	Part 4: Short Talks	x										x			x		x	x	x	x	x
5	Unit 1: Pronoun	x	x										x	x		x		x	x	x	x
6	Unit 2: Tenses	x	x										x	x		x		x	x	x	x
7	Unit 3: Agreement	x				x							x	x		x		x	x	x	x
8	Unit 4: Voice	x	x		x								x	x		x		x	x	x	x
9	Unit 5: Modification	x	x						x				x	x		x		x	x	x	x
10	Unit 6: Infinitives and Gerunds	x	x				x						x	x		x		x	x	x	x
11	Unit 7:	x	x										x	x		x			x	x	x

Chương / bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	Participles and Participle Clauses																				
12	Unit 8: Conjunctions and Prepositions	x	x					x					x	x		x			x	x	x
13	Unit 9: Comparisons	x	x	x									x	x		x			x	x	x
14	Unit 10: Relative clauses	x	x										x	x		x			x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 60 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học phần:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] Peggy Anderson, Mary Katherine Chadwick, Wendi Shin, *Taking the TOEIC Skills and Strategies*, Compass publishing.

- **Tài liệu tham khảo:**

15. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy – học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	Part 1: Photographs Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng theo chủ đề nhà cửa, nơi làm việc, công việc và các địa điểm công cộng; - Nghe hiểu và sử dụng thành thạo động các động từ thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tính từ miêu tả. Nội dung cụ thể: 1. Theme Notes - House - Workplace - Business - Other public places 2. Mini-test 3. Speaking	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Thuyết trình, giải thích phương pháp làm dạng bài tập nghe miêu tả tranh. - Giải thích từ mới xuất hiện trong bài nghe - Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. Sinh viên: - Tìm hiểu cách chia động từ thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn trang 58 - 62 tài liệu [2]; - Hoàn thành các bài tập tr.16 - 31 phần tài liệu [1]; - Liệt kê từ vựng chủ đề nhà cửa, nơi làm việc, công việc và các địa điểm công cộng.	CDR1.1 CDR 2.1 CDR 2.6 CDR 3.1 CDR 3.2 CDR 3.3 CDR 3.4
2	Part 2: Questions and Responses Mục tiêu: - Trình bày cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi không có từ để hỏi và các dạng câu hỏi khác; - Nghe hiểu các câu hỏi và câu trả lời, lựa chọn đáp án đúng dựa trên dạng câu hỏi. Nội dung cụ thể: 1. Theme Notes - Question with an Interogative - Question with No. Interogative - Other types of question	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Thuyết trình cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi không có từ để hỏi và các dạng câu hỏi khác . - Giải thích các kỹ thuật để đạt điểm cao trong dạng bài nghe này. - Hướng dẫn sinh viên nghe và chữa bài. - Giao bài tập nghe cho sinh viên về nhà hoàn thành. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. - Liệt kê từ vựng trang 147 -148	CDR1.1 CDR 2.2 CDR 2.8 CDR 3.1 CDR 3.2 CDR 3.3 CDR 3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	2. Mini-test 3. Speaking		tài liệu [2]; - Hoàn thành bài tập trang 36-37 tài liệu [1]; - Luyện tập hỏi đáp sử dụng cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi không có từ để hỏi và các dạng câu hỏi khác.	
3	Part 3: Short conversations Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chủ đề văn phòng, các tình huống khó xử tại nơi làm việc, thay đổi nhân sự, cuộc sống thường ngày, du lịch; - Nghe hiểu các đoạn hội thoại theo chủ đề bài học. Nội dung cụ thể: 1. Theme Notes - Office talk - Workplace Dilemmas - Staffing Changes - Daily life - Travel 2. Mini-test 3. Speaking	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích các từ vựng chỉ đồ chủ đề văn phòng, các tình huống khó xử tại nơi làm việc, thay đổi nhân sự, cuộc sống thường ngày, du lịch. - Hướng dẫn phương pháp nghe dạng bài tập này. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. - Lập hội thoại hỏi đáp chủ đề cuộc sống thường ngày; - Hoàn thành bài tập trang 40-49 tài liệu [1] - Ôn tập kiến thức ngữ pháp trang 72 -73 tài liệu [2].	CDR1.1 CDR 2.3 CDR 2.6 CDR 2.8 CDR 3.1 CDR 3.2 CDR 3.3 CDR 3.4
4	Part 4: Short Talks Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng thường dùng trong các thông báo, quảng cáo, tin nhắn, các bản tin; - Nghe hiểu các đoạn thông tin ngắn liên quan đến chủ đề bài học. Nội dung cụ thể: 1. Theme Notes	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích các từ vựng chỉ đồ thường dùng trong các thông báo, quảng cáo, tin nhắn, các bản tin trong tài liệu. - Hướng dẫn sinh viên nghe và chữa bài tập. - Giao bài tập về nhà cho sinh	CDR1.1 CDR2.3 CDR2.6 CDR2.8 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	- Office Announcements 1 - Office Announcements 2 - Speeches/Lectures - Public Announcements - Telephone Messages - Advertisements - Broadcasts - Tours and Trips 2. Mini-test 3. Speaking		viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành các bài tập trang 54-61 tài liệu [1]; - Ôn tập kiến thức ngữ pháp trang 82 - 85 tài liệu [2].	
5	Unit 1: Pronouns Mục tiêu: - Trình bày các loại đại từ, chức năng, cách sử dụng đại từ; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu sử dụng các kiến thức về đại từ. Nội dung cụ thể: 1.1. Grammar Notes 1.2. Exercises 1.2.1. Vocabulary use 1.2.2. Incomplete sentences 1.2.3. Text completion 1.3. Mini-test	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích các loại đại từ, chức năng và cách sử dụng đại từ - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 68-69 tài liệu [1]. - Tra từ mới phần 1.2.3 tài liệu [1].	CDR1.1 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4
6	Unit 2: Tenses Mục tiêu: - Trình bày cấu trúc, cách sử dụng các thì hiện tại, quá khứ, tương lai... trong tiếng Anh, phân biệt được cách sử dụng các thì; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu liên quan đến các cấu trúc, các thì biểu thị thời gian hiện tại, quá khứ,	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích các cấu trúc, cách sử dụng các thì hiện tại, quá khứ, tương lai..., phân biệt được cách sử dụng các thì. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh	CDR1.1 CDR1.2 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	tương lai. Nội dung cụ thể: 2.1. Grammar Notes 2.2. Exercises 2.2.1. Vocabulary use 2.2.2. Incomplete sentences 2.2.3. Text completion 2.3. Mini-test		viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 72-75 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 2.2.3 tài liệu [1].	
7	Unit 3: Agreement Mục tiêu: - Trình bày sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, tính từ và danh từ, danh từ và đại từ, đại từ chỉ định; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu liên quan đến danh từ, tính từ, đại từ, đại từ chỉ định. Nội dung cụ thể: 3.1. Grammar Notes 3.2. Exercises 3.2.1. Vocabulary use 3.2.2. Incomplete sentences 3.2.3. Text completion 3.3. Mini-test Kiểm tra giữa học phần	4 (2LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Thuyết trình sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, tính từ và danh từ, danh từ và đại từ, đại từ chỉ định. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 78-81 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 3.2.3 tài liệu [1]. - Làm bài kiểm tra GHP	CDR1.1 CDR1.5 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4
8	Unit 4: Voice Mục tiêu: - Trình bày cấu trúc câu bị động và cách sử dụng cấu trúc bị động cùng với các giới từ <i>by</i> , <i>at</i> , <i>with</i> ; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu liên quan cấu trúc câu bị động, các giới từ được sử dụng trong câu	2 (2LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Thuyết trình giảng giải cấu trúc câu bị động và cách sử dụng cấu trúc bị động cùng với các giới từ <i>by</i> , <i>at</i> , <i>with</i> - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên	CDR1.1 CDR1.2 CDR1.4 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	trúc bị động. Nội dung cụ thể: 4.1. Grammar Notes 4.2. Exercises 4.2.1. Vocabulary use 4.2.2. Incomplete sentences 4.2.3. Text completion 4.3. Mini-test		- Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 78-81 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 4.2.3 tài liệu [1].	
9	Unit 5: Modification Mục tiêu: - Trình bày các phương thức bổ nghĩa trong tiếng Anh sử dụng tính từ, trạng từ, đại từ chỉ định hay cụm danh từ; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu về các phương thức bổ nghĩa trong tiếng Anh. Nội dung cụ thể: 5.1. Grammar Notes 5.2. Exercises 5.2.1. Vocabulary use 5.2.2. Incomplete sentences 5.2.3. Text completion 5.3. Mini-test	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giảng giải các phương thức bổ nghĩa trong tiếng Anh sử dụng tính từ, trạng từ, đại từ chỉ định hay cụm danh từ. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 90-97 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 5.2.3 tài liệu [1].	CDR1.1 CDR1.2 CDR1.8 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4
10	Unit 6: Infinitives and Gerunds Mục tiêu: - Trình bày các động từ theo sau bởi động từ nguyên thể, danh động từ hoặc đi kèm với một đại từ; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu về các động từ sử dụng cấu trúc nguyên thể,	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Thuyết trình các động từ theo sau bởi động từ nguyên thể, danh động từ hoặc đi kèm với một đại từ. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên	CDR1.1 CDR1.2 CDR1.6 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	danh động từ. Nội dung cụ thể: 6.1. Grammar Notes 6.2. Exercises 6.2.1. Vocabulary use 6.2.2. Incomplete sentences 6.2.3. Text completion 6.3. Mini-test		- Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 100-103 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 6.2.3 tài liệu [1].	
11	Unit 7: Participles and Participle Clauses Mục tiêu: - Trình bày và phân biệt được cách sử dụng phân từ đuôi <i>-ing</i> và đuôi <i>-ed</i> làm tính từ, mệnh đề phân từ trong câu; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu về phân từ, mệnh đề phân từ. Nội dung cụ thể: 7.1. Grammar Notes 7.2. Exercises 7.2.1. Vocabulary use 7.2.2. Incomplete sentences 7.2.3. Text completion 7.3. Mini-test	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Tìm hiểu cách sử dụng phân từ đuôi <i>-ing</i> và đuôi <i>-ed</i> làm tính từ, mệnh đề phân từ. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 106-109 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 7.2.3 tài liệu [1].	CDR1.1 CDR1.2 CDR1.7 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4
12	Unit 8: Conjunctions and Prepositions Mục tiêu: - Trình bày và phân biệt các loại liên từ và giới từ, phân biệt sự khác biệt giữa giới từ và liên từ; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu về giới từ, liên từ. Nội dung cụ thể: 8.1. Grammar Notes	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Tìm hiểu các loại liên từ và giới từ, phân biệt sự khác biệt giữa giới từ và liên từ. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh viên.	CDR1.1 CDR1.2 CDR1.7 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	8.2. Exercises 8.2.1. Vocabulary use 8.2.2. Incomplete sentences 8.2.3. Text completion 8.3. Mini-test		Sinh viên: - Lắng nghe, ghi chép và giải quyết vấn đề giảng viên yêu cầu. - Hoàn thành bài tập trang 112-115 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 8.2.3 tài liệu [1].	
13	Unit 9: Comparisons Mục tiêu: - Trình bày các cấu trúc so sánh hơn, so sánh hơn nhất, các cụm từ so sánh và từ bổ nghĩa trong cấu trúc so sánh; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu sử dụng các cấu trúc so sánh. Nội dung cụ thể: 9.1. Grammar Notes 9.2. Exercises 9.2.1. Vocabulary use 9.2.2. Incomplete sentences 9.2.3. Text completion 9.3. Mini-test	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Giải thích các cấu trúc so sánh hơn, so sánh hơn nhất, các cụm từ so sánh và từ bổ nghĩa trong cấu trúc so sánh. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Hoàn thành bài tập trang 118-121 tài liệu [1]; - Tra từ mới phần 9.2.3 tài liệu [1].	CDR1.1 CDR1.2 CDR1.3 CDR1.7 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4
14	Unit 10: Relative clauses Mục tiêu: - Trình bày và phân biệt được cách sử dụng các mệnh đề chứa đại từ quan hệ và trạng từ quan hệ; - Đọc hiểu và làm bài tập đọc hiểu về mệnh đề quan hệ; Nội dung cụ thể: 10.1. Grammar Notes 10.2. Exercises 10.2.1. Vocabulary use 10.2.2. Incomplete	2 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm Giảng viên: - Thuyết trình giải thích các mệnh đề chứa đại từ quan hệ và trạng từ quan hệ. - Hướng dẫn sinh viên làm bài tập và chữa bài tập cho sinh viên - Giao bài tập về nhà cho sinh viên. Sinh viên: - Hoàn thành bài tập trang 124-127 tài liệu [1];	CDR1.1 CDR1.2 CDR1.7 CDR2.4 CDR2.5 CDR2.7 CDR3.1 CDR3.2 CDR3.3 CDR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	sentences 10.2.3. Text completion 10.3. Mini-test		- Tra từ mới phần 10.2.3 tài liệu [1].	

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

1. **Tên học phần:** Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin

2. **Mã học phần:** TANH 012

3. **Số tín chỉ:** 03 (3,0)

4. **Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 3

5. **Phân bổ thời gian:**

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. **Điều kiện tiên quyết:** Hoàn thành xong học phần Tiếng Anh 4

7. **Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913601619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	tang.huyminh@gmail.com

8. **Mô tả nội dung của học phần:**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Từ vựng về các chủ đề: Các công việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận của máy tính, máy tính trong lĩnh vực giao tiếp, Internet và emails, website, an ninh mạng.

- Cấu trúc câu với động từ to be, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, các loại câu so sánh, các cấu trúc câu diễn đạt nguyên nhân, lí do, tình trạng, yêu cầu trong lĩnh vực chuyên ngành công nghệ thông tin.

9. **Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Từ vựng tiếng Anh về nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận,	3	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	linh kiện của máy tính, mạng, thư điện tử, website, cơ sở dữ liệu, an ninh mạng. - Ngữ pháp: Các thì trong tiếng Anh, các cấu trúc câu so sánh, câu yêu cầu, câu miêu tả nhiệm vụ, tình trạng, giải pháp, gợi ý.		
MT2	Kỹ năng		
	Nói, nghe, đọc hiểu và viết đoạn văn miêu tả về các bộ phận, linh kiện của máy tính, mô tả đặc điểm, lợi ích, yêu cầu, giải pháp liên quan đến máy tính và lĩnh vực công nghệ thông tin.	4	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê, giải thích nghĩa và phát âm đúng được các từ vựng chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, các bộ phận, linh kiện của máy tính, mạng, thư điện tử, website, cơ sở dữ liệu, an ninh mạng.	3	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày cấu trúc, cách sử dụng động từ to be, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, các loại câu so sánh.	3	[2.1.2]
CDR1.3	Nêu các cấu trúc diễn đạt nguyên nhân, lí do, tình trạng, yêu cầu trong lĩnh vực chuyên ngành công nghệ thông tin.		
CDR2	Kỹ năng		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR2.1	Phát âm đúng các từ chỉ bộ phận, lợi ích, yêu cầu, giải pháp liên quan đến máy tính và lĩnh vực công nghệ thông tin.	4	[2.2.6]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ điểm đã được thực hành trên lớp.	4	[2.2.6]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Part 1 Unit 1: Working in the IT industry 1.1. Meeting people 1.2. Jobs in IT 1.3. Schedules 1.4. Spelling 1.5. Business matters	x	x	x	x	x		x
2	Unit 2: Computer systems 2.1. Computer hardware 2.2. Computer software 2.3. Working with computers	x	x	x	x	x	x	x

	2.4. Computer usage 2.5. Business matters							
3	Unit 3: Websites 3.1. Website purpose 3.2. Website analytics 3.3. Website development 3.4. The best websites 3.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
4	Unit 4: Databases 4.1. Database basics 4.2. Data processing 4.3. Data storage and back-up 4.4. Database systems benefits 4.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 5: E-commerce 5.1. E-commerce companies 5.2. E-commerce features 5.3. Transaction security 5.4. Online transactions 5.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
6	Unit 6: Network systems 6.1. Types of network 6.2. Networking hardware 6.3. Talking about the past 6.4. Network range and speed 6.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
7	Unit 7: IT support 7.1. Fault diagnosis	x	x	x	x	x	x	x

	7.2. Software repair 7.3. Hardware repair 7.4. Customer service 7.5. Business matters							
8	Unit 8: IT security and safety 8.1. Security solutions 8.2. Workstation health and safety 8.3. Security procedures 8.4. Reporting incidents 8.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
9	Part 2 Unit 1: Working in IT 1.1. IT jobs and duties 1.2. IT organisations 1.3. IT workplace rules 1.4. Meetings 1.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
10	Unit 2: IT systems 2.1. System specifications 2.2. GUI operations 2.3. Multimedia hardware 2.4. Operating systems 2.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
11	Unit 3: Data communication 3.1. Internet browsing 3.2. Networks	x	x	x	x	x	x	x

	3.3. Mobile computing 3.4. Email 3.5. Business matters							
12	Unit 4: Administration 4.1. Spreadsheets and formulae 4.2. Databases 4.3. Systems administration 4.4. Peripherals 4.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
13	Unit 5: Choice 5.1. Web hosting 5.2. IT costs 5.3. Product research 5.4. Making recommendations 5.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x
14	Unit 6: Interactions 6.1. Enterprise social media 6.2. Video conferencing 6.3. E-commerce 6.4. Training users 6.5. Business matters	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
------	--

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20 %	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30 %	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50 %	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần, trong quá trình kiểm tra sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm các dạng bài:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi
- + Điền từ
- + Hoàn thành câu

- Điểm chấm bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần diễn ra sau khi kết thúc học phần 1 tuần (theo kế hoạch của phòng Quản lý đào tạo). Trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng Quản lý chất lượng chọn một cách ngẫu nhiên và được bảo mật. Trong quá trình thi, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm các dạng bài sau:

- + Chọn đáp án đúng
- + Đọc đoạn văn trả lời câu hỏi
- + Điền từ
- + Hoàn thành câu

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ, đọc bài đọc, viết lại câu..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên trình bày

phân tích cấu trúc câu, bài đọc liên quan đến chuyên ngành công nghệ thông tin, sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích nêu lên các câu hỏi, giải quyết các vấn đề và thảo luận để hiểu các nội dung chính bài học được đề cập dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học.

Giảng viên quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Anh trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc ngữ pháp. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà. Giảng viên kết hợp sử dụng phần mềm Quizziz trong việc giao bài tập về nhà và bài tập củng cố ngữ pháp cho sinh viên.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, các bài đọc có liên quan đến chủ đề bài học.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu học tập:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] Maja Olejniczak, *English for Information technology 1&2*, Pearson Longman

- Tài liệu tham khảo:

[2] Raymond Murphy, *English grammar in use*, Cambridge Press

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Part 1 Unit 1 : Working in the IT industry Mục tiêu:	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ mới chỉ nghề nghiệp trong lĩnh

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Trình bày các từ vựng chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, thì hiện tại đơn. - Hội thoại giới thiệu bản thân, làm quen, miêu tả về thói quen hàng ngày Nội dung cụ thể: 1.1. Meeting people 1.2. Jobs in IT 1.3. Schedules 1.4. Spelling 1.5. Business matters				vực công nghệ thông tin [1] - Tìm hiểu cách sử dụng động từ to be, thì hiện tại đơn trong tài liệu [2] - Viết 1 email giới thiệu bản thân và các thành viên trong nhóm
2	Unit 2: Computer systems Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các bộ phận của máy tính - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh, thì hiện tại tiếp diễn và các động từ khuyết thiếu trong tiếng Anh. - Hội thoại giới thiệu về phần cứng và phần mềm của máy tính Nội dung cụ thể: 2.1. Computer hardware 2.2. Computer software 2.3. Working with computers 2.4. Computer usage 2.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ mới chỉ các bộ phận của máy tính [1] - Tìm hiểu khái niệm về máy tính và phần cứng trên mạng Internet - Tìm hiểu cấu trúc câu so sánh, thì hiện tại tiếp diễn trong tài liệu [2]
3	Unit 3: Websites Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến website - Hiểu và thành lập cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi.	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ mới liên quan đến website - Tìm hiểu cấu trúc câu hỏi có từ để hỏi trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Mô tả các bước trong một quy trình Nội dung cụ thể: 3.1. Website purpose 3.2. Website analytics 3.3. Website development 3.4. The best websites 3.5. Business matters				
4	Unit 4: Databases Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến cơ sở dữ liệu - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra lời khuyên. - Miêu tả các bước trong xử lý dữ liệu, các thiết bị lưu trữ Nội dung cụ thể: 4.1. Database basics 4.2. Data processing 4.3. Data storage and back-up 4.4. Database systems benefits 4.5. Business matters	3	0	[1]	- Liệt kê các từ vựng về cơ sở dữ liệu - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra lời khuyên trên mạng internet - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
5	Unit 5: E-commerce Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các loại thương mại điện tử - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ nối và thì tương lai đơn - Miêu tả các đặc điểm của trang web thương mại điện tử, nói về an ninh mạng và mô tả quy trình giao dịch Nội dung cụ thể: 5.1. E-commerce companies 5.2. E-commerce features 5.3. Transaction security	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng chỉ các loại thương mại điện tử - Tìm hiểu về các từ nối và thì tương lai đơn trong tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	5.4. Online transactions 5.5. Business matters				
6	Unit 6: Network systems Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng internet - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra gợi ý, thì quá khứ đơn. - Miêu tả đặc điểm và khả năng của mạng internet Nội dung cụ thể: 6.1. Types of network 6.2. Networking hardware 6.3. Talking about the past 6.4. Network range and speed 6.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến mạng internet - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra gợi ý và thì quá khứ đơn trong tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]
7	Unit 7: IT support Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến các lỗi máy tính và cách khắc phục - Hiểu và sử dụng thành thạo thì hiện tại hoàn thành - Miêu tả các lỗi máy tính và cách khắc phục Nội dung cụ thể: 7.1. Fault diagnosis 7.2. Software repair 7.3. Hardware repair 7.4. Customer service 7.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng và thuật ngữ liên quan đến các lỗi máy tính và cách khắc phục - Tìm hiểu thì hiện tại hoàn thành trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
8	Ôn tập và kiểm tra giữa học phần	3	0	[1] [2]	- Ôn tập các nội dung từ bài 1 đến bài 7 - Hoàn thành đề cương ôn tập giữa học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
9	Unit 8: IT security and safety Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến an ninh mạng - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu miêu tả khả năng, sự cảm đoán. - Miêu tả đặc điểm của hệ thống an ninh mạng Nội dung cụ thể: 8.1. Security solutions 8.2. Workstation health and safety 8.3. Security procedures 8.4. Reporting incidents 8.5. Business matters	3	0	[1]	- Liệt kê các từ vựng về an ninh mạng - Tìm hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu miêu tả khả năng, sự cảm đoán qua mạng internet. - Hoàn thành bài tập trong tài liệu [1]
10	Part 2 Unit 1: Working in IT Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến công việc và trách nhiệm của một số nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Hiểu và sử dụng thành thạo thì hiện tại đơn, động từ khuyết thiếu và mệnh lệnh - Miêu tả các quy tắc làm việc, đưa ra gợi ý, trình bày quan điểm cá nhân Nội dung cụ thể: 1.1. IT jobs and duties 1.2. IT organisations 1.3. IT workplace rules 1.4. Meetings 1.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến công việc và trách nhiệm của một số nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin - Tìm hiểu thì hiện tại đơn, động từ khuyết thiếu và mệnh lệnh trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
11	Unit 2: IT systems Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến mô tả phần cứng, GUI và đa phương tiện - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu đưa ra lời chỉ dẫn, mục đích, lý do. - Miêu tả cách cài đặt OS Nội dung cụ thể: 2.1. System specifications 2.2. GUI operations 2.3. Multimedia hardware 2.4. Operating systems 2.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến mô tả phần cứng, GUI và đa phương tiện - Tìm hiểu cấu trúc câu đưa ra lời chỉ dẫn, mục đích, lý do. - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
12	Unit 3: Data communication Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến mạng internet, các thiết bị di động, email - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, sử dụng câu điều kiện loại 1, đại từ quan hệ - Miêu tả những tiện ích của các thiết bị di động Nội dung cụ thể: 3.1. Internet browsing 3.2. Networks 3.3. Mobile computing 3.4. Email 3.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến mạng internet, các thiết bị di động, email - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, sử dụng câu điều kiện loại 1, đại từ quan hệ trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
13	Unit 4: Administration Mục tiêu:	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng về quản trị mạng internet, cơ sở dữ liệu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Trình bày các từ vựng liên quan đến quản trị mạng internet, cơ sở dữ liệu - Hiểu và sử dụng thành thạo thì quá khứ đơn, phân biệt thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn - Miêu tả được các tình trạng vấn đề xảy ra Nội dung cụ thể: 4.1. Spreadsheets and formulae 4.2. Databases 4.3. Systems administration 4.4. Peripherals 4.5. Business matters				- Tìm hiểu thì quá khứ đơn, phân biệt thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
14	Unit 5: Choice Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến phần mềm CAD, chi phí sản phẩm - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh, câu hỏi gián tiếp - Miêu tả đặc điểm, giá cả, chi phí của các sản phẩm Nội dung cụ thể: 5.1. Web hosting 5.2. IT costs 5.3. Product research 5.4. Making recommendations 5.5. Business matters	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến phần mềm CAD, chi phí của sản phẩm - Tìm hiểu cấu trúc câu so sánh, câu hỏi gián tiếp trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
15	Unit 6: Interactions Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng liên quan đến video, thương mại điện tử	3	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến video, thương mại điện tử - Tìm hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc câu điều kiện loại 2 - Miêu tả đặc điểm và tiện ích của video Nội dung cụ thể: 6.1. Enterprise social media 6.2. Video conferencing 6.3. E-commerce 6.4. Training users 6.5. Business matters				- điều kiện loại 2 trong tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trong tài liệu [1]
16	Ôn tập và phụ đạo			[1] [2]	- Ôn tập lại các cấu trúc ngữ pháp từ Unit 1 đến Unit 14 - Hệ thống lại các từ vựng theo chủ đề từng bài học - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Đăng Tiến



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 1

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Trung 1
- Mã học phần:** TTRUNG 004
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Không
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	nguyenhola11180@gmail.com
2.	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	<u>nguyenlan8078@gmail.com</u>
3.	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	<u>trangbui175@gmail.com</u>
4.	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần gồm 13 bài học về các chủ điểm: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán.
- Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống...
- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	- Liệt kê từ vựng về các chủ đề: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống... - Phân biệt cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp: Câu hỏi với trợ từ “吗”, câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的”, cách dùng của “都”, “也”	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Nói, hội thoại được về các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày - Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong đời sống hàng ngày. - Đọc hiểu được các đoạn văn 100-150 chữ về các chủ điểm giao tiếp. - Viết từ mới theo đúng quy tắc viết chữ Hán. - Viết được các đoạn văn 100 - 120 từ về các chủ điểm: giới thiệu bản thân, nhận biết đồ vật, mua bán...	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	- Vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai. - Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được cách đọc phiên âm trong tiếng Trung, quy tắc biến điệu, cách viết phiên âm tiếng Hán .	1	[2.1.2]
CĐR1.2	Trình bày được cách đọc, cách viết các chữ Hán trong học phần.		
CĐR1.3	Trình bày được cách dùng từ, cụm từ, cấu trúc ngữ pháp về chủ đề bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...		
CĐR1.4	Giải thích được cách sử dụng các hiện tượng ngữ pháp có trong bài: câu hỏi với trợ từ “吗” , câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的” , tổ từ chữ “的” , cách dùng của “都” , “也”		
CĐR1.5	- Liệt kê từ vựng về các chủ đề: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...		
CĐR1.6	Hỏi - đáp được với các chủ đề hội thoại cơ bản.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc được các phiên âm tiếng Trung	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Viết được các chữ Hán theo đúng quy tắc thuận bút.		
CĐR2.3	Nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn chủ đề quen thuộc như chào hỏi, là quen, hỏi họ tên, công việc...		
CĐR2.4	Viết được đoạn văn khoảng 100 – 120 chữ với chủ đề đã học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...		
CĐR2.5	Dịch bài khóa, đoạn văn ngắn trong bài.		
CĐR2.6	Giao tiếp đơn giản, nói rõ ràng, phát âm đúng.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.		
CĐR3.3	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.4	Có thái độ học tập và làm việc tích cực với nhiệm vụ được phân công		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1						CDR2						CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	第一课：你好 Bài 1: Xin chào! 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x					x	x	x				x		x	x
2	第二课：汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第三课：明天见 Bài 3: Ngày mai gặp lại! 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

4	第四课：你去哪儿？ Bài 4: Bạn đi đâu? 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	第五课：这是王老师 Bài 5: Đây là thầy Vương. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	第六课：我学习汉语 Bài 6: Tôi học tiếng Hán. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	第七课：你吃什么？ Bài 7: Bạn ăn gì? 一、课文 二、生词	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	三、注释 四、练习																
8	第八课: 苹果一斤多少钱 Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	第九课: 这个箱子很重 Bài 9: Cái va li này rất nặng. 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	第十课: 他住哪儿? Bài 10: Anh ấy sống ở đâu? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11	第十一课: 我们都是留学生 Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh. 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	第十二课: 你在哪儿学习? Bài 12: Bạn học ở đâu? 一、课文 二、生词 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài tập nhóm, bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

13. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, *汉语会话 301 句*, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, năm 2009

[3] - Khương Lệ Bình (2018), *Giáo trình HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	第一课：你好 Bài 1: Xin chào! Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: - [1] : Trang 10 - 12 - [2]: Trang 35 - 40 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 10 -12	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
2	第二课：汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Nêu vấn đề, hướng	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1,

	- Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại hỏi thăm việc học tiếng Hán. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习		dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 13 - 18 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 16 - 18	CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
3	第三课: 明天见 Bài 3: Hẹn gặp lại vào ngày mai Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại chào tạm biệt - Biết cách đáp lại lời xin lỗi Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 学汉语 (二) 明天见 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: - [1] : Trang 19 - 27 - [2]: Trang 41 - 46 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 24 – 27	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
4	第四课: 你去哪儿? Bài 4: Bạn đi đâu? Mục tiêu: - Nắm được cách viết và	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4,

	cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại hỏi ai đó đi đâu đấy - Trình bày các danh từ chỉ địa điểm Nội dung cụ thể: 一、课文 （一）你去哪儿 （二）对不起 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习		- Giảng viên: +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 36 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 33 - 36	CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
5	第五课: 这是王老师 Bài 5: Đây là thầy Vương Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về người khác - Trình bày các từ vựng về chủ đề giới thiệu Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 37 - 45 [2]: Trang 61 - 67 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 41- 44	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
6	第六课: 我学习汉语	02	Thuyết trình; Tổ chức	CĐR1.1,

	Bài 6: Tôi học tiếng Hán Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu bản thân, giới thiệu họ tên. - Liệt kê một số họ thường gặp ở Trung Quốc và Việt Nam Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 我学习汉语 (二) 这是什么书? 二、生词 三、注释 四、练习	(2LT, 0TH)	cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 46 - 55 [2]: Đọc trang 54 - 60 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 51-55	CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
7	第七课: 你吃什么? Bài 7: Bạn ăn gì? Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về cách gọi món trong nhà ăn - Trình bày được tên một số món ăn Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 56 – 62 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

	五、练习		五、练习 trang 59 - 62	
8	第八课：苹果一斤多少钱 Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo? Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại theo chủ đề mua sắm hoa quả - Trình bày được tên một số loại hoa quả và cách nói giá tiền trong tiếng Trung Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	04 (2LT, 2KT)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 63 - 69 [2]: Trang 110 - 123 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 66 - 69 + Làm bài kiểm tra.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
9	第九课：这个箱子很重 Bài 9: Cái va li này rất nặng Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Biết miêu tả tính chất của một đồ vật. - Trình bày được tên một số đồ vật thông dụng hàng ngày - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về miêu tả đồ	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 70 - 75 + Lắng nghe, ghi chép,	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

	vật Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习		hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 73 - 75	CĐR3.4.
10	第十课: 他住哪儿? Bài 10: Anh ấy sống ở đâu? Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Liệt kê được sáu thành phần câu tiếng Trung - Biết cách sử dụng câu vị ngữ động từ - Trình bày được cách diễn đạt địa chỉ, số điện thoại trong tiếng Trung - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về nơi ở, hỏi số điện thoại Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语法 （一）汉语句子的语序 （二）动词谓语句 （三）号码的读法 四、语音 五、练习	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 76 - 85 [2]: Trang 64 [3]: Trang 100 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 82 - 85	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
11	第十一课: 我们都是留学生	04 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại	CĐR1.1, CĐR1.2,

	Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về trường lớp. - Biết cách sử dụng phó từ “也”, “都”, câu hỏi với trợ từ “吗”, vị trí của trạng ngữ trong câu tiếng Trung. - Viết về việc học tiếng Trung của mình. Nội dung cụ thể 一、 课文 （一）这位是王教授 （二）我们都是留学生 （三）你也是中国人吗？ 二、生词 三、注释 四、语法 （一）怎么问 （1）：……吗？ （二）状语 （三）副词“也”和“都” 五、语音 六、练习		đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 86 - 97 [2]: Trang 57, 68, 96 [3]: Trang 16, 108 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 六、练习 trang 92 – 97	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
12	第十二课：你在哪儿学习 Bài 12: Bạn học ở đâu? Mục tiêu:	04 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4,

- Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về thầy cô, lớp học, ai dạy bạn môn gì... - Biết cách sử dụng trợ từ kết cấu “的” - Biết vận dụng cấu trúc giới từ với từ “在”, “给” Nội dung cụ thể 一、 课文 （一）你在哪儿学习汉语？ （二）你们的老师是谁？ 二、生词 三、语法 （一）怎么问（2）：疑问代词 （二）定语和结构助词“的” （三）介词“在”和“给” 四、语音 五、练习	- Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 98 - 109 [2]: Trang 78 – 79, 64, 82 [3]: Trang 24, 66 tài liệu + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 104-109	CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
--	---	--

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 2

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Trung 2
- Mã học phần:** TTRUNG 005
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 2
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung 1
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ điểm giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.

- Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết tương liên quan đến các chủ điểm giao tiếp trong học phần.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo. - Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
--------------	-------	----------------	---------------------------------

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.	1	[2.1.2]
CĐR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ vựng trong học phần.		
CĐR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ.		
CĐR1.4	Nêu được cấu tạo, cách sử dụng cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, cấu trúc “又...又...”.		
CĐR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động.		
CĐR1.6	Xác định được ý nghĩa, đặc điểm, cách cấu tạo của động từ lặp lại.		
CĐR1.7	Trình bày được cách nói giá tiền - số tự nhiên.		
CĐR1.8	Phân biệt được cách dùng “在、正、正在”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Biết viết đúng và nhớ mặt chữ, nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần.		
CĐR2.3	Áp dụng các hiện tượng ngữ pháp để diễn đạt ý muốn nói, đặt câu, viết đoạn, dịch bài đọc hiểu có liên quan đến kiến thức của học phần đúng và chính xác.		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR2.4	Nghe hiểu nội dung về các chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.		
CĐR2.5	Hội thoại, độc thoại được về chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.		
CĐR2.6	Đọc hiểu được các đoạn văn 80-150 từ về các chủ đề giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.		
CĐR2.7	Sử dụng từ mới và cấu trúc ngữ pháp trong học phần viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50-80 từ về các chủ đề: miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo;		
CĐR2.8	Trả lời phỏng vấn các thông tin cá nhân, học tập, hoạt động hàng ngày, mua đồ.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CĐR1								CĐR2								CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	第十三课: 这是不是中药 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	第十四课: 你的车是新的还是旧的? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x		x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第十五课: 你们公司有多少职员	x	x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
4	第十六课: 你常去图书馆吗? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	第十七课: 他在做什么呢 一、课文 二、生词	x	x			x			x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1							CDR2								CDR3				
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
6	第十八课: 我去 邮局寄包裹 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x			x				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
7	第十九课: 可以 试试吗? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音	x	x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	六、练习																				

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1] - Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] - Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

[3] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình HSK 1 (sách bài tập)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] - Khương Lê Bình (2020), *Giáo trình HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] - Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình HSK 2 (sách bài tập)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	第十三课: 这是不是中药? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi dùng chính phủ, cụm từ chữ “的”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: ghép tranh, ghép câu, chọn từ điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng, sắp xếp từ thành câu và bài tập đọc hiểu. - Trình bày được tên một số đồ vật dùng hàng ngày.	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的” + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc - Sinh viên:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 这个黑箱子很重 (二) 这是不是中药 二、生词 三、注释 这是一些药 四、语法 (一) 形容词谓语句 (二) 怎么问 (3): 正反问句 (三) “的” 字词组 五、语音 (一) 词重音 (3) (二) 语调 (3) 六、练习		+ Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 13 trang 110-122 [3]: Bài 4, mục 2 trang 36 [3]: Bài 6, mục 2 trang 54 [5]: Bài 3, trang 32-34 + Luyện nghe: [1]: Bài 13 trang 110-113 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về đồ vật dùng hàng ngày + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 13, trang 119-121 + Làm bài tập cá nhân trong [3]: Bài 4 trang 23-28, Bài 6 trang 39-44	
2	第十四课: 你的车是新的还是旧的? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是” - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	- Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: ghép tranh, ghép câu, chọn từ điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng, sắp xếp từ thành câu và bài tập đọc hiểu. - Trình bày giới thiệu được đồ vật mình yêu thích. Nội dung cụ thể: 一、课文 （一）您身体好吗 （二）你的车是新的还是旧的 二、生词 三、注释 （一）有一点儿忙 （二）啊，在那儿呢 四、语法 （一）主语谓语句（1） （二）怎么问（4）：选择问句: ...还是...? （三）怎么问（5）：省略问句: “.....呢？” 五、语音 （一）选择问句的语调 （二）省略问句的语调 六、练习		âm + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 14 trang 124-135 [3]: Bài 4, mục 3 trang 36 [3]: Bài 12, mục 3 trang 103, mục 4 trang 104 + Luyện nghe: [1]: Bài 14 trang 124-127 [3]: Bài 4, mục 2, 3 trang 35 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về màu sắc, kích thước của đồ vật + Viết đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật yêu thích của mình + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 14, trang 133-135 + Làm bài tập cá nhân trong	CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			[4]: Bài 4 trang 23-28	
3	第十五课: 你们公司有多少职员 Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: câu chữ “有”, cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少” - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: ghép tranh, ghép câu, chọn từ điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng, sắp xếp từ thành câu và bài tập đọc hiểu. - Trình bày giới thiệu được về gia đình mình Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 你家有几口人 (二) 你们公司有多少职员 二、生词 三、注释	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: câu chữ “有”, từ hỏi số lượng, cách nói số tự nhiên + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 15 trang 137-150 [3]: Bài 10 trang 84-86 + Luyện nghe: [1]: Bài 15 trang 137-140	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	(一) 我只有两个弟弟 (二) 一百多个 (三) 不都是外国职员 四、语法 (一) “有” 字句 (二) 称数法 (三) 询问数量 “几” 和 “多少” (四) 数量词组 “数+量+名” 五、语音 六、练习		+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về gia đình + Viết đoạn văn ngắn miêu tả gia đình của mình. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 15, trang 147-150. + Làm bài tập cá nhân trong [4]: Bài 10 trang 71-76	
4	第十六课: 你常去图书馆吗 Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: Trạng ngữ chỉ thời gian, liên từ “或者” và “还是”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc - Biết cách làm bài tập dạng: chọn từ điền vào chỗ trống, sắp xếp từ thành câu và bài tập	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: Trạng ngữ chỉ thời gian, liên từ “或者” và “还是”	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	đọc hiểu. - Liệt kê được các hoạt động ở thư viện - Trình bày giới thiệu được về hoạt động hàng ngày của bản thân Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 你常去图书馆吗? (二) 晚上你常做什么? 二、生词 三、注释 (一) 你跟我一起去, 好吗? (二) 咱们走吧。(三) 吧 四、语法 (一) 时间词语作状语 (二) “还是”和“或者” 五、语音: 句重音 六、练习		+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Bài 16 trang 1-7 + Luyện nghe: [2]: Bài 16 trang 1-4 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về hoạt động ở thư viện. + Viết đoạn văn ngắn miêu tả hoạt động trong ngày. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 16, trang 9-13.	
5	第十七课: 他在做什么呢 Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: câu có 2 tân ngữ, cách	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	biểu đạt sự tiến hành của động tác - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: ghép tranh, ghép câu, chọn từ điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng, sắp xếp từ thành câu và bài tập đọc hiểu. - Diễn đạt được hoạt động đang xảy ra Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 他在做什么呢 (二) 谁教你们语 二、生词 三、注释 (一) 怎么去呢 (二) 行 四、语法 (一) 动作的进行 (二) 双宾语句 (三) 询问动作行为的方式: 怎么+动词 五、语音 六、练习		mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, câu vị ngữ hai tân ngữ + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Bài 17 trang 14-20 [3]: Bài 13 trang 110-112 + Luyện nghe: [2]: Bài 17 trang 14-16 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về hoạt động đang xảy ra + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 17, trang 23-26.	CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
			+ Làm bài tập cá nhân trong [4]: Bài 13 trang 96-101	
6	第十八课: 我去邮局寄包裹 Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: câu liên động - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc - Biết cách làm bài tập dạng: chọn từ điền vào chỗ trống, sắp xếp từ thành câu và bài tập đọc hiểu. - Diễn đạt được hoạt động ở bưu điện Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 我去邮局寄包裹 (二) 外贸代表团明天去上海参观 二、生词 三、注释 (一) 顺便替我买几张邮票吧 (二) 没问题	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của hiện tượng ngữ pháp trong bài: câu liên động + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Bài 18 trang 28-38 [3]: Bài 7, mục 3 trang 61,62 + Luyện nghe: [2]: Bài 18 trang 28-31 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung,	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	四、语法：连动句 五、语音：逻辑重音 六、练习		ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về hoạt động ở bưu điện + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 18, trang 35-38.	
7	第十九课: 可以试试吗? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: động từ lặp lại, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: ghép tranh, ghép câu, chọn từ điền vào chỗ trống, chọn đáp án đúng, sắp xếp từ thành câu và bài tập đọc hiểu. - Trình bày giới thiệu được về	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: động từ lặp lại, động từ lặp lại, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	việc mua quần áo Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 可以试试吗? (二) 便宜一点儿吧 二、生词 三、注释 (一) 人民币的单位 (二) 太少了 四、语法 (一) 动词重叠 (二) 又.....又..... (三) “一点儿”和“有一点儿” 五、语音 (一) 词重音 (二) 语调 六、练习		hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Bài 19 trang 40-52 [3]: Bài 8, mục 4 trang 69,71 [5]: Bài 5 trang 48-50 [5]: Bài 8 trang 72,73,75 + Luyện nghe: [2]: Bài 19 trang 40-43 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về mua quần áo + Viết đoạn văn ngắn miêu tả quần áo mà mình mua được + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [2]: Bài 19, trang 49-52. + Làm bài tập cá nhân trong [6]: Bài 5 trang 47-53, Bài 8 trang 76-82.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 3

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 3

2. Mã học phần: TTRUNG 006

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Tiếng Trung 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bỏ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống, ...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản - Từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong cuộc sống, giao tiếp, công việc hàng ngày.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được trong các tình huống thông thường của cuộc sống, công việc hàng ngày.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: chúc mừng sinh nhật, kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian...	1	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm, cách viết của từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp.		
CDR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ.		
CDR1.4	Trình bày được cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.5	Nêu được định nghĩa, cách dùng của các động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”		
CĐR1.6	Nêu được định nghĩa, cấu trúc ngữ pháp, đặc điểm của bộ ngữ trạng thái.		
CĐR1.7	Trình bày được cách dùng ngữ điệu nghi vấn trong câu hỏi, cách hỏi với “多”		
CĐR1.8	Phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Biết viết đúng và nhớ mặt chữ, nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần.		
CĐR2.3	Áp dụng các hiện tượng ngữ pháp để diễn đạt ý muốn nói, đặt câu, viết đoạn, dịch bài đọc hiểu có liên quan đến kiến thức của học phần đúng và chính xác.		
CĐR2.4	Nghe hiểu nội dung về các chủ đề giao tiếp trong học phần: chúc mừng sinh nhật, kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian...		
CĐR2.5	Hội thoại, độc thoại được về chủ đề giao tiếp trong học phần: chúc mừng sinh nhật, kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian...		
CĐR2.6	Đọc hiểu được các đoạn văn 80-150 từ về các chủ đề giao tiếp trong học phần: chúc mừng sinh nhật, kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt phương hướng, thời gian...		
CĐR2.7	Sử dụng từ mới và cấu trúc ngữ pháp trong học phần viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50-80 từ về các chủ đề: chúc mừng sinh nhật, kể về các hoạt động hàng ngày, sở thích, cách biểu đạt		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	phương hướng, thời gian...		
CĐR2.8	Trả lời phỏng vấn các thông tin cá nhân, học tập, hoạt động hàng ngày, sở thích.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CD R 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	第二十课: 祝你生日快乐 Bài 20: Chúc bạn sinh nhật vui vẻ 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	第二十一课: 我们明天七点一刻出发 Bài 21: Bảy giờ sáng ngày mai chúng ta xuất phát 一、课文	x	x		x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CĐR1								CĐR2								CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐ R 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
3	第二十二课：我打算请老师教我京剧 Bài 22: Tôi chuẩn bị mời giáo viên dạy tôi kinh kịch 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	第二十三课：学校里边有邮局吗？	x	x		x			x	x									x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CĐR1								CĐR2								CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐ R 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	Bài 23: Trong trường có bưu điện không? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习																				
5	第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học thái cực quyền 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音	x	x		x	x				x	x	x					x	x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CD R 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	六、练习																				
6	第二十五课：她 学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x			x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	第二十六课：田 芳去哪儿了 Bài 26: Điền Phương đi đâu rồi? 一、课文 二、生词 三、注释	x	x						x									x	x	x	x

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																					
		CĐR1								CĐR2								CĐR3					
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐ R 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4		
	四、语法 五、语音 六、练习																						

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút, ...

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1] Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

[2] Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình HSK 1 (sách bài tập)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Khương Lê Bình (2020), *Giáo trình HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình HSK 2 (sách bài tập)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	第二十课: 祝你生日快乐 Bài 20: Chúc bạn sinh nhật vui vẻ Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: câu vị ngữ danh từ, cách biểu đạt thời gian (ngày, tháng, năm), cách sử dụng ngữ điệu nghi vấn trong câu hỏi. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: câu vị ngữ danh từ, cách biểu đạt thời gian (ngày, tháng, năm), cách sử dụng ngữ điệu nghi vấn trong câu hỏi. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	dạng: thay thế, điền từ vào chỗ trống, đọc ngày tháng năm, dùng ngữ khí đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi cho bài đọc hiểu - Hội thoại, đọc thoại về chủ đề sinh nhật. Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 你哪一年大学毕业 (二) 祝你生日快乐 二、生词 三、注释 (一) 属狗 (二) 是吗? (三) 就在我的房间 四、语法 (一) 名词谓语句 (二) 年、月、日 (三) 怎么问: 疑问语调 五、语音: 语调 六、练习		[1]: Bài 20 trang 54-66 [2]: Bài 7 trang 60-62 + Luyện nghe: [1]: Bài 20 trang 54-57, 60-61 [3]: Bài 7 trang 47-49 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về ngày tháng năm + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 20, trang 61-65 + Làm bài tập cá nhân trong [3]: Bài 7 trang 50-53	
2	第二十一课: 我们明天七点一刻出发 Bài 21: Bảy giờ sáng ngày mai chúng ta xuất phát Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm + Trình chiếu, thuyết trình làm	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	giao tiếp: cách biểu đạt thời gian (giờ, phút), vị trí của trạng ngữ chỉ thời gian. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: thay thế, điền từ vào chỗ trống, đọc giờ theo tranh, hoàn thành hội thoại, trả lời câu hỏi cho bài đọc hiểu. - Trình bày được bài nói về một ngày của mình. Nội dung cụ thể: 一、课文 （一）我的一天 （二）明天早上七点一刻出发 二、生词 三、注释 （一）我去朋友那儿聊天儿 （二）同学们 四、语法：时间的表达 五、语音： （一）词重音 （二）句重音 六、练习		rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: cách biểu đạt thời gian (giờ, phút), vị trí của trạng ngữ chỉ thời gian. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 21, trang 68-81 [2]: Bài 11, trang 94-97 + Luyện nghe: [1]: Bài 21, trang 68-71, 74-75 [3]: Bài 11, trang 79-81 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về giờ phút. + Viết đoạn văn ngắn miêu tả một ngày của mình. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 14, trang 68-81 + Làm bài tập cá nhân trong [3]: Bài 1 trang 82-84	CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
3	第二十二课：我打算请老师教我京剧 Bài 22: Tôi dự định mời giáo viên dạy tôi kinh kịch Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: câu kiêm ngữ, phân biệt cách dùng của “以前” và “以后” - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: thay thế, điền từ vào chỗ trống, hoàn thành hội thoại, trả lời câu hỏi cho bài đọc hiểu. - Trình bày được bài nói về sở thích của bản thân. Nội dung cụ thể:	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: câu kiêm ngữ, phân biệt cách dùng của “以前” và “以后” + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 22 trang 82-94 [4]: Bài 8, mục 3, trang 74 + Luyện nghe: [1]: Bài 22 trang 82-85, 88-89 [5]: Bài 8, trang 76-78 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung,	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	一、课文 二、生词 三、注释 （一）你喜欢看京剧吗？ （二）“以前”和“以后” （三）我来中国以前就对书法感兴趣 四、语法：兼语句 五、语音：兼语句的句重音 六、练习		ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về sở thích cá nhân. + Viết đoạn văn ngắn về chủ đề sở thích. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 22, trang 89-94. + Làm bài tập cá nhân trong [5]: Bài 8 trang 79-82	
4	第二十三课：学校里边有邮局吗？ Bài 23: Trong trường có bưu điện không? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: phương vị từ, cách biểu đạt sự tồn tại với “在”，“有” và “是”，cách hỏi với “多”，sự khác nhau và cách dùng của các giới từ “离”，“从” và “往”. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học. + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: phương vị từ, cách biểu đạt sự tồn tại với “在”，“有” và “是”，cách hỏi với “多”，sự khác nhau và cách dùng của các giới từ “离”，“从” và “往”. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.7, CĐR1.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: thay thế, điền từ vào chỗ trống, sửa câu sai, hoàn thành hội thoại, nhìn tranh và nói, trả lời câu hỏi cho bài đọc hiểu. - Hội thoại theo cặp về cách hỏi và chỉ đường. Nội dung cụ thể: 一、课文 （一）学校里边有邮局吗 （二）从这儿道博物馆有多远 二、生词 三、注释 （一）离这儿有多远？ （二）有七八百米 （三）多……？ 四、语法： （一）方位词 （二）存在的表达 （三）介词“离”、“从”、“往” 五、语音 六、练习		+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 23 trang 96-112 [4]: Bài 2 mục 3 trang 26, bài 7 mục 3 trang 66, bài 9 mục 2 trang 83, bài 13 mục 3 trang 115. + Luyện nghe: [2]: Bài 23 trang 96-99, 105-106. [5]: Bài 2 trang 17-19, bài 7 trang 67-69, bài 9 trang 85-87, bài 13 trang 121-123. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về chủ đề hỏi đường. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 23, trang 106-112.	
5	第二十四课：我想学太极拳 Bài 24: Tôi muốn học thái	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	cực quyền Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: động từ năng nguyện, cách hỏi nguyên nhân với “怎么” - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: thay thế, điền từ vào chỗ trống, hoàn thành hội thoại, trả lời câu hỏi cho bài đọc hiểu. Nội dung cụ thể: 一、课文 （一）我想学太极拳 （二）您能不能再说一遍 二、生词 三、注释 （一）您能不能再说一遍？ （二）从几点到几点上		- Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: động từ năng nguyện, cách hỏi nguyên nhân với “怎么” + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 24 trang 114-127 [2]: Bài 6 mục 1, 3 trang 54; bài 8 mục 1 trang 70 [4]: Bài 1 mục 1 trang 18 + Luyện nghe: [1]: Bài 24 trang 114-117 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả	CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	课? 四、语法: (一) 能源动词 (二) 询问原因 五、语音 六、练习		+ Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 24, trang 123-127.	
6	第二十五课: 她学得很好 Bài 25: Cô ấy học rất giỏi Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: bổ ngữ trạng thái. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: thay thế, điền từ vào chỗ trống, sắp xếp từ thành câu, nhìn tranh nói, hoàn thành hội thoại, sửa câu sai, trả lời câu hỏi cho bài đọc hiểu. - Trình bày được bài nói về một ngày của mình sử	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của hiện tượng ngữ pháp trong bài: bổ ngữ trạng thái. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Bài 25 trang 129-142 [4]: Bài 13, mục 1, trang 106-107 + Luyện nghe: [1]: Bài 25 trang 129-133	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	dụng bổ ngữ trạng thái. Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 她学得很好 (二) 她每天都起得很早 二、生词 三、注释 (一) 哪里 (二) 你看她太极拳打得怎么样? (三) 打得还可以 四、语法: 状态补语 五、语音 六、练习		[5]: Bài 13, trang 121-123 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Đóng vai, thực hành hội thoại hỏi đáp về một ngày của mình sử dụng bổ ngữ trạng thái. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong: [1]: Bài 25, trang 136-142 [5]: Bài 13, trang 124-127	
	第二十六课: 田芳去哪儿了 Bài 26: Điền Phương đi đâu rồi? Mục tiêu: - Viết đúng các chữ Hán trong phần từ mới. - Phát âm đúng và đặt được câu với các từ vựng trong bài - Trình bày đặc điểm, cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp: trợ từ ngữ khí “了”, phân biệt sự khác nhau giữa “再” và “又” - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa - Áp dụng từ vựng cấu trúc ngữ pháp trong bài làm	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Đàm thoại kết hợp thuyết trình dẫn dắt vào nội dung bài học + Trình chiếu, thuyết trình giới thiệu nội dung bài đọc, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên đặt câu với từ mới trọng điểm. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh luyện phát âm. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp trong bài: trợ từ ngữ khí “了”, phân biệt sự khác nhau giữa “再” và “又” + Giao bài tập cho cá nhân, các	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.8, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	được bài tập về từ vựng và ngữ pháp - Luyện nghe phát âm từ mới, bài đọc và biết cách làm bài tập nghe. - Biết cách làm bài tập dạng: thay thế, điền từ vào chỗ trống, hoàn thành hội thoại, sửa câu sai, chọn đáp án đúng, thuật lại nội dung bài đọc hiểu. Nội dung cụ thể: 一、课文 (一) 田芳去哪儿了 (二) 他又来电话了 二、生词 三、注释 (一) 你给我打电话了吧? (二) 你不是要上托福班吗? (三) 是不是 四、语法: (一) 语气助词“了” (1) (二) “再”和“又” 五、练习		nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập nhằm thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Bài 26 trang 144-158 [2]: Bài 5, mục 3 trang 44 + Luyện nghe: [1]: Bài 26 trang 144-148 [3]: Bài 5 trang 31-33 + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Luyện phát âm từ mới + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, theo nhóm trong [1]: Bài 26, trang 152-158 + Làm bài tập cá nhân trong [3]: Bài 5 trang 34-36	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 4

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 4

2. Mã học phần: TTRUNG 007

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ: Năm thứ 3 (kỳ I)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 3

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan0708@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn, hơn nhất, so sánh bằng, so sánh giống nhau, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra. Bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	Trình bày được những kiến thức sau: - Từ vựng liên quan đến các chủ đề: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... - Cấu trúc ngữ pháp: Câu có trợ từ động thái, bỏ ngữ kết quả, bỏ ngữ thời lượng, câu so sánh hơn, hơn nhất so sánh bằng, so sánh giống nhau, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Nghe, đọc hiểu được các đoạn hội thoại, độc thoại, diễn đạt được về các chủ điểm: Học tập, thi cử, sở thích, thời tiết có sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp đã được học. Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về các chủ điểm nói trên	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng liên quan đến các chủ đề: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...	1	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày cách sử dụng và cấu trúc câu có trợ từ động thái “了” và câu bỏ ngữ kết quả, bỏ ngữ thời lượng.		
CDR1.3	Nêu cách sử dụng và cấu trúc câu so sánh hai đối tượng hoặc ba đối tượng trở lên		
CDR1.4	Trình bày được cách dùng và cấu trúc câu diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Nhớ được mặt chữ Hán và nghĩa các từ vựng trong học	3	[2.2.6]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	phần.		
CĐR2.2	Phát âm và sử dụng được các từ vựng trong học phần		
CĐR2.3	Sử dụng được các hiện tượng ngữ pháp để đặt câu, viết câu liên quan đến các chủ đề: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...	3	[2.2.6]
CĐR2.4	Đọc hiểu được các đoạn văn 250 – 350 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.5	Nghe hiểu các đoạn hội thoại và đọc thoại về các chủ điểm trong học phần.		
CĐR2.6	Viết các đoạn văn ngắn giới thiệu về việc học tập, thi cử, sở thích, thời tiết có sử dụng cấu trúc ngữ pháp đã được học.		
CĐR2.7	Giao tiếp cơ bản được về các chủ đề nói trên		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.		
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1				CDR2							CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第二十七课：玛丽哭了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	第二十八课：我吃了早饭就来了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第二十九课：我都做对了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	第三十课：我来了两个多月	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1				CDR2							CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法： 五、练习														
5	第一课：我比你更喜欢音乐 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1				CDR2							CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
7	第三课：冬天要到了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, thực hành hội thoại theo cặp theo nhóm trên lớp, kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập cá nhân, thực hành hội thoại trên lớp, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, Bài tập thực hành hội thoại theo cặp, theo nhóm trên lớp, bài kiểm tra thường xuyên.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2.	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3.	Thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Điểm thường xuyên: Vấn đáp, hội thoại, nhiệm vụ giao về nhà
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài, thời gian: 90 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài, thời gian: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút, ...

13 - Tài liệu học tập:

* Tài liệu bắt buộc:

[1] - Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 3, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo:**

[3] - Khương Lê Bình (2020) *Giáo trình HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lê Bình (2019) *Giáo trình HSK 3*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	第二十七课: 玛丽哭了 Bài 27: Mary khóc rồi Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài khóa - Sử dụng cấu trúc “怎么了”, “别……了” để đặt câu. - Trình bày cách sử dụng trợ từ động thái “了”, cấu trúc “因为……所以” - Hội thoại về chủ đề bệnh viện, khám bệnh, sử dụng trợ từ động thái “了” - Giới thiệu được về bản thân và gia đình. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 “怎么了”, “别……了” “因为……所以” 五、练习	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 160- 168 [4]: Trang 114-115, 117 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 169-176 tài liệu [1]	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3
2	第二十八课: 我吃了早饭就来了 Bài 28: Tôi ăn sáng xong thì đến Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5,

	vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo phó từ “就” và “才” - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：“就”和“才” 五、练习		+ Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 177- 184 [3] Trang 79-85 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 185-191 tài liệu [1]	CDR2.6, CDR2.7, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3
3	第二十九课：我都做对了(继) Bài 29: Tôi đã làm đúng Mục tiêu: - Viết các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và cấu trúc câu bổ ngữ kết quả - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 192- 200 [4]: Trang 71-74 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR2.7, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3

			+ Làm bài tập trang 201-207 tài liệu [1]	
4	第三十课：我来了两个多月了 Bài 30: Tôi đã đến hơn hai tháng rồi Mục tiêu: - Liệt kê từ vựng liên quan đến việc học tập trong bài. - Đọc và viết đúng từ vựng - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và cấu trúc câu bổ ngữ thời lượng - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập - Giới thiệu được về việc học tập của bản thân. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：时量补语 五、练习	6 (4LT, 0TH, 02 KT)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 208- 216 [3]: Trang 95-97 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Luyện nói về việc học tập của bản thân + Làm bài tập trang 217-223 tài liệu [1] + Làm bài kiểm tra	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3
5	第一课：我比你更喜欢音乐 Bài 1: Tôi thích âm nhạc hơn bạn Mục tiêu: - Đọc đúng và viết các từ vựng liên trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và cấu trúc đơn giản so sánh hơn - Vận dụng kiến thức ngữ	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân,	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR3.1, CĐR3.2,

	pháp trên làm các bài tập, - Giới thiệu sở thích của bản thân, người thân và bạn bè (có sử dụng câu so sánh hơn) Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法： 比较句 “比、最、有” 五、练习		hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 1- 13 [3]: Trang 98-100, 107 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [2] + Luyện nói về việc học tập của bản thân + Làm bài tập trang 14-21 tài liệu [2]	CĐR3.3
6	第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷 Bài 2: Mùa đông chỗ chúng tôi lạnh như Bắc Kinh Mục tiêu: - Đọc đúng và viết các từ vựng liên trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và cấu trúc đơn giản so sánh bằng, giống nhau giữa hai đối tượng - Vận dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học để làm bài tập - Hội thoại về thời tiết (có sử dụng cấu trúc so sánh) Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法： 比较句 跟 一样/不一样 五、练习	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 22- 30 [3]: Trang 127-129 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [2] + Luyện nói về việc học tập của bản thân + Làm bài tập trang 31-37 tài liệu [2]	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3

7	第三课：冬天要到了 Bài 3: Mùa đông đến rồi Mục tiêu: - Đọc đúng và viết các từ vựng liên trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và cấu trúc đơn giản so sánh hơn - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập, - Hội thoại giới thiệu về cảnh đẹp nơi mình sống (có sử dụng câu so sánh, sự tiến hành của động tác) Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 38- 48 [3]: Trang 130,131 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [2] + Luyện nói về thời tiết của Việt Nam và Trung Quốc + Làm bài tập trang 49-53 tài liệu [2]	CĐR1.1, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3
---	--	--	--

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


 Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


 Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 5

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 5

2. Mã học phần: TTRUNG 008

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ: Năm thứ 3 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 4

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	Nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan0708@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.....Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ động lượng, trợ từ động thái, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ xu hướng kép, ... Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu của học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trình bày được những kiến thức sau: - Từ vựng liên quan đến các chủ đề: Đi		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... - Cấu trúc ngữ pháp: bỏ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, bỏ ngữ xu hướng đơn, trợ từ động thái “了”、“过”、“着”, câu bị động, bỏ ngữ xu hướng kép...	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe, đọc hiểu được các đoạn hội thoại, độc thoại, diễn đạt được về các chủ điểm: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....có sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp đã được học. Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về các chủ điểm nói trên	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng liên quan đến các chủ đề: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....	1	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày cách sử dụng và cấu trúc câu bỏ ngữ xu hướng đơn và bỏ ngữ xu hướng kép, bỏ ngữ động lượng	2	
CDR1.3	Nêu cách dùng của trợ từ động thái “了”、“过”、“着”, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “是... 的”, “一... 就” và tính từ lặp lại		
CDR1.4	Trình bày cách sử dụng và cấu trúc câu vị ngữ chủ vị,		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	câu bị động		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Nhớ được mặt chữ Hán và nghĩa các từ vựng trong học phần.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Phát âm và sử dụng được các từ vựng trong học phần		
CĐR2.3	Sử dụng được các hiện tượng ngữ pháp để đặt câu, viết câu liên quan đến các chủ đề: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... Giao tiếp cơ bản được về các chủ đề nói trên		
CĐR2.4	Đọc hiểu được các đoạn văn khoảng 350- 400 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong học phần		
CĐR2.5	Nghe hiểu các đoạn hội thoại và đọc thoại về các chủ điểm trong học phần.		
CĐR2.6	Viết các đoạn văn ngắn giới thiệu về việc học tập, thi cử, sở thích, thời tiết có sử dụng cấu trúc ngữ pháp đã được học.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.		
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần												
		CDR1				CDR2						CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第四课：快上来吧，要开车了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	第五课： 我听过钢琴节奏曲《黄河》 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第六课：我是跟旅游团一起来的 一、课文	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần												
		CĐR1				CĐR2						CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	二、生词 三、注释 四、语法 五、练习													
4	第七课：我的护照你找到了没有 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	第八课：我的眼镜摔坏了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	第九课：要是忘拔下来了	x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần												
		CĐR1				CĐR2						CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习													
7	第十：会议厅的门开着呢 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, thực hành hội thoại theo cặp theo nhóm trên lớp, kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập cá nhân, thực hành hội thoại trên lớp, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, Bài tập thực hành hội thoại theo cặp, theo nhóm trên lớp, bài kiểm tra thường xuyên.

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2.	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3.	Thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Điểm thường xuyên: Vấn đáp, hội thoại, nhiệm vụ giao về nhà
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài, thời gian: 90 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài, thời gian: 90 phút)

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút, ...

13 Tài liệu học tập:

* Tài liệu bắt buộc:

[1] - Dương Ký Châu (2019), *Giáo trình Hán ngữ (tập 3, quyển thượng)*, NXB học Quốc gia Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo:

[2] - Khương Lệ Bình (2020) *Giáo trình HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] - Khương Lệ Bình (2019) *Giáo trình HSK 3*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

14 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	第四课：快上来吧，要开车了 Bài 4: Lên nhanh đi, xe sắp chạy rồi Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài khóa - Trình bày cách sử dụng câu bổ ngữ xu hướng đơn - Vận dụng kiến thức ngữ pháp hội thoại về chủ đề đi tham quan, tham gia các hoạt động ngoại khóa. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：趋向补语 动词+ 来/去 五、练习	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 54- 66 [3]: Trang 27-29 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 67-68 tài liệu [1]	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3
2	第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》 Bài 5: Tôi đã từng nghe bản hòa nhạc “Hoàng Hà” Mục tiêu: - Liệt kê được các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt được câu với các từ vựng trong bài	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6,

	- Trình bày sử dụng câu có trợ từ động thái “过”, bỏ ngữ động lượng và cách biểu đạt số thứ tự. - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm bài tập, hội thoại diễn tả về sự việc đã từng xảy ra trong quá khứ. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）动+ “过” （二）动量补语 （三）序数的表达 五、练习		dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 70-84 [3]: Trang 17-19, 20-23 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 85-86 tài liệu [1]	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3
3	第六课：我是跟旅游团一起来的 Bài 6: Tôi đã đến cùng với đoàn du lịch Mục tiêu: - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc “是 ... 的”, “一 ... 就” và tính từ lặp lại - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法: （一）是 的	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 88-101 [3]: Trang 117-119, + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]	CĐR1.1, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3

	(二) 一 就 (三) 形容词重叠 五、练习		+ Làm bài tập trang 102-103 tài liệu [1]	
4	第七课：我的护照你找到了没有 Bài 7: Anh đã tìm thấy hộ chiếu chưa? Mục tiêu: - Liệt kê từ vựng liên quan đến việc học tập trong bài. - Đọc và viết đúng từ vựng - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng cấu trúc câu vị ngữ chủ vị - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập - Hội thoại về chủ đề tìm đồ vật và lạc đường 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：主谓谓语句 Kiểm tra giữa học phần.	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 105-112 [2]: Trang 39-41, 42, 46 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 116-117 tài liệu [1] - Làm bài kiểm tra giữa học phần	CĐR1.1, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3
5	第八课：我的眼镜摔坏了 Bài 8: Mắt kính của tôi rơi hỏng rồi - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng cấu trúc câu bị động, lượng từ	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân,	CĐR1.1, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3

	lập lại. - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法： （一）被动句 （二）量词重叠 （三）一年比一年 五、练习		hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 119-128 [3]: Trang 184-190 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 129-130 tài liệu [1] - Làm bài kiểm tra giữa học phần	
6	第九课：钥匙忘拔下来了 Bài 9: Chìa khóa quên rút ra rồi - Liệt kê từ vựng liên quan đến việc học tập trong bài. - Đọc và viết đúng từ vựng - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng cấu trúc câu bổ ngữ xu hướng kép - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập - Hội thoại về chủ đề tìm đồ vật và lạc đường	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 133- 145 [3]: Trang 203-205, 126-130 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 146-147 tài liệu [1] - Làm bài kiểm tra giữa	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3

			học phần	
7	第十课：会议厅的门开着呢 Bài 10: Cửa phòng hội nghị đang mở Mục tiêu: - Đọc đúng và viết các từ vựng liên trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài - Trình bày cách dùng và cấu trúc câu dùng trợ từ động thái “着” - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập, - Giới thiệu sở thích của bản thân, người thân và bạn bè 一、课文 二、生词 三、语法： 动态助词 “着” 五、练习	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, vấn đáp, tổ chức học theo cặp, theo nhóm - Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên phát âm và viết từ vựng + Đưa ra câu hỏi liên quan đến nội dung bài khóa + Hướng dẫn cách dùng cấu trúc ngữ pháp + Giao bài tập cá nhân, hội thoại theo cặp, nhóm - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 149-158 [3]: Trang 36-39, 45-51 + Lắng nghe, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Đặt câu với cấu trúc + Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1] + Làm bài tập trang 158-159 tài liệu [1] - Làm bài kiểm tra giữa học phần	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 1

Số tín chỉ : 2

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 1

2. Mã học phần: TNHAT 001

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 1

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Không

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.
- Ngữ pháp: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.
- Từ vựng: Các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.
- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, quốc tịch, tuổi tác, cách nói sở hữu, giá cả, nguồn gốc hàng hóa, vị trí đồ vật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm. - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản để chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	- Đọc và viết hai bảng chữ Hiragana, Katakana theo đúng thứ tự các nét, phát âm đúng các âm ngắt, âm ghép, trường âm. - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ điểm: Chào hỏi, giới thiệu bản thân, vị trí, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức	1	[2.1.3]
CĐR1.1	Phân biệt được chữ Hiragana và Katakana.		
CĐR1.2	Nhận biết được các âm ghép, âm ngắt, trường âm.		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.3	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt các hoạt động giao tiếp đơn giản: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.		
CĐR1.4	Chuyển đổi được thẻ khẳng định, phủ định và nghi vấn của -desu.		
CĐR1.5	Phân biệt được cách sử dụng các trợ từ -wa, -mo, -no và các đại từ chỉ định.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc và viết đúng chữ Hiragana và Katakana.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Phát âm đúng âm ghép, âm ngắt, trường âm.		
CĐR2.3	Giới thiệu rõ ràng thông tin về bản thân và đối tượng giao tiếp.		
CĐR2.4	Nghe, nói, đọc, viết tìm hiểu các thông tin cá nhân như tên tuổi, nơi sinh, quê quán, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi làm việc.		
CĐR2.5	Nghe, nói, đọc, viết giới thiệu vị trí, địa điểm, nơi chốn, xuất xứ, giá cả của hàng hóa, đồ dùng.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CĐR1					CĐR2					CĐR3			
		CĐR1.1	CĐR1.2	CĐR1.3	CĐR1.4	CĐR1.5	CĐR2.1	CĐR2.2	CĐR2.3	CĐR2.4	CĐR2.5	CĐR3.1	CĐR3.2	CĐR3.3	CĐR3.4
1	I. ひらがな (Chữ Hiragana)	x	x				x	x				x	x	x	x
2	II. カタカナ (Chữ katakana)	x	x				x	x				x	x	x	x
3	III. 挨拶と数学 (Các câu chào và số đếm)	x	x	x			x	x				x	x	x	x
4	第 1 課：はじめまして (Rất vui được làm quen với chị)	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x
5	第 2 課：これからお世話になります (Từ nay rất mong được sự giúp đỡ của anh)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
6	第 3 課：これをください (Chị cho tôi chai này)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Nihongo no kakikata no hon (2017), *Tập viết tiếng Nhật thông dụng*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	I. ひらがな (Chữ Hiragana) Mục tiêu bài: - Trình bày bảng chữ Hiragana; - Nhận biết chữ Hiragana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm, cách viết các chữ. Nội dung cụ thể: 1. Bảng chữ Hiragana 2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, giảng giải, phát vấn - Giảng viên: + Giải thích các âm và hàng chữ Hiragana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Hướng dẫn sinh viên tập phát âm; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Hiragana tài liệu [1] phần 1.	CDR1.1; CDR1.2; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
2	II. カタカナ (Chữ katakana) Mục tiêu bài: - Trình bày bảng chữ Katakana; - Nhận biết các chữ Katakana, cách ghép âm, cách đọc âm ngắt, âm ghép, trường âm, cách viết các chữ. Nội dung cụ thể: 1. Bảng chữ Katakana	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình, giảng giải, phát vấn - Giảng viên: + Giải thích các âm và hàng chữ Katakana; + Giảng giải cách viết và thứ tự các nét; + Luyện phát âm; + Phân biệt các chữ Hiragana và Katakana có nét tương đồng; + Giao bài tập cho cá nhân,	CDR1.1; CDR1.2; CDR2.1; CDR2.2; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

	2. Âm ngắt, âm ghép, trường âm		các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Luyện đọc, viết, cách ghép âm, tập đánh vần từ vựng chữ Katakana tài liệu [1] phần 2.	
3	III. 挨拶と数学 (Chào hỏi và số đếm) Mục tiêu bài: - Trình bày câu chào, số đếm; - Hội thoại chào hỏi. Nội dung cụ thể: 1. 挨拶 2. 数学	2 (2 LT, 0 TH)	Thuyết trình, phát vấn, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giảng giải ý nghĩa, trường hợp sử dụng câu chào hỏi, cách thức chào hỏi của người Nhật; + Trình bày số đếm, cách ghép và đọc số đếm; + Giao bài tập luyện chào hỏi và đọc số cho sinh viên; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Đọc trước tài liệu [2] trang 5, tài liệu [3] trang 7; + Hội thoại chào hỏi; + Học thuộc các số đếm; + Luyện nghe, đọc, viết số.	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
4	第1課：はじめまして (Rất vui được làm quen với chị) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chỉ nghề nghiệp, tên quốc gia, quốc tịch; - Hiểu mẫu câu giới thiệu nghề nghiệp, quê quán, quốc tịch,	8 (6 LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Ôn tập củng cố nội dung	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR3.1;

	tuổi tác; - Nghe, nói, đọc, viết chào hỏi, giới thiệu bản thân. - Nội dung cụ thể: 1.1.語彙 1.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 1.3.活動 + 会話 + 練習 C 1.4.問題 + 聴解 + 復習 Kiểm tra giữa học phần		từ bài 1 tài liệu [2]; + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần. - Sinh viên + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 10 - 15 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 6 - 13 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 1 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại chào hỏi, làm quen; + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
5	第 2 課：これからお世話になります (Từ nay rất mong được sự giúp đỡ của anh) Mục tiêu bài: - Trình bày danh từ chỉ đồ vật; - Hiểu mẫu câu giới thiệu đồ vật dùng các đại từ chỉ định, cấu trúc câu hỏi xác nhận và câu hỏi lựa chọn, các nghi vấn từ và trợ từ biểu thị sự sở hữu; - Nghe, nói, đọc, viết giới thiệu đồ vật và cấu trúc câu biểu thị sự sở hữu. Nội dung cụ thể: 2.1.語彙	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; phát vấn; tổ chức học nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc sử dụng trong bài học; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng chỉ đồ vật, giải thích mẫu câu trang 16 - 21 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trang 14 - 21 tài liệu [2];	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

	2.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 2.3.活動 + 会話 + 練習 C 2.4.問題 + 聴解 + 復習		+ Làm bài tập bài học 2 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại hỏi thăm đồ vật và chủ sở hữu.	
6	第3課：これをください (Chỉ cho tôi chai này) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chỉ địa điểm, nơi chốn; - Hiểu mẫu câu sử dụng các đại từ chỉ vị trí, cấu trúc câu về xuất xứ, giá cả đồ vật; - Nghe, nói, đọc, viết về địa điểm, nơi chốn, xuất xứ, giá cả đồ vật, hàng hóa. Nội dung cụ thể: 3.1.語彙 3.2.文法・文型 + 練習 A + 練習 B 3.3.活動 + 会話 + 練習 C 3.4.問題 + 聴解	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, phát vấn, đặt vấn đề - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc sử dụng trong bài học; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 22 - 27 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 22 - 29 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 3 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại hỏi thăm giá cả, xuất xứ hàng hóa.	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

	+ 復習			
--	------	--	--	--

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 2

Số tín chỉ : 2

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 2

2. Mã học phần: TNHAT 002

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Nhật 1

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

- Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Đọc, viết khoảng 20 chữ Kanji đơn giản. - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ dùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản nói về ngày tháng, giờ giấc, nói về sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	- Đọc và viết khoảng 20 chữ Kanji. - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ điểm: ngày tháng, giờ giấc, các hoạt động thường ngày, sở thích, tính chất, đặc điểm của sự vật.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Đọc và viết đúng khoảng 20 chữ Kanji.		
CDR1.2	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt các hoạt động giao tiếp đơn giản: Hỏi ngày tháng, giờ giấc, các hoạt động thường ngày, sở thích, tính chất, đặc điểm của sự vật, cách đưa lời mời, nhận lời và từ chối.	2	[2.1.3]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.3	Phân biệt được cách sử dụng các trợ từ đi cùng với động từ.		
CĐR1.4	Chuyển đổi được động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho và cách sử dụng.		
CĐR1.5	Phân biệt được tính từ đuôi -i, tính từ đuôi -na và cách biến đổi tính từ.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc và viết đúng chữ khoảng 20 chữ Kanji.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Đọc và viết đúng ngày tháng, giờ giấc, các thứ trong tuần.		
CĐR2.3	Viết câu mô tả vị trí, tính chất, đặc điểm của con người và sự vật, sự việc.		
CĐR2.4	Nghe, đọc hiểu đoạn hội thoại về sở thích, biểu thị lời mời, cách thức nhận lời hoặc từ chối.		
CĐR2.5	Hội thoại về các hoạt động thường ngày, thăm hỏi thông tin, mua bán, mời chào, hẹn gặp.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CĐR1					CĐR2					CĐR3			
		CĐR1.1	CĐR1.2	CĐR1.3	CĐR1.4	CĐR1.5	CĐR2.1	CĐR2.2	CĐR2.3	CĐR2.4	CĐR2.5	CĐR3.1	CĐR3.2	CĐR3.3	CĐR3.4
1	第 4 課：そちらは何時までですか。 (Nhà hàng mình mở cửa đến mấy giờ vậy ạ?)	x	x	x	x	s		x			x	x	x	x	x
2	漢字: 第 1 ~ 2 課 (Chữ Hán: Bài 1 ~ Bài 2)	x					x					x	x	x	x
3	第 5 課:この電車は甲子園へ行きますか。 (Tàu này có đi Koshien không ạ?)	x	x	x	x		x	x			x	x	x	x	x
4	第 6 課:いっしょに行きませんか。 (Anh có đi cùng với tôi không?)	x	x	x	x		x	x			x	x	x	x	x
5	第 7 課: いっらしやいませ (Xin mời vào)	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	x	x
6	第 8 課: そろそろ しつれいします (Đã đến lúc tôi phải về)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự* (Bản tiếng Việt), Nhà xuất bản trẻ.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	第 4 課：そちらは何時までですか。 (Nhà hàng mình mở cửa đến mấy giờ vậy ạ?) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng về thời gian, các động từ chỉ hoạt động thường ngày; - Hiểu mẫu câu sử dụng hỏi và trả lời về giờ giấc, cách chia động từ ở thì quá khứ, hiện tại và tương lai, cách sử dụng trợ từ nói về thời điểm thực hiện hoạt động. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về giờ giấc và các hoạt động thường ngày. Nội dung cụ thể: 4.1.語彙 4.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 4.3.活動 + 会話 + 練習 C 4.4.問題	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 28 - 33 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 32 - 39 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 4 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR2.2; CDR2.5; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	+ 聴解 + 復習			
2	漢字: 第 1 ~ 2 課 (Chữ Hán: Bài 1 ~ Bài 2) Mục tiêu bài: - Trình bày qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji cơ bản thường gặp từ bài 1 đến bài 2; - Luyện kỹ năng đọc và viết chữ Kanji. Nội dung cụ thể: - 読み方 - 書き方 - 使い方	2 (2 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giảng giải qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji; + Phân biệt các nét viết tương đồng và khác biệt; + Hướng dẫn sinh viên đọc, viết các chữ Kanji, làm bài luyện tập; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước trang 5 - 25 tài liệu [1]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra;	CĐR1.1; CĐR2.1; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			+ Làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm trang 27 - 35 tài liệu [1]; + Luyện đọc và viết đúng thứ tự các nét.	
3	第 5 課:この電車は甲子園へ行きますか。 (Tàu này có đi Koshien không ạ?) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chỉ hoạt động đi, đến, trở về; các danh từ chỉ phương tiện đi lại, địa điểm; danh từ chỉ các thứ trong tuần, ngày trong tháng; - Phân biệt cách dùng trợ từ "de, ni, to", - Luyện nghe, nói, đọc, viết hỏi đường, phương tiện đi lại, đi cùng với ai, vào thời gian nào, cách nói ngày tháng; Nội dung cụ thể: 5.1.語彙 5.2.文法・文型 + 練習A	8 (6 LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình; phát vấn; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Ôn tập củng cố nội dung từ bài 4, bài 5 tài liệu [2], chữ Kanji bài 1, bài 2 tài liệu [1], + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 34 - 39 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân và bài tập nhóm trang 40 - 47 tài	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	+ 練習 B 5.3.活動 + 会話 + 練習 C 5.4.問題 + 聴解 + 復習 Kiểm tra giữa học phần		liệu [2]; + Làm bài tập bài học 5 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên; + Làm bài kiểm tra giữa học phần theo yêu cầu.	
4	第 6 課: いっしょに行きませんか。 (Anh có đi cùng với tôi không?) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chỉ hoạt động hàng ngày, các danh từ chỉ đồ ăn, đồ uống; - Hiểu mẫu câu chỉ lời mời, đề xuất ai đó làm việc gì; - Luyện nghe, nói, đọc, viết mời, rủ bạn bè đi ngắm hoa, xem phim. Nội dung cụ thể: 6.1 語彙 6.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 6.3.活動 + 会話 + 練習 C 6.4.問題	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 40 - 45 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân và theo nhóm phân công trang 48 - 55 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 6 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	+ 聴解 + 復習			
5	第 7 課: いっらしやいませ (Xin mời vào) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chỉ đồ ăn, đồ uống, các động từ chỉ hoạt động hàng ngày và động từ biểu thị tặng, cho, nhận; - Hiểu mẫu câu chỉ phương thức thực hiện hoạt động và các mẫu câu dùng với động từ chỉ tặng, cho, nhận. - Luyện nghe, nói, đọc, viết mời, rủ, đề nghị người nghe cùng đi ăn, đi uống; - Nội dung cụ thể: 7.1.語彙 7.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 7.3.活動 + 会話 + 練習 C 7.4.問題 + 聴解 + 復習	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 46 - 51 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 56 - 65 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 7 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.4; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4;
6	第 8 課: そろそろしつれいします (Đã đến lúc tôi phải về) Mục tiêu bài: - Trình bày tính từ đuôi -i và	4 (4 LT, 0 TH)	Thuyết trình; đàm thoại; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc;	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4;

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	tính từ đuôi -na; - Hiểu cách chia tính từ ở thì quá khứ, hiện tại và tương lai. - Luyện nghe, nói, đọc, viết hỏi thăm tình hình sức khỏe, công việc, cuộc sống ở Nhật. Nội dung cụ thể: 8.1.語彙 8.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 8.3.活動 + 会話 + 練習 C 8.4.問題 + 聴解 + 復習		+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 52 - 57 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 66 - 73 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 8 tài liệu [4]; + Thiết lập đoạn hội thoại hỏi thăm đồ vật và chủ sở hữu.	CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 3

Số tín chỉ : 2

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 3

2. Mã học phần: TNHAT 003

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Nhật 2

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng từ bài 3 đến bài 6.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Đọc, viết khoảng 80 chữ Kanji đơn giản thường dùng. - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Cấu trúc câu miêu tả, so sánh với tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, động từ -iru, -aru, lượng từ, các cách nói biểu thị lý do, các cách mời thể lịch sự, biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ ở các thể khẳng định, phủ định. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản về chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	- Đọc và viết khoảng 80 chữ Kanji - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	- Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức	2	[2.1.3]
CDR1.1	Đọc và viết đúng khoảng 80 chữ Kanji.		
CDR1.2	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt các hoạt động giao tiếp đơn giản về chủ đề gia đình, ẩm		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường.		
CDR1.3	Ghi nhớ cách sử dụng lượng từ để nói về số lượng		
CDR1.4	Chuyển đổi được động từ trong các cách nói biểu thị lý do, các cách mời thề lịch sự, cách sử dụng động từ -iru, -aru.		
CDR1.5	Nêu được cấu trúc câu miêu tả, so sánh với tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ ở các thể khẳng định, phủ định.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Đọc và viết đúng chữ khoảng 80 chữ Kanji.		
CDR2.2	Hội thoại được về chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh, hỏi đường.		
CDR2.3	Viết được câu sử dụng lượng từ để nói về số lượng của sự vật, hiện tượng.	3	[2.2.8]
CDR2.4	Nêu được nguyên nhân, lý do của sự việc, các câu mời lịch sự, cách sử dụng động từ -iru, -aru.		
CDR2.5	Miêu tả, so sánh được các đặc điểm của sự vật, hiện tượng ở thì hiện tại, quá khứ.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.		
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CDR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương/ bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1					CDR2					CDR3			
		CDR1.1	CDR1.2	CDR1.3	CDR1.4	CDR1.5	CDR2.1	CDR2.2	CDR2.3	CDR2.4	CDR2.5	CDR3.1	CDR3.2	CDR3.3	CDR3.4
1	第 9 課：残念ですが (Thật đáng tiếc)		X		X	X		X		X	X	X	X	X	X
2	第 10 課：ナンプラーありますか (Có nampla không ạ?)		X		X			X		X		X	X	X	X
3	漢字: 第 3 ~ 6 課 (Chữ Hán: Bài 3 ~ Bài 6)	X					X					X	X	X	X
4	第 11 課：これ、お願いします (Cái này, cho tôi gửi bằng đường biển)	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X
5	第 12 課：祇園祭はどうですか (Lễ hội Gion như thế nào?)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 60 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. Mina No Nihongo - *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự* (Bản tiếng Việt), Nhà xuất bản trẻ, 2019

[2]. Mina No Nihongo - *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ, 2019

[3]. Minna no nihongo - *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ, 2019

- Tài liệu tham khảo:

[4]. Mina No Nihongo - *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ, 2019

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	第 9 課：残念ですが (Thật đáng tiếc) Mục tiêu: - Trình bày từ vựng chỉ cảm xúc, mức độ, các trạng từ chỉ mức độ, số lượng, các danh từ chủ đề giải trí, sở thích: âm nhạc, thể thao, điện ảnh; - Hiểu mẫu câu biểu thị sở thích, mong muốn, yêu, ghét. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về cách đưa lời mời và cách từ chối, đưa lí do, biểu thị cảm xúc. Nội dung cụ thể: 9.1.語彙 9.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 9.3.活動 + 会話 + 練習 C 9.4.問題 + 聴解 + 復習	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 58 - 63 tài liệu [3]; + Lắng nghe, ghi chép + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 74 - 81 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 9 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR1.2 CĐR1.4 CĐR1.5 CĐR2.2 CĐR2.4 CĐR2.5 CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
,2	第 10 課：ナンプラーありますか (Có nampla không ạ?) Mục tiêu: - Trình bày các giới từ chỉ vị trí; - Hiểu và phân biệt được sự khác nhau mẫu câu biểu thị vị trí, sự tồn tại của người và sự vật dùng với động từ -iru và -aru. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng tại một địa điểm. Nội dung cụ thể: 10.1.語彙 10.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 10.3.活動 + 会話 + 練習 C 10.4.問題 + 聴解 + 復習	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; phát vấn, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 64 - 69 tài liệu [3]; + Lắng nghe, ghi chép + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 82 - 89 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 10 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên;	CĐR1.2 CĐR1.4 CĐR2.2 CĐR2.4 CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
3	漢字: 第 3 ~ 6 課 (Chữ Hán: Bài 3 ~ Bài 6) Mục tiêu: - Trình bày qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji cơ bản thường gặp từ bài 3 đến bài 6; - Luyện kỹ năng đọc, viết chữ Kanji Nội dung cụ thể: - 読み方 - 書き方 - 使い方	6 (4 LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giảng giải qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán-Việt, cách đọc các chữ Kanji; + Phân biệt các nét viết tương đồng; + Hướng dẫn sinh viên đọc, viết các chữ Kanji, làm bài luyện tập. + Ôn tập củng cố nội dung bài 9, bài 10 tài liệu [2], chữ Kanji bài 3 đến bài 6 tài liệu [1], soạn bài kiểm tra giữa học phần. - Sinh viên: + Đọc trước trang 26 - 35 tài liệu [1]; + Lắng nghe, ghi chép + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 51 - 62 tài liệu [1]; + Luyện đọc và viết đúng thứ tự các nét. + Làm bài kiểm tra giữa học phần	CĐR1.1 CĐR2.1 CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4.
4	第 11 課 : これ、お願いします (Cái này, cho tôi gửi bằng đường biển) Mục tiêu: - Trình bày lượng từ, danh từ chỉ đồ ăn, thực đơn; - Hiểu cách chia động từ -iru, -	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề;	CĐR1.1 CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR1.4 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR2.3 CĐR2.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	aru cùng các lượng từ biểu thị sự sở hữu. - Luyện nghe, nói, đọc, viết về chủ đề gửi đồ tại bưu điện, mô tả sự sở hữu sử dụng động từ - iru, -aru. Nội dung cụ thể: 11.1 語彙 11.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 11.3.活動 + 会話 + 練習 C 11.4.問題 + 聴解 + 復習		+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 70 - 75 tài liệu [3]; + Lắng nghe, ghi chép + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trang 90 - 97 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 11 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4
5	第 12 課：祇園祭はどうですか (Lễ hội Gion như thế nào?) Mục tiêu: - Trình bày tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, danh từ, tính từ chỉ thời tiết; - Hiểu cách chia tính từ ở thì quá khứ, hiện tại và tương lai, cách nói hơn nhất dùng với tính từ; - Luyện nghe, nói, đọc, viết về lễ hội Gi-ôn sử dụng cấu trúc tính từ đã học và các mẫu câu mô tả tính chất, trạng thái, cảm xúc	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 76 - 81 tài liệu [3]; + Lắng nghe, ghi chép + Làm bài tập cá nhân,	CĐR1.1 CĐR1.2 CĐR1.3 CĐR1.4 CĐR1.5 CĐR2.1 CĐR2.2 CĐR2.3 CĐR2.4 CĐR2.5 CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	- Nội dung cụ thể: 12.1.語彙 12.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 12.3.活動 + 会話 + 練習 C 12.4.問題 + 聴解 + 復習		theo nhóm trang 98 - 109 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 12 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 4

Số tín chỉ : 2

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên

Năm 2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 4

2. Mã học phần: TNHAT 004

3. Số tín chỉ: 2 (2, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Nhật 3

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Đọc, viết khoảng 100 chữ Kanji đơn giản thường dùng. - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp về chủ đề nghề nghiệp, khu phố, nhà ga, ngân hàng.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	- Đọc và viết được khoảng 100 chữ Kanji. - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Trình bày được khoảng 100 chữ Kanji.	2	[2.1.3]
CDR1.2	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt về chủ đề nghề nghiệp, khu phố, nhà ga, ngân hàng.		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.3	Phân loại được các nhóm động từ, chia được động từ thể -masu sang thể -te.		
CĐR1.4	Liệt kê được đặc điểm của sự vật, diễn đạt được trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.		
CĐR1.5	Sử dụng đúng cấu trúc câu mệnh lệnh, cấm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc và viết đúng khoảng 100 chữ Kanji.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Hội thoại được về chủ đề nghề nghiệp, khu phố, nhà ga, ngân hàng.		
CĐR2.3	Chia động từ thể -te thành thạo.		
CĐR2.4	Viết được câu liệt kê các đặc điểm của sự vật, diễn đạt được trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.		
CĐR2.5	Sử dụng thành thạo cấu trúc câu mệnh lệnh, cấm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1					CDR2					CDR3			
		CDR1.1	CDR1.2	CDR1.3	CDR1.4	CDR1.5	CDR2.1	CDR2.2	CDR2.3	CDR2.4	CDR2.5	CDR3.1	CDR3.2	CDR3.3	CDR3.4
1	第 13 課：別々をお願いします (Nhờ chị tính riêng ra cho ạ)		X			X		X			X	X	X	X	X
2	第 14 課：みどり町までお願いします (Cho tôi đến Midoricho)		X	X		X		X	X		X	X	X	X	X
3	漢字: 第 7 ~ 8 課 (Chữ Hán: Bài 7 ~ Bài 8)	X					X					X	X	X	X
4	第 15 課：ご家族は？ (Gia đình anh thế nào?)	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
5	第 16 課：使い方を教えてください (Làm ơn chỉ cho tôi cách dùng)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự* (Bản tiếng Việt), Nhà xuất bản trẻ.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	第 13 課：別々にお願いします (Nhờ chị tính riêng ra cho ạ) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chủ đề: trong khu phố; - Hiểu mẫu câu dùng động từ chỉ sự chuyển động, động từ thể -tai, cấu trúc -ga hoshi biểu thị mong muốn; - Luyện nghe, nói, đọc, viết sử dụng danh từ chỉ địa điểm, món ăn và mẫu câu biểu thị thể mong muốn. Nội dung cụ thể: 13.1.語彙 13.2.文法・文型 + 練習 A + 練習 B 13.3.活動 + 会話 + 練習 C 13.4.問題 + 聴解 + 復習	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 82 - 87 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép, giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 110 - 117 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 13 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CDR1.2; CDR1.5; CDR2.2; CDR2.5; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
2	第 14 課：みどり町までお願いし	6 (6 LT,	Thuyết trình; phát vấn, tổ chức học theo nhóm	CDR1.2; CDR1.3;

	ます (Cho tới đến Midoricho) Mục tiêu bài: - Trình bày các nhóm động từ và cách chia động từ theo nhóm, từ vựng chủ đề nhà ga; - Hiểu và chia đúng các nhóm động từ sang thể -te; - Luyện nghe, nói, đọc, viết sử dụng cấu trúc với động từ thể -te để đưa ra mệnh lệnh, chỉ dẫn. Nội dung cụ thể: 14.1.語彙 14.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 14.3.活動 + 会話 + 練習 C 14.4.問題 + 聴解 + 復習	0 TH)	- Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 88 - 93 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 118 - 128 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 14 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR1.5; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
3	漢字: 第 7 ~ 8 課 (Chữ Hán: Bài 7 ~ Bài 8) Mục tiêu bài: - Trình bày qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji cơ bản thường gặp từ bài 7 đến bài 8; - Luyện kỹ năng đọc, viết chữ Kanji. Nội dung cụ thể:	6 (4 LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giảng giải qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán-Việt, cách đọc các chữ Kanji; + Phân biệt các nét viết tương đồng; + Hướng dẫn sinh viên đọc, viết các chữ Kanji, làm bài	CĐR1.1; CĐR2.1; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

	- 読み方 - 書き方 - 使い方 Kiểm tra giữa học phần		luyện tập. + Ôn tập củng cố nội dung bài 13, bài 14 tài liệu [2], chữ Kanji bài 7, bài 8 tài liệu [1]; + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần. - Sinh viên: + Đọc trước trang 36 - 48 tài liệu [1]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 63 - 75 tài liệu [1]; + Luyện đọc và viết đúng thứ tự các nét. + Làm bài kiểm tra giữa học phần theo yêu cầu.	
4	第 15 課：ご家族は？ (Gia đình anh thế nào?) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chủ đề nghề nghiệp; - Hiểu cách sử dụng mẫu câu biểu thị sự xin phép, cảm đoán và mô tả được hoạt động đang xảy ra. - Luyện nghe, nói, đọc, viết thăm hỏi tình hình gia đình của đối tượng giao tiếp. Nội dung cụ thể: 15.1 語彙 15.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 15.3.活動 + 会話	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 94 - 99 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 126 - 133 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 15 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

	+ 練習 C 15.4.問題 + 聴解 + 復習			
5	第 16 課：使い方を 教えてください (Làm ơn chỉ cho tôi cách dùng) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chủ đề ngân hàng, cách nối câu với động từ, tính từ, danh từ; mẫu câu hỏi và trả lời về trình tự các hoạt động; - Hiểu cách nối câu, cách nói trình tự các hoạt động, sự kiện. - Luyện nghe, nói, đọc, viết cách nối câu, cách nói trình tự các hoạt động, sự kiện và đưa chỉ dẫn. - Nội dung cụ thể: 16.1.語彙 16.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 16.3.活動 + 会話 + 練習 C 16.4.問題 + 聴解 + 復習	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 100 - 105 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Làm bài tập cá nhân và bài tập theo nhóm trang 134 - 143 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 16 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR1.1; CĐR1.2; CĐR1.3; CĐR1.4; CĐR1.5; CĐR2.1; CĐR2.2; CĐR2.3; CĐR2.4; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.
TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CĐR

				học phần
1	第 13 課：別々にお願いします (Nhờ chị tính riêng ra cho ạ) Mục tiêu bài: - Trình bày từ vựng chủ đề: trong khu phố; - Hiểu mẫu câu dùng động từ chỉ sự chuyển động, động từ thể - tai, cấu trúc - ga hoshi biểu thị mong muốn; - Luyện nghe, nói, đọc, viết sử dụng danh từ chỉ địa điểm, món ăn và mẫu câu biểu thị thể mong muốn. Nội dung cụ thể: 13.1.語彙 13.2.文法・文型 + 練習 A + 練習 B 13.3.活動 + 会話 + 練習 C 13.4.問題 + 聴解 + 復習	6 (6 LT, 0 TH)	Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 82 - 87 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép, giải quyết vấn đề; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 110 - 117 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 13 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CĐR1.2; CĐR1.5; CĐR2.2; CĐR2.5; CĐR3.1; CĐR3.2; CĐR3.3; CĐR3.4.

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN



Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG NHẬT 5

Số tín chỉ : 3

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Khối ngành không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Khối ngành không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Nhật 5

2. Mã học phần: TNHAT 005

3. Số tín chỉ: 3 (3, 0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Nhật 4

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Đọc, viết khoảng 120 chữ Kanji thường dùng. - Các hiện tượng ngữ pháp cơ bản: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta. - Từ vựng, cấu trúc câu giao tiếp đơn giản về chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	- Đọc và viết được khoảng 120 chữ Kanji. - Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề về chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí, các hoạt động giải trí của bản thân, đối tượng giao tiếp.	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được khoảng 120 chữ Kanji.	2	[2.1.3]
CĐR1.2	Trình bày được từ vựng, cấu trúc diễn đạt về chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí.		
CĐR1.3	Phân biệt được cách sử dụng danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường.		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1.4	Liệt kê được đặc điểm của sự vật, diễn đạt được trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.		
CĐR1.5	Ghi nhớ cấu trúc của động từ ở thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc và viết đúng khoảng 120 chữ Kanji.		
CĐR2.2	Hội thoại được về chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí.		
CĐR2.3	Chuyển đổi thành thạo danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường.		
CĐR2.4	Viết được câu liệt kê các đặc điểm của sự vật, diễn đạt được trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.	3	[2.2.8]
CĐR2.5	Sử dụng thành thạo các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.		
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần													
		CDR1					CDR2					CDR3			
		CDR1.1	CDR1.2	CDR1.3	CDR1.4	CDR1.5	CDR2.1	CDR2.2	CDR2.3	CDR2.4	CDR2.5	CDR3.1	CDR3.2	CDR3.3	CDR3.4
1	第 17 課：どうしましたか (Ông bị làm sao?)		X		X	X		X		X	X	X	X	X	X
2	第 18 課：趣味は何ですか (Sở thích của anh là gì?)		X		X	X		X		X	X	X	X	X	X
3	漢字: 第 9 ~ 10 課 (Chữ Hán: Bài 9 ~ Bài 10)	X					X					X	X	X	X
4	第 19 課：ダイエットはあしたからします (Tôi sẽ bắt đầu chế độ giảm cân từ ngày mai vậy)	X	X		X	X	X	X		X	X	X	X	X	X
5	第 20 課：いっしょに行かない？ (Đi cùng với mình không?)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần; vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp
- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Từ điển, giáo trình, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự* (Bản tiếng Việt), Nhà xuất bản trẻ.

[2] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Nhật*, Nhà xuất bản trẻ.

[3] - Minna no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt*, Nhà xuất bản trẻ.

- Tài liệu tham khảo:

[4] - Mina no nihongo (2019), *Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm*, Nhà xuất bản trẻ.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	第 17 課：どう しましたか (Ông bị làm sao?) Mục tiêu bài: - Trình bày thể -nai của động từ, phân loại và chia động từ theo các nhóm động từ; - Hiểu mẫu câu sử dụng động từ thể -nai biểu thị mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc, không cần thiết thực hiện hành động; - Luyện nghe, nói, đọc, viết về tình hình sức khỏe và bệnh tật. Nội dung cụ thể: 17.1.語彙 17.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 17.3.活動 + 会話 + 練習 C 17.4.問題 + 聴解 + 復習	9 (9 LT, 0 TH)	Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 106 - 111 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 144 - 151 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 17 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CDR1.2; CDR1.4; CDR1.5; CDR2.2; CDR2.4; CDR2.5; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
2	第 18 課：趣味は 何ですか (Sở thích của anh là gì?) Mục tiêu bài:	9 (9 LT, 0 TH)	Thuyết trình; phát vấn, tổ chức học theo nhóm - Giảng viên:	CDR1.2; CDR1.4; CDR2.2;

	- Trình bày cách nói sở thích và khả năng; - Hiểu và chia đúng động từ thể khả năng; - Luyện nghe, nói, đọc, viết sử dụng động từ thể khả năng, mô tả sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi. Nội dung cụ thể: 18.1.語彙 18.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 18.3.活動 + 会話 + 練習 C 18.4.問題 + 聴解 + 復習		+ Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm; + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 112 - 117 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 152 - 159 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 18 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên;	CDR2.4; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.
3	漢字: 第 9 ~ 10 課 (Chữ Hán: Bài 9 ~ Bài 10) Mục tiêu bài: - Trình bày qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt, cách đọc các chữ Kanji cơ bản từ bài 9 đến bài 10; - Luyện kỹ năng đọc, viết chữ Kanji. Nội dung cụ thể: - 読み方 - 書き方 - 使い方	9 (7 LT, 0 TH, 2 KT)	Thuyết trình; giảng giải; dạy học dựa trên vấn đề; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giảng giải qui tắc về trình tự viết các nét chữ Kanji, âm Hán - Việt và cách đọc các chữ Kanji; + Phân biệt các nét viết tương đồng và khác biệt; + Hướng dẫn sinh viên đọc, viết các chữ Kanji, làm bài luyện tập. + Ôn tập củng cố nội dung bài 17, bài 18 tài liệu [2], chữ Kanji bài 9, bài 10 tài	CDR1.1; CDR2.1; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

	Kiểm tra giữa học phần		liệu [1]; + Nhận xét, đánh giá. + Hướng dẫn kiểm tra giữa học phần. - Sinh viên: + Đọc trước trang 50 - 64 tài liệu [1]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 76 - 84 tài liệu [1]; + Luyện đọc và viết đúng thứ tự các nét. + Làm bài kiểm tra giữa học phần theo yêu cầu.	
4	第 19 課：ダイエットは あしたからします (Tôi sẽ bắt đầu chế độ giảm cân từ ngày mai vậy) Mục tiêu bài: - Trình bày mẫu câu thể -ta biểu thị thì quá khứ, liệt kê các hoạt động, cấu trúc mô tả sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng; - Hiểu cách sử dụng mẫu câu biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng; - Luyện nghe, nói, đọc, viết theo chủ đề: Tại bữa tiệc, thăm hỏi tình tham gia các hoạt động giải trí, văn hóa truyền thống của đối tượng giao tiếp. Nội dung cụ thể: 19.1 語彙 19.2.文法・文型	9 (9 LT, 0 TH)	Thuyết trình; giảng giải; tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 118 - 123 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Giải quyết vấn đề giảng viên nêu ra; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 160 - 169 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 19 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR2.1; CDR2.2; CDR2.3; CDR2.4; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

	+ 練習A + 練習 B 19.3.活動 + 会話 + 練習 C 19.4.問題 + 聴解 + 復習		viên.	
5	第 20 課：いっしょに行かない？ (Đi cùng với mình không?) Mục tiêu bài: - Trình bày thể lịch sự và thể thông thường; - Hiểu và phân biệt được cách sử dụng thể lịch sự và thể thông thường; - Hội thoại thể thông thường thăm hỏi và đưa lời mời; - Luyện nghe, nói, đọc, viết cách nói câu, cách nói trình tự các hoạt động, sự kiện và chỉ dẫn. - Nội dung cụ thể: 20.1.語彙 20.2.文法・文型 + 練習A + 練習 B 20.3.活動 + 会話 + 練習 C 20.4.問題 + 聴解	9 (9 LT, 0 TH)	Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm, đặt vấn đề - Giảng viên: + Giải thích từ vựng và cấu trúc câu; + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề; + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên + Đọc trước từ vựng, giải thích mẫu câu trang 124 - 129 tài liệu [3]; + Nghe, quan sát, ghi chép; + Làm bài tập cá nhân, bài tập theo nhóm trang 170 - 177 tài liệu [2]; + Làm bài tập bài học 20 tài liệu [4]; + Chuẩn bị nội dung hội thoại theo yêu cầu của giảng viên.	CDR1.1; CDR1.2; CDR1.3; CDR1.4; CDR1.5; CDR2.1; CDR2.2; CDR2.3; CDR2.4; CDR2.5; CDR3.1; CDR3.2; CDR3.3; CDR3.4.

	+ 復習			
--	------	--	--	--

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN


Trịnh Thị Chuyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TOÁN CAO CẤP 1

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

1. Tên học phần: Toán cao cấp 1
2. Mã học phần: TOAN 002
3. Số tín chỉ: 3 (3,0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất
5. Phân bổ thời gian
 - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 90 giờ
6. Điều kiện tiên quyết: Không
7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Kiều Hiên	0985 330 644	nguyenkieuhien@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Hồng	0977 260 832	nguyenhong.sd@gmail.com
3	ThS. Nguyễn Thị Huệ	0977 944 536	minhhuesaodo@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	0988 101 489	diephuyendhsaodo@gmail.com
5	TS. Nguyễn Viết Tuấn	0978 235 234	nguyentuandhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Toán cao cấp 1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính.
- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, chuỗi và ứng dụng vào các bài toán trong kỹ thuật.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức cơ bản về các nội dung sau: - Đại số tuyến tính: Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính	1	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính. - Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân và ứng dụng vào các bài toán trong kỹ thuật, chuỗi số.		
MT2	Kỹ năng		
	Kỹ năng tính toán, giải thích và lập luận để giải quyết các bài toán về tập hợp, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính; các bài toán về giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến, chuỗi số, chuỗi hàm.	3	[1.2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1] [1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Nêu được khái niệm ánh xạ, đơn ánh, toàn ánh, song ánh.	1	[2.1.2]
CĐR1.2	Phát biểu được định nghĩa định thức. Trình bày được các phương pháp tính định thức.		
CĐR1.3	Phát biểu được định nghĩa ma trận nghịch đảo. Trình bày được các phương pháp tìm ma trận nghịch đảo.		
CĐR1.4	Nêu được các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính và trình bày được các phương pháp giải		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	hệ phương trình tuyến tính.		
CDR1.5	Trình bày được cách tìm tọa độ của vectơ đối với cơ sở		
CDR1.6	Trình bày được cách tìm ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính; các bước tìm trị riêng và vectơ riêng của ma trận.		
CDR1.7	Viết được công thức tính đạo hàm, vi phân cơ bản. Trình bày được các phương pháp tính giới hạn, tính liên tục và ứng dụng của giới hạn.		
CDR1.8	Trình bày được các bước để tìm miền hội tụ của chuỗi lũy thừa.		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Trình bày được tính đơn ánh, toàn ánh, song ánh.	3	[2.2.4]
CDR2.2	Sử dụng các phương pháp để tính được định thức của ma trận.		
CDR2.3	Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm được ma trận nghịch đảo.		
CDR2.4	Giải được hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Cramer và phương pháp Gauss.		
CDR2.5	Chứng minh được một tập là không gian con của không gian vectơ và tìm được số chiều của không gian con.		
CDR2.6	Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để chứng minh hệ vectơ là cơ sở của không gian vectơ và tìm được tọa độ của vectơ đối với cơ sở.		
CDR2.7	Tìm được ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính.		
CDR2.8	Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được trị riêng và vectơ riêng của ma trận.		
CDR2.9	Sử dụng được: Các giới hạn cơ bản, qui tắc L'Hospital để khử các dạng vô định.		
CDR2.10	Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để xét tính liên tục của hàm số.		
CDR2.11	Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
	miền hội tụ của chuỗi lũy thừa.		
CĐR2.12	Tính toán chính xác trong quá trình làm bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, làm bài kiểm tra, làm bài thi.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1] [2.3.2]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																								
		CDR1								CDR2												CDR3				
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4	
1	Chương 1. Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ 1.1. Tập hợp 1.2. Mệnh đề 1.3. Ánh xạ	x								x											x	x	x	x	x	
2	Chương 2. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính 2.1. Ma trận 2.2. Định thức 2.3. Ma trận nghịch đảo 2.4. Hạng của ma trận 2.5. Hệ phương trình tuyến tính		x	x	x	x								x	x							x	x	x	x	x
3	Chương 3. Không gian vector R^n 3.1. Vector n chiều 3.2. Không gian vector số học n chiều. Không gian Euclide 3.3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector 3.4. Cơ sở, số chiều của không gian vector 3.5. Hạng của một hệ vector						x									x	x					x	x	x	x	x

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																							
		CDR1								CDR2												CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 2.9	CDR 2.10	CDR 2.11	CDR 2.12	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
4	Chương 4. Ánh xạ tuyến tính 4.1. Khái niệm ánh xạ tuyến tính 4.2. Hạt nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính 4.3. Ma trận của ánh xạ tuyến tính 4.4. Trị riêng và vector riêng							X										X				X	X	X	X
5	Chương 5. Hàm một biến số 5.1. Khái niệm về hàm số 5.2. Giới hạn dãy số 5.3. Giới hạn của hàm số 5.4. Hàm số liên tục 5.5. Đạo hàm 5.6. Vi phân 5.7. Các định lý về hàm khả vi							X											X			X	X	X	X
6	Chương 6: Chuỗi 6.1. Chuỗi số 6.2. Chuỗi lũy thừa 6.3. Chuỗi Fourier								X											X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Máy tính, vở ghi, bút, thước kẻ,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình Toán cao cấp 1*.

Tài liệu tham khảo:

[2] - Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh (2018a), *Toán cao cấp, tập 1*, NXB Giáo dục.

[3] - Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh (2018b), *Toán cao cấp, tập 2*, NXB Giáo dục.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	Chương 1. Tập hợp, mệnh đề, ánh xạ Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên có thể: - Trình bày được khái niệm tập hợp, ánh xạ, đơn ánh, toàn ánh, song ánh. - Sử dụng các phương pháp để xét được tính đơn ánh, toàn ánh, song ánh. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm được tập ảnh, nghịch ảnh. Nội dung cụ thể: 1.1. Tập hợp 1.1.1. Tập hợp và phần tử của tập hợp 1.1.2. Tập hợp con, tập hợp bằng nhau 1.1.3. Các phép toán về tập hợp 1.2. Mệnh đề 1.2.1. Định nghĩa 1.2.2. Các phép tính mệnh đề 1.2.3. Biểu thức mệnh đề 1.3. Ánh xạ 1.3.1. Các định nghĩa 1.3.2. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh 1.3.3. Ánh xạ ngược của một song ánh	3 (3LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 1; [2]: Mục 1.2 – 1.5. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trong [1]: Chương 1, Bài 1.1-1.9.	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.12, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
2	Chương 2. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu	9 (9LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm,	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.5,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	cơ bản sau: - Trình bày được khái niệm ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính. - Thực hiện được các phép toán trên ma trận. - Sử dụng các phương pháp để tính được định thức của ma trận. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để tìm được ma trận nghịch đảo. - Giải được hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Cramer và phương pháp Gauss. Nội dung cụ thể: 2.1. Ma trận 2.1.1. Khái niệm về ma trận 2.1.2. Các phép toán về ma trận 2.2. Định thức 2.2.1. Định nghĩa 2.2.2. Các tính chất của định thức 2.2.3. Các phương pháp tính định thức 2.3. Ma trận nghịch đảo 2.3.1. Định nghĩa, tính chất 2.3.2. Điều kiện tồn tại của ma trận nghịch đảo 2.3.3. Các phương pháp tìm ma trận nghịch đảo 2.4. Hạng của ma trận 2.4.1. Định nghĩa 2.4.2. Cách tìm hạng của ma trận 2.5. Hệ phương trình tuyến tính 2.5.1. Các khái niệm cơ bản 2.5.2. Các dạng hệ phương trình tuyến tính 2.5.3. Các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính		định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của sinh viên. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 2; [2]: Mục 3.1 – 3.5. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trong [1]: Chương 2, Bài 2.1-2.17.	CDR2.6, CDR2.12, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
3	Chương 3. Không gian vector $\mathbb{R}^n$ Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: - Trình bày được định nghĩa không gian vector số học n chiều và không gian con. - Chứng minh được một tập là không gian con của không gian vector và tìm được số chiều của không gian con. - Áp dụng các phương pháp trong lý thuyết để chứng minh hệ vector là cơ sở của không gian vector và tìm được tọa độ của vector đối với cơ sở. Nội dung cụ thể: 3.1. Vector n chiều 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Các phép toán vector 3.2. Không gian vector số học n chiều. Không gian Euclide 3.2.1. Không gian vector số học n chiều 3.2.2. Không gian con 3.2.3. Không gian Euclide 3.3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector 3.3.1. Tổ hợp tuyến tính 3.3.2. Hệ vector độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính 3.4. Cơ sở, số chiều của không gian vector 3.4.1. Các khái niệm 3.4.2. Tọa độ của vector đối với cơ sở 3.5. Hạng của một hệ vector 3.5.1. Định nghĩa 3.5.2. Cách tính hạng của hệ vector - Kiểm tra giữa học phần	12 (10LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 3; [2]: Mục 5.1 – 5.7; + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trong [1]: Chương 3, Bài 3.1- 3.11. + Làm bài kiểm tra.	CDR1.6, CDR2.7, CDR2.8, CDR2.12, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
4	Chương 4. Ánh xạ tuyến tính Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: - Trình bày được định nghĩa ánh xạ tuyến tính, ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính. - Tìm được ảnh và ma trận của ánh xạ tuyến tính. - Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được trị riêng và vectơ riêng của ma trận. Nội dung cụ thể: 4.1. Khái niệm ánh xạ tuyến tính 4.1.1. Định nghĩa 4.1.2. Các phép toán 4.1.3. Tính chất của ánh xạ tuyến tính 4.2. Hạt nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính 4.3. Ma trận của ánh xạ tuyến tính 4.3.1. Ma trận của ánh xạ tuyến tính đối với hai cơ sở 4.3.2. Ma trận của phép biến đổi tuyến tính đối với một cơ sở 4.4. Trị riêng và vectơ riêng 4.4.1. Trị riêng và vectơ riêng của ma trận 4.4.2. Trị riêng và vectơ riêng của phép biến đổi tuyến tính	6 (6LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên tranh luận; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa. + Đưa nội dung tranh luận. + Giao bài tập cho các nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 4; [2]: Mục 6.1 – 6.3, 7.1, 7.2 + Lắng nghe, ghi chép, tranh luận và phản biện. + Làm bài tập theo nhóm trong [1]: Chương 4, Bài 4.1-4.7.	CDR1.7, CDR2.9, CDR2.12, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
5	Chương 5. Hàm một biến số Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu cơ bản sau: - Trình bày được định nghĩa giới hạn, liên tục. - Sử dụng được: Các giới hạn cơ bản, qui tắc L'Hospital để	6 (6LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Giải thích các định nghĩa. + nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân,	CDR1.7, CDR2.9, CDR2.12, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	khử các dạng vô định. - Tính được đạo hàm và vi phân. Nội dung cụ thể: 5..1. Khái niệm về hàm số 5.1.1. Định nghĩa hàm số 5.1.2. Hàm số đơn điệu, chẵn, lẻ, tuần hoàn 5.1.3. Hàm số hợp 5.1.4. Hàm số ngược 5.1.5. Hàm sơ cấp 5.2. Giới hạn của dãy số 5.2.1. Các định nghĩa về dãy số 5.2.2. Giới hạn của dãy số 5.3. Giới hạn hàm số 5.3.1. Các định nghĩa 5.3.2. Các phép toán 5.3.3. Các định lý 5.3.4. Một số giới hạn đáng chú ý 5.4. Hàm số liên tục 5.4.1. Các định nghĩa 5.4.2. Các phép toán về hàm số 5.4.3. Tính chất của hàm số liên tục 5.5. Đạo hàm 5.5.1. Các định nghĩa 5.5.2. Các quy tắc tính đạo hàm 5.5.3. Đạo hàm của hàm số sơ cấp 5.5.4. Đạo hàm cấp cao. Công thức Taylor 5.5.5. Ứng dụng của đạo hàm 5.6. Vi phân 5.6.1. Định nghĩa 5.6.2. Các quy tắc tính vi phân 5.6.3. Vi phân cấp cao 5.6.4. Ứng dụng của vi phân 5.7. Các định lý về hàm khả vi		các nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 5; [3]: Mục 2.1-2.7, 3.1-3.7, 4.1-4.4, 5.1, 5.2. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trong [1]: Chương 5, Bài 5.1-5.11.	
6	Chương 6. Chuỗi Mục tiêu chương: Sau khi học xong chương này, sinh viên đạt được các yêu cầu	9 (9LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm	CDR1.8, CDR2.11, CDR2.12,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	cơ bản sau: - Trình bày được định nghĩa chuỗi số và chuỗi lũy thừa. - Giải thích được khái niệm bán kính hội tụ, miền hội tụ của chuỗi lũy thừa. - Áp dụng các kết quả trong lý thuyết để tìm được miền hội tụ của chuỗi lũy thừa. Nội dung cụ thể: 6.1. Chuỗi số 6.1.1. Đại cương về chuỗi số 6.1.2. Chuỗi số dương 6.1.3. Chuỗi đan dấu 6.1.4. Chuỗi số có dấu bất kì 6.2. Chuỗi lũy thừa 6.2.1. Định nghĩa 6.2.2. Bán kính hội tụ. Miền hội tụ 6.2.3. Các tính chất của chuỗi lũy thừa trong khoảng hội tụ 6.2.4. Khai triển một hàm thành chuỗi lũy thừa 6.2.5. Ứng dụng chuỗi lũy thừa để tính gần đúng 6.3. Chuỗi Fourier 6.3.1. Định nghĩa 6.3.2. Điều kiện đủ để hàm $f(x)$ khai triển được thành chuỗi Fourier 6.3.3. Khai triển Fourier		- Giảng viên: + Giải thích các định nghĩa. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của sinh viên. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Chương 6; [3]: Mục 8.1-8.3, 8.6, 8.7. + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm trong [1]: Chương 6, Bài 6.1- 6.7.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Viết Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Viết Tuấn